

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ, KỸ THUẬT VÀ THỦY SẢN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH CAO ĐẲNG
NGHỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2021

Bắc Ninh, năm 2021

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
1.1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
1.2.1. Lịch sử phát triển.....	5
1.2.2. Thành tích nổi bật.....	9
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	10
1.3.1. Cơ cấu tổ chức.....	10
1.3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Nhà trường.....	13
1.3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của Nhà trường	14
1.4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.....	14
1.5. Cơ sở vật chất.....	16
1.5.1. Diện tích đất	16
1.5.2. Diện tích hạng mục và công trình	17
2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo	18
2.1. Lịch sử phát triển.....	18
2.2. Thành tích đạt được.....	19
2.2.1. Thành tích tập thể	19
2.2.2. Thành tích cá nhân	20
2.3. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy môn học, môđun của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản	20
2.4. Quy mô đào tạo của chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng.....	21
2.4.1. Quy mô tuyển sinh ngành Nuôi trồng thủy sản	21
2.4.2 Quy mô đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản	21
2.4.3. Tổng số học sinh ngành Nuôi trồng thủy sản đã tốt nghiệp	21
2.5. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường.....	21
2.6. Tổng thu học phí của người học chương trình đào tạo.....	21
3. Thông tin về chương trình đào tạo	21

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	23
1. Tổng quan chung	23
<i>1.1. Căn cứ tự đánh giá</i>	<i>23</i>
<i>1.2. Mục đích tự đánh giá.....</i>	<i>23</i>
<i>1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....</i>	<i>23</i>
<i>1.4. Phương pháp tự đánh giá.....</i>	<i>24</i>
<i>1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá</i>	<i>24</i>
2. Tự đánh giá	25
<i>2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá</i>	<i>25</i>
<i>2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....</i>	<i>32</i>
<i>2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</i>	<i>32</i>
<i>2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</i>	<i>40</i>
<i>2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	<i>56</i>
<i>2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....</i>	<i>70</i>
<i>2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....</i>	<i>92</i>
<i>2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học.....</i>	<i>108</i>
<i>2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....</i>	<i>122</i>
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	147
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	148

DANH MỤC VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	CHÚ GIẢI
BC	Báo cáo
Bộ LĐ-TB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Bộ NN&PTNN	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
CĐ	Cao đẳng
CTĐT	Chương trình đào tạo
DN	Doanh nghiệp
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
HSSV	Học sinh sinh viên
KH	Kế hoạch
Khảo thí & KĐCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
KHCN	Khoa học công nghệ
KT,KT&Thủy sản	Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản
NTTS	Nuôi trồng thủy sản
QĐ	Quyết định
TC	Trung cấp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- **Tên trường:** Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản
- **Tên giao dịch quốc tế:** FISHERIES AND TECHNICAL ECONOMIC COLLEGE
- **Cơ quan chủ quản:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- **Địa chỉ:**
 - **Cơ sở I:** phường Đình Bảng - thành phố Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh.
 - + Điện thoại: 0222.3831.632; 0222.3833.873
 - + Fax: 0222.3832.909
 - **Cơ sở II:** phường Minh Thành - thị xã Quảng Yên - tỉnh Quảng Ninh.
 - + Điện thoại: 0203.3681.966
 - + Fax: 0203.3681.966
- Website:** <http://www.ftec.edu.vn>
- **Năm thành lập Trường:** 1962
- **Loại hình trường:** Công lập

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.2.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (trước đây Trường thuộc Bộ Thủy sản), chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường nằm trong hệ thống mạng lưới các trường Đại học, Cao đẳng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường đóng trên địa bàn phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 13 km). Nơi đây có truyền thống hiếu học, khoa bảng và là vùng đất địa linh nhân kiệt; có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng như: Đền Đô thờ 8 vị vua đời nhà Lý, khu tưởng niệm các chiến sĩ cách mạng Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ...

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế có trình độ từ Cao đẳng, Trung cấp và công nhân kỹ thuật; liên kết với một số trường Đại học để đào tạo bậc Đại học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sau gần 60 năm (1962 - 2021) xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ, giáo viên và nhân viên Nhà trường đã từng bước nâng Nhà trường lên tầm cao mới.

- Giai đoạn từ năm 1962 đến năm 1978

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản ra đời từ cái nôi là trường Trung cấp Nông Lâm Trung ương đóng ở xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Năm 1962, khoa Thủy sản của Trường được tách ra và thành lập trường Trung cấp Thủy sản Trung ương. Trường được xây dựng tại thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Một thời gian sau, theo chủ trương của Nhà nước: các trường Đại học, Trung cấp chuyên nghiệp nên ở gần các cơ sở sản xuất của ngành; do đó, Trường được chuyển về xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Năm 1964, theo Quyết định số 128 TS/QĐ ngày 23/3/1964, trường Trung cấp Thủy sản Trung ương sát nhập với trường Trung cấp Thủy sản Hải Phòng thành trường trung cấp Thủy sản Trung ương II - trực thuộc Tổng cục Thủy sản, đóng tại xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng. Trong thời gian này, đế quốc Mỹ gây ra sự kiện vịnh Bắc Bộ, tiếp đó chúng tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta nên Trường phải sơ tán về 3 xã: Gia Khánh, Gia Lương và Gia Tân (đều thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương); sau đó, Trường lại sơ tán về xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là xã Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Để kết hợp chặt chẽ giữa công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo; năm 1971, theo Quyết định số 423 TS/QĐ ngày 31/6/1971, Trường được chuyển về xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để gần Trạm nghiên cứu cá nước ngọt.

Giai đoạn này, Nhà trường đào tạo 02 chuyên ngành chính là Trung cấp Nuôi trồng Thủy sản và Trung cấp Khai thác đánh bắt hải sản trong hoàn cảnh, điều kiện khó khăn về nhiều mặt, cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, nghèo nàn và lạc hậu. Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Nhà trường đã phải nhiều lần di

sơ tán, vừa đào tạo, vừa sản xuất và vừa chiến đấu. Những khó khăn đó có lúc tưởng chừng sự nghiệp đào tạo của Nhà trường sẽ đi xuống, không thể vực lên được. Cũng vào thời điểm này đã có không ít thế hệ giáo viên và học sinh nối tiếp nhau tạm xếp bút sách lên đường nhập ngũ cầm súng chiến đấu chống Mỹ cứu nước, bảo vệ biên giới phía Bắc và Tây Nam của Tổ quốc. Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, học sinh **Lê Thế Bùi** của Trường đã anh dũng hy sinh và được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Giai đoạn từ năm 1979 đến năm 2006

Tháng 5 năm 1979, theo Quyết định số 411/HS - QĐ.TC ngày 07/5/1979 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Trường tiếp tục được hợp nhất bởi hai trường Trung cấp Thủy sản Trung ương II và trường Bổ túc văn hoá nghiệp vụ Thủy sản, thành trường Trung học Thủy sản IV trực thuộc Bộ Thủy sản.

Trường ra đời vẫn trong điều kiện có nhiều khó khăn và thiếu thốn, mãi đến năm 1980 nhà trường mới chính thức được Nhà nước đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 2,2 ha tại xã Đình Bảng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Từ một ngôi trường đơn sơ như lán trại đã được thay thế dần bằng những toà nhà cao tầng khang trang, sạch đẹp. Với một cấp học và bốn ngành học, đó là: ngành Nuôi trồng Thủy sản, ngành Kế toán, ngành Kế hoạch và ngành Lao động tiền lương. Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, từ năm 1991 Trường đã tích cực thực hiện chủ trương đa dạng hoá các cấp đào tạo, ngành đào tạo và loại hình đào tạo, thực hiện chủ trương liên thông liên kết trong đào tạo. Kết quả: đến năm 2006, Trường từ một trường đơn cấp đào tạo trở thành trường đa cấp đào tạo (Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề, liên kết với đại học Nha trang đào tạo bậc Đại học), với các ngành như: Nuôi trồng thủy sản, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Thú y thủy sản. Hình thức đào tạo ngày càng phong phú, như: đào tạo chính quy tập trung, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ... Quy mô đào tạo ngày một tăng nhanh: từ chỗ có khoảng 200 học sinh/năm (năm 1985), lên hơn 4000 học sinh, sinh viên/năm (năm 2006).

Cùng với sự phát triển về quy mô đào tạo, cấp đào tạo và ngành nghề đào tạo, đội ngũ giáo viên Nhà trường đã có bước trưởng thành nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Đội ngũ giáo viên nhà trường phát triển từ chỗ có khoảng 24 giáo viên (năm 1985) lên 76 giáo viên giảng dạy và hàng chục

giáo viên thỉnh giảng ở các trường Đại học, các Viện nghiên cứu đã tham gia vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường.

Với kết quả đầu tư trên, cùng với các nguồn thu của Nhà trường đã tạo cho nhà trường một cơ sở hạ tầng cùng các trang thiết bị hiện đại, nhất là hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm, các cơ sở thực hành thực tập và rèn nghề cho học sinh, sinh viên. Hệ thống lớp học, thư viện và các phòng làm việc của cán bộ giáo viên, người lao động Nhà trường ngày càng khang trang, sạch sẽ và từng bước hiện đại, đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói *“Phải xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp”*. Đây thực sự là cơ sở thực tiễn quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình đào tạo theo chiều sâu của nhà trường trong tương lai. Đời sống của cán bộ, giáo viên, người lao động và học sinh - sinh viên được cải thiện rõ rệt.

Sự nghiệp đào tạo của nhà trường giai đoạn 2001 - 2006 đã mở ra một thời kỳ rực rỡ, với đa cấp học, ngành học và loại hình đào tạo. Với đội ngũ cán bộ, giáo viên, người lao động trẻ, giàu nghị lực, đoàn kết và có trình độ chắc chắn nhà trường sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức trước yêu cầu hội nhập và hợp tác.

- Giai đoạn từ năm 2006 đến tháng 9 năm 2016

Ngày 15 tháng 11 năm 2006 trường Trung học thuỷ sản IV được nâng cấp thành trường Cao đẳng Thủy sản theo Quyết định số 6768/QĐ - BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Cao đẳng Thủy sản ra đời đánh dấu sự trưởng thành về chất lượng sau hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, xứng đáng với truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo và hội nhập của Nhà trường. Đồng thời đây cũng là cơ hội để nhà trường xây dựng những chặng đường phát triển trong tương lai, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Với yêu cầu mới của một trường Cao đẳng, Nhà trường tiếp tục được Nhà nước quan tâm đầu tư 5 dự án, đó là: Dự án mở rộng trường Cao đẳng Thủy sản tại phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn với diện tích mở rộng là 10 hecta. Dự án xây dựng đường và cơ sở hạ tầng; Dự án khu giáo dục thể chất và nhà ký túc xá số 2 trên khu đất mở rộng của trường tại khu Long Vĩ, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Dự án mở rộng trường Cao đẳng Thủy sản giai đoạn 2 với diện tích 2,7 hecta tại phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và Dự án nâng cấp trại thực nghiệm nuôi trồng thuỷ sản - Quảng Ninh. Tổng kinh phí đầu tư từ các dự án trên là gần 200 tỷ đồng.

Sau hơn nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, trường Cao đẳng Thủy sản đã dần đi vào thế phát triển theo hướng ổn định và bền vững, tạo đà để tiếp tục phát triển đáp ứng yêu cầu hội nhập, hợp tác quốc tế trong khu vực và thế giới trên lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực.

- Giai đoạn từ tháng 9/2016 đến nay

Ngày 30/9/2016, Trường Cao đẳng Thủy sản được đổi tên thành **Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản** theo Quyết định số 4004/QĐ - BGDDT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, Trường có 01 Phó giáo sư, 05 giảng viên có trình độ Tiến sĩ, 03 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh, có 70 giảng viên có trình độ Thạc sĩ.

Các thế hệ học sinh, sinh viên ra trường đều có việc làm, đã và đang đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay, đóng góp tích cực vào chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước. Trong số hàng nghìn học sinh, sinh viên ra trường nhiều em đã trở thành cán bộ nghiên cứu khoa học hiện đang công tác tại các Viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục, một số học sinh đã có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ. Nhiều học sinh đã trở thành cán bộ quản lý Nhà nước của ngành Thủy sản (từ Trung ương đến địa phương), giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Thủy sản, các chủ trang trại vừa và nhỏ. Đây thực sự là những tấm gương sáng, cho các thế hệ học sinh, sinh viên học tập và rèn luyện.

1.2.2. Thành tích nổi bật

Trường đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, ngành, địa phương tặng nhiều phần thưởng cao quý cho thầy và trò nhà trường.

- + Huân chương Độc lập hạng Nhì, Ba.
- + Huân chương lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
- + Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- + 06 năm liền (2001 - 2006) được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua.
- + 04 lần được Bộ Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng cờ thi đua.
- + 03 lần được Tỉnh Bắc Ninh tặng cờ thi đua.

- + 04 lần được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua.
- + 02 lần được Tỉnh ủy Bắc Ninh tặng bằng khen.
- + Nhiều tập thể, cá nhân được Chủ tịch nước, Chính phủ, Bộ, tỉnh Bắc Ninh tặng Huân chương, Bằng khen, giấy khen.
- + Đảng bộ Nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Công đoàn, Đoàn thanh niên liên tục được công nhận là đơn vị xuất sắc.
- + 05 giáo viên được phong tặng nhà giáo ưu tú.
- + 05 giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi toàn quốc ngành giáo dục chuyên nghiệp.

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.3.1. Cơ cấu tổ chức

- *Hội đồng trường*: Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường

- *Ban Giám hiệu*: gồm 3 đồng chí:

+ 01 Hiệu trưởng;

+ 02 Phó Hiệu trưởng.

- *Phòng chức năng*: Có 6 phòng

+ Phòng Tổ chức, Hành chính;

+ Phòng Đào tạo;

+ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

+ Phòng Tài chính – Kế toán;

+ Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế;

+ Phòng Công tác học sinh, sinh viên;

- *Đơn vị chuyên môn*: có 5 khoa và 02 tổ bộ môn

+ Khoa Kinh tế;

+ Khoa Nuôi trồng thủy sản;

+ Khoa Khoa học cơ bản;

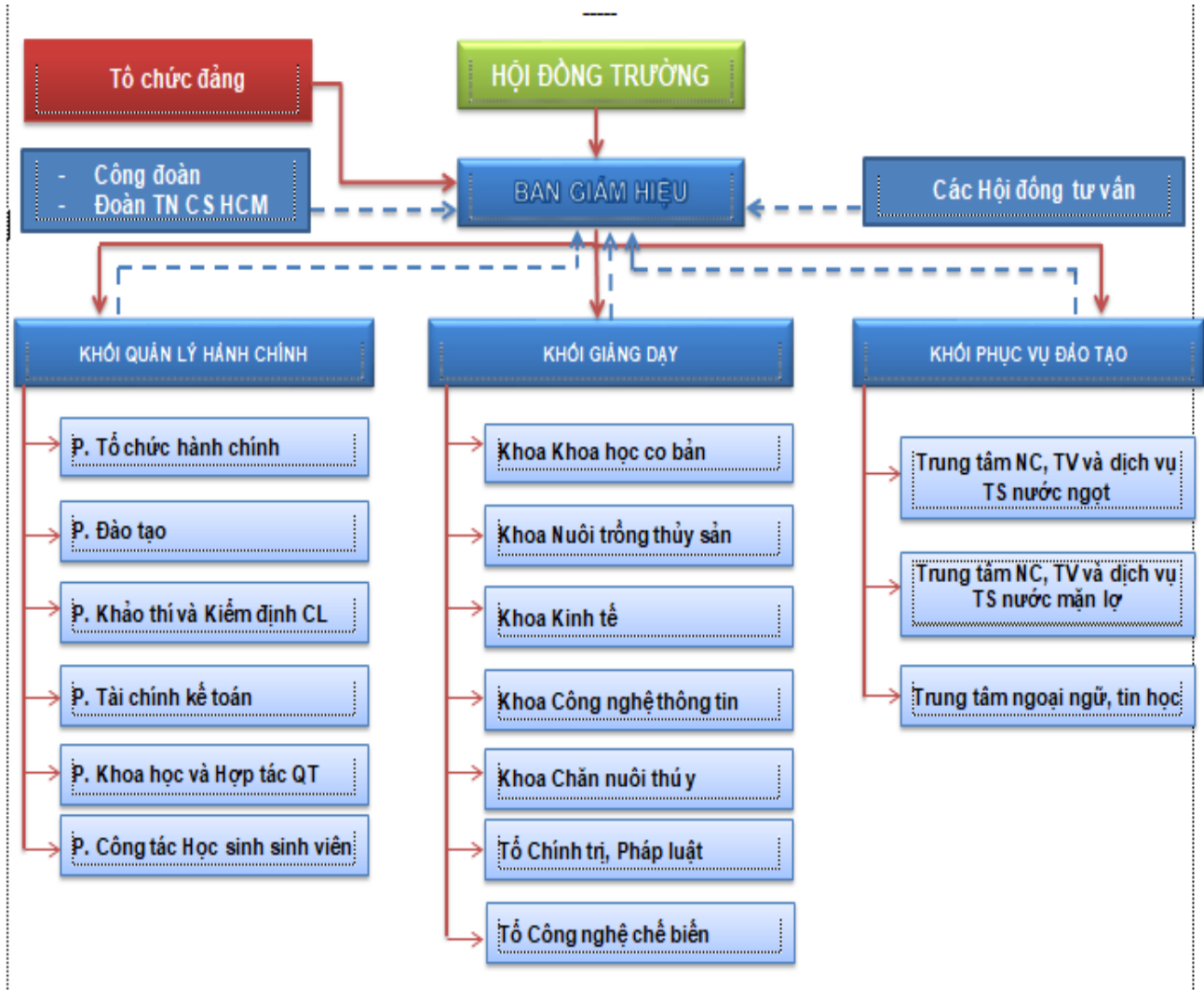
+ Khoa Chăn nuôi, thú y;

+ Khoa Công nghệ thông tin;

+ Tổ bộ môn Chính trị - Pháp luật

- + Tổ bộ môn Công nghệ chế biến
- Trung tâm trực thuộc: 03 trung tâm.
- + Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;
- + Trung tâm nghiên cứu, tư vấn và dịch vụ thủy sản nước ngọt;
- + Trung tâm nghiên cứu, tư vấn và dịch vụ thủy sản nước mặn, lợ.
- *Các tổ chức đoàn thể:*
 - Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ Thành ủy Từ Sơn.
 - Tổ chức Công đoàn trực thuộc Công đoàn Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
 - Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



1.3.2. Danh sách cán bộ chủ chốt của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm/ học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Bùi Thị Hạnh	1974	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Anh Xuân	1963	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Thái Thanh Bình	1971	PGS.TS	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Bùi Thị Hạnh	1974	Tiến sĩ	Bí thư
	Nguyễn Anh Xuân	1963	Thạc sĩ	Phó Bí thư TT
Công Đoàn	Đặng Thị Khang	1976	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Thị Thanh Vân	1987	Cử nhân	Bí thư
Nữ công	Nguyễn Thị Thu Trang	1983	Thạc sĩ	Trưởng ban
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức, Hành chính	Trần Tuấn Anh	1970	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính, Kế toán	Ngô Thị Kim Nguyệt	1972	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Đỗ Văn Sơn	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Đình Diễm	1975	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Khảo thí và KĐCL	Trương Công Nghị	1980	Thạc sĩ	Phó trưởng phòng
Phòng Khoa học và HTQT	Nguyễn Văn Tuấn	1976	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa (hoặc tương đương)				
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Thu Hường	1974	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Nuôi trồng thủy sản	Ngô Thị Mai Hương	1973	Tiến sĩ	Trưởng khoa
Khoa Chăn nuôi, thú y	Nguyễn Luận	1981	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Ngô Văn Cương	1974	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Văn Chan	1966	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Tổ bộ môn Chính trị, Pháp luật	Phạm Văn Lương	1978	Thạc sĩ	Trưởng Bộ môn
Tổ bộ môn Công nghệ chế biến	Nguyễn Thủy Dương	1977	Thạc sĩ	Tổ phó Bộ môn
5. Trưởng Trung tâm trực thuộc				
Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học	Bùi Thị Hạnh	1974	Tiến sĩ	Giám đốc
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước mặn, lợ	Nguyễn Văn Sơn	1984	Thạc sĩ	Giám đốc
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt	Nguyễn Đắc Hải	1981	Thạc sĩ	Giám đốc

1.3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của Nhà trường

Tính đến tháng 12/2021, tổng số cán bộ, giáo viên của Nhà trường là **138** người.

Trong đó: - Nam: 56 - Nữ: 82

Tổng số giảng viên cơ hữu/CB-GV-NV: 73/141; chiếm tỷ lệ 53,2 %.

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	07
Thạc sĩ	69
Đại học	44
Trình độ khác	18
Tổng số	138

1.4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 45/2020/GCNĐKHĐ- TCGDNN cấp ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
1	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng	90
		Trung cấp	120
		Sơ cấp	100
2	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Cao đẳng	30
		Trung cấp	120
		Sơ cấp	
3	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ	Cao đẳng	
		Trung cấp	90
		Sơ cấp	

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
4	Kế toán	Cao đẳng	50
		Trung cấp	
		Sơ cấp	
5	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng	30
		Trung cấp	
		Sơ cấp	
6	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30
		Trung cấp	90
		Sơ cấp	60
7	Quản lý doanh nghiệp	Cao đẳng	
		Trung cấp	90
		Sơ cấp	
8	Tài chính ngân hàng	Cao đẳng	30
		Trung cấp	
9	Công nghệ thông tin	Cao đẳng	30
		Trung cấp	
		Sơ cấp	
10	Tin học ứng dụng	Cao đẳng	20
		Trung cấp	120
11	Sửa chữa lắp ráp máy tính	Cao đẳng	20
		Trung cấp	20
		Sơ cấp	100
12	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	30
		Trung cấp	25
		Sơ cấp	
13	Dịch vụ thú y	Cao đẳng	30

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm
		Trung cấp	
		Sơ cấp	
14	Chăn nuôi thú y	Cao đẳng	
		Trung cấp	20
		Sơ cấp	
15	Thú y	Cao đẳng	20
		Trung cấp	20
		Sơ cấp	50
16	Công nghệ chế biến	Cao đẳng	30
		Trung cấp	25
		Sơ cấp	
17	Công nghệ thực phẩm	Cao đẳng	30
		Trung cấp	
		Sơ cấp	
18	Công nghệ kỹ thuật và môi trường	Cao đẳng	30
		Trung cấp	25
		Sơ cấp	

1.5. Cơ sở vật chất

1.5.1. Diện tích đất

- Tổng diện tích đất: 644.796,8 m²
- + Diện tích chiếm đất xây dựng: 402.105,02 m²
- + Diện tích xây dựng: 437.224,02 m²
- + Diện tích cây xanh, lưu không: 242.691,08 m²

1.5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Danh mục công trình	Số tầng	Diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)
I	Nhà làm việc		3.744	8.786
1	Nhà Hiệu bộ	1	501	501
2	Nhà làm việc (nhà E)	3	1.200	3.600
3	Nhà làm việc BQL KTX	1	550	550
4	Nhà làm việc và thí nghiệm	3	1321	3963
5	Nhà làm việc của giáo viên	1	172	172
II	Nhà xưởng, phòng thực hành, ao		381.789	382.425
1	Nhà thực hành thí nghiệm	2	636	1272
2	Nhà sinh sản nhân tạo	1	430	430
3	Nhà chế biến thức ăn cho cá	1	230	230
4	Nhà sinh sản nhân tạo thủy sản	1	300	300
5	Nhà thí nghiệm ươm	1	295	295
6	Nhà và hệ thống công nghệ sinh học	1	694	694
7	Nhà thí nghiệm nuôi sinh khối tảo	1	704	704
8	Hệ thống ao nuôi, ao xử lý (7 ao chứa	1	225.100	225.100
9	Hệ thống ao, kênh mương (Hệ thống ao nuôi nhỏ) 62 ao nhỏ	1	153.400	153.400
III	Giảng đường		4.458	10.442
1	Nhà 3 tầng lớp học (nhà M)	3	1.200	3.600
2	Nhà 3 tầng lớp học (nhà K)	3	1.482	4.446
3	Nhà thư viện lớp học đa năng (nhà I)	2	620	1.240
4	Nhà ăn học sinh (nhà D)	1	282	282
5	Hội trường kiêm giảng đường	1	514	514
6	Nhà lớp học	1	360	360
IV	Nhà KTX		7.059	29.271
1	Nhà ký túc xá số 1	5	4.950	24.750
2	Nhà 3 tầng ký túc xá	3	1.206	3.618
3	Nhà ở học sinh	1	245	245
4	Nhà ở học sinh	1	245	245
5	Nhà ở học sinh	1	413	413
V	Tài sản khác		5.055,02	6.300,02
1	Nhà ăn	1	1476	1476

TT	Danh mục công trình	Số tầng	Diện tích chiếm đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)
2	Nhà ăn tập thể	1	197	197
3	Nhà Thư viện câu lạc bộ	2	1245	2490
4	Nhà câu lạc bộ, văn hóa	1	175	175
5	Nhà làm việc ban tuyển sinh	1	100,02	100,02
6	Nhà thường trực, bảo vệ khu A	1	34	34
7	Nhà kho, nhà nấu	1	270	270
8	Nhà đặt máy phát điện	1	47	47
9	Nhà gara ô tô	1	123	123
10	Nhà để xe đạp, xe máy khu A	1	50	50
11	Nhà vệ sinh tường rào	1	30	30
12	Nhà căng tin	1	387	387
13	Nhà bảo vệ bể bơi khu B	1	25	25
14	Nhà thường trực và bảo vệ khu B	1	56	56
15	Nhà để xe khu B	1	185	185
16	Nhà giáo dục thể chất	1	2280	2280
17	Nhà điều hành khu ao nuôi QN	1	24	24
18	Nhà thường trực bảo vệ toàn khu trại	1	124	124
19	Nhà thường trực	1	30	30
20	Nhà nâng nhiệt	1	30	30
21	Nhà gara ô tô và để xe đạp, xe máy	1	100	100
22	Nhà gara ô tô và để máy phát điện	1	250	250
23	Nhà đặt trạm bơm nước mặn	1	50	50
24	Nhà đặt hệ thống máy bơm	1	25	25
	Tổng cộng(I+II+III+IV+V)		402.105,02	437.224,02

2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo

2.1. Lịch sử phát triển

Khoa Nuôi trồng thủy sản có truyền thống gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản. Năm 2006, theo Quyết định số 636/CĐTS-QĐ ngày 26/12/2006 về việc thành lập tổ chức bộ máy trường Cao đẳng Thủy sản, khoa Nuôi trồng thủy sản được thành lập, từ việc sát nhập hai tổ bộ môn: Nuôi trồng thủy sản và Cơ sở cơ bản. Cơ cấu tổ chức của khoa

Nuôi trồng thủy sản gồm: Bộ môn Nuôi trồng thủy sản và Bộ môn Sinh học thực nghiệm.

Hiện nay, khoa Nuôi trồng thủy sản có 13 cán bộ, giảng viên; trong đó có: 01 Tiến sĩ, 09 Thạc sĩ, 02 cán bộ phòng thực hành, 01 cán bộ giáo vụ khoa. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên tham gia thỉnh giảng ngành Nuôi trồng thủy sản thuộc các phòng, ban trong Nhà trường có trình độ chuyên môn: 02 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ.

Với đội ngũ giáo viên ngành Nuôi trồng thủy sản có trình độ chuyên môn tốt nên khoa Nuôi trồng thủy sản có sự tham gia sâu, rộng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Với năng lực chuyên môn được đào tạo, trải qua thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thực tập thực tế tại các cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu, đội ngũ nhà giáo khoa Nuôi trồng thủy sản đã trực tiếp xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy cho ngành Nuôi trồng thủy sản ở các trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

2.2. Thành tích đạt được

2.2.1. Thành tích tập thể

Với nhiều đóng góp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khoa Nuôi trồng thủy sản đã được ghi nhận và nhận được nhiều bằng khen:

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, QĐ số 106/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 1 năm 2011;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm học 2011 – 2012. QĐ số 2827/QĐ-BNN;

- Bằng khen của Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT năm học 2013 – 2014, số 290 – ngày 18/9/2014;

- Giấy khen của Công đoàn trường cho tập thể khoa Nuôi trồng thủy sản năm học 2014 – 2015, số 16/GK – CD;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm học 2014 – 2015. QĐ số 4633/QĐ-BNN-TCCB;

- Giấy khen của BCH Công đoàn trường năm học 2016 – 2017, số 15/QĐKTCĐ – CĐKTKTTS;

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm học 2017 – 2018, QĐ số 4091/QĐ BNN TCCB ngày 19/10/2018;

- Nhiều năm, khoa Nuôi trồng thủy sản đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

2.2.2. Thành tích cá nhân

- Năm 2009, 01 giáo viên đạt giải nhì Hội thi giáo viên dạy giỏi GDCN toàn quốc;

- Năm 2017, 02 giáo viên đạt giải nhì Hội thi giáo viên dạy giỏi Bộ NN&PTNT;

- Năm 2017, 01 giáo viên đạt giải nhì Hội thi giáo viên dạy giỏi tỉnh Bắc Ninh;

- Năm 2018, 01 cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

- Năm 2020, 01 giáo viên đạt giải Nhất - Hội thi giáo viên dạy giỏi Bộ NN&PTNT;

- Năm 2021, 01 giáo viên đạt giải Nhất - Hội thi giáo viên dạy giỏi toàn quốc.

- Nhiều lượt giáo viên được bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, Bằng khen của Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT Việt Nam.

2.3. Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản

- Nam: 17

- Nữ: 06

- Cơ hữu: 17

- Thỉnh giảng: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	2	1	3

Thạc sĩ	9	5	14
Tổng	11	6	17

2.4. Quy mô đào tạo của chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng

2.4.1. Quy mô tuyển sinh ngành Nuôi trồng thủy sản

Năm		
2019	2020	2021
58	11	78

2.4.2 Quy mô đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản

Năm		
2019	2020	2021
278	181	308

2.4.3. Tổng số học sinh ngành Nuôi trồng thủy sản đã tốt nghiệp

Năm		
2018	2019	2020
12	06	03

2.5. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường

Tổng số đầu sách trong thư viện Trường là 1.883; trong đó tổng số đầu sách có liên quan tới chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản là: 247 đầu sách.

Số cuốn sách Nuôi trồng thủy sản là: 4488 cuốn.

2.6. Tổng thu học phí của người học chương trình đào tạo

Tổng thu học phí của người học ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng (chỉ tính hệ chính quy) trong 3 năm gần đây là:

Năm 2018: 0 VNĐ

Năm 2019: 0 VNĐ

Năm 2020: 0 VNĐ

3. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo: **Nuôi trồng thủy sản**

Trình độ: Cao đẳng

Mã nghề: 6620303

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số: 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp, Trung cấp và Cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của nghề Nuôi trồng thủy sản, trình độ cao đẳng; qua đó, Nhà trường xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

Là cơ sở để tiến hành đăng ký đánh giá ngoài. Dự kiến thời gian đánh giá ngoài vào tháng 12/2021.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn Trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp tự đánh giá của Trường được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá; tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn. Mỗi đơn vị trong toàn Trường (bao gồm các phòng, khoa, trung tâm) đã cử các cán bộ tham gia các nhóm công tác chuyên trách.

Các minh chứng thu thập từ các Phòng, Khoa được mã hoá theo quy định của từng tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng. Khoa Nuôi trồng thủy sản tổng hợp kết quả từ các báo cáo của các đơn vị cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ viên chức nhà trường lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo tự đánh giá. Khoa Nuôi trồng thủy sản thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

**** Đánh giá tổng quát tiêu chí 1***

Trong những năm qua, khoa Nuôi trồng thủy sản luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình đào tạo nghề nuôi trồng thủy sản được Nhà trường giao. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản được rà soát, điều chỉnh hàng năm nhằm đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường, ngành và nhu cầu của thị trường lao động. Nhà trường cũng luôn đảm bảo các nguồn lực tài chính cho việc thực hiện mục tiêu của chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng dạy và học.

**** Những điểm mạnh:***

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản phù hợp mục tiêu đào tạo của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh hàng năm theo quy định.

Hoạt động quản lý, điều hành hoạt động dạy và học của Khoa Nuôi trồng thủy sản theo đúng chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao; đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đào tạo của nghề Nuôi trồng thủy sản.

Nhà trường đã xác định được định mức kinh phí tối thiểu chi đào tạo trên đầu người học hàng năm từ các nguồn thu hợp pháp nhằm đảm bảo chất lượng trong việc triển khai chương trình đào tạo.

**** Những tồn tại:*** Không có.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Hàng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực điện tử, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản công nghệ cao.

Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển khoa Nuôi trồng thủy sản nói chung và chương trình nghề Nuôi trồng thủy sản nói riêng thực sự trở thành chương trình đào tạo chất lượng cao.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Nuôi trồng thủy sản là một trong những ngành nghề trọng điểm của Nhà trường được Bộ Lao động - TB&XH cấp phép đào tạo ở 3 cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp (1.1.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 56/2019/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 28/06/2019; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 45/2020/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 03/04/2020)

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, được xác định: Tại trang 1 mục 1.1 Mục tiêu chung dòng thứ nhất trang 1 đã ghi. Đào tạo cử nhân nuôi trồng thủy sản có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp có sức khỏe, hiểu biết kiến thức chuyên môn, có kỹ năng thực hành về nuôi trồng thủy sản đồng thời có khả năng tự học tập, nghiên cứu phát huy cao độ trí tuệ, năng lực có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp. tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực thủy sản; Phần đầu trở thành trường Cao đẳng Trọng điểm về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển

của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phát triển thương hiệu về lĩnh vực thủy sản trong nước, khu vực và quốc tế (1.1.02 – Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019)

Mục tiêu Chương trình phù hợp với mục tiêu của nhà trường được xác định tại chiến lược phát triển trường phát triển trường giai đoạn 2008-2015 tầm nhìn 2020. Tại trang 18 phần 1.1 mục tiêu chung ghi rõ. Phần đầu trở thành trường Cao đẳng Trọng điểm về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phát triển thương hiệu về lĩnh vực thủy sản trong nước, khu vực và quốc tế. *Phù hợp với chiến lược phát triển trường* giai đoạn 2021 -2030 tầm nhìn 2050. Tại trang 26 phần 4 mục 4.1 mục tiêu chung ghi rõ. Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục nghề nghiệp, phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN -4 và quốc tế, đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ năng lực của cán bộ, giáo viên, người học có kỹ năng chuyên môn kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp. (1.1.03- Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2008-2015 tầm nhìn 2020; chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 -2030 tầm nhìn 2050).

Mục tiêu chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản những năm qua đã được công bố trên Website của nhà trường, (1.1.04- Website: <http://www.ftec.edu.vn>)

Chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020 tầm nhìn 2030. Tại Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của thủ tướng chính phủ, ở phần 5 mục d về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trang 15 đã ghi “Tiếp tục đầu tư nâng cấp các trường, viện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ nghiên cứu, cải tiến nâng cao chất lượng giáo trình, chương trình giảng dạy đào tạo, ...tập trung nghiên cứu đào tạo nhân lực cho ngành thủy sản.

Tại quyết định số: 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045. Tại trang 11, 12 mục 3 phần IV. Đào tạo, phát triển nguồn

nhân lực đã ghi: Đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt đối với cán bộ chuyên sâu trong các lĩnh vực về thủy sản...; Đào tạo bồi dưỡng, đào tạo lại phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, kỹ năng cao gồm: Nhân lực cho lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác nuôi trồng và chế biến thủy sản; Đào tạo cán bộ quản lý thủy sản đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế có khả năng ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành;

Đầu tư nâng cao năng lực các Trường Đại học, Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật và Thủy sản, trở thành các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành thủy sản chất lượng cao. *(1.1.05 - Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của thủ tướng chính phủ về việc Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020 tầm nhìn 2030; Quyết định số: 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045).*

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản phù hợp với nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Thủy sản.

Năm 2019 có 4 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển 44 chuyên viên, kỹ thuật viên nghề Nuôi trồng thủy sản.

Năm 2020 có 8 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển 252 chuyên viên, kỹ thuật viên nghề Nuôi trồng thủy sản.

Năm 2021 có 5 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển 24 chuyên viên, kỹ thuật viên nghề Nuôi trồng thủy sản.

(1.1.06 - Danh sách tổng hợp các Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng hàng năm; Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Thủy sản).

Năm 2019 căn cứ vào thông tư số: 52/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 Thông tư ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng các ngành nghề thuộc lĩnh vực Nông, Lâm, Thủy sản và Thú y.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch rà soát chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp. Để phù hợp với chuẩn đầu ra do tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành và phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường và thị trường lao động. *(1.1.07 – Kế hoạch số: 59/KH-CDKTKTTS-ĐT ngày 13/3/2019 về việc rà soát chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp).*

Trên cơ sở xây dựng kế hoạch rà soát chương trình đào tạo nhà trường đã ban hành Quyết định số 224/QĐ - CDKTKTTS ngày 20 tháng 3 năm 2019 thành lập các tổ rà soát, biên soạn lại chương trình chi tiết trình độ cao đẳng có danh sách kèm theo.

(1.1.08 - Bảng phân công giáo viên xây dựng chương trình nghề Nuôi trồng thủy sản. 1.1.09 - Quyết định thành lập các Tổ rà soát, biên soạn chương trình đào tạo năm 2019; 1.1.10 - Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019)

Nhà trường đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo để chuẩn bị cho thẩm định chương trình. *(1.1.11- Biên bản hội thảo xin ý kiến chuyên gia năm 2019)*

Sau khi tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo xong Trường cao đẳng kinh tế kỹ thuật và thủy sản đã xây dựng kế hoạch tổ chức thẩm định chương trình đào tạo:

Kế hoạch thẩm định chương trình số 180/ KH – CDKTKTTS – ĐT ngày 06 tháng 6 năm 2019. *(1.1.12 - Kế hoạch tổ chức thẩm định chương trình đào tạo 2019)*

Dựa trên kế hoạch thẩm định chương trình đào tạo nhà trường đã ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản và kèm theo danh sách hội đồng thẩm định. Quyết định số 260/QĐ-CDKTKTTS ngày 17 tháng 6 năm 2019 thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề nuôi trồng thủy sản. *(1.1.13 - Quyết định thành Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019).*

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng được thẩm định có sự tham gia của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của trường, các cán bộ từ các doanh nghiệp, cán bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước, để lấy ý kiến góp ý cho chương trình đào tạo. (1.1.14 - *Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo 2019*)

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 Nhà trường đã tổ chức họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản. (1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*)

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng đã được tiến hành thẩm định theo đúng quy định. Nhà trường đã ra quyết định ban hành chương trình đào tạo và kèm theo chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1 tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Nuôi trồng thủy sản là khoa chuyên môn được Nhà trường giao nhiệm vụ phụ trách triển khai thực hiện chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản. Các môn học chung trong chương trình đào tạo do các giáo viên chuyên môn thuộc các khoa/đơn vị khác trong trường theo chức năng, nhiệm vụ đảm nhận. Ngoài ra các phòng chức năng trong Trường tham gia cùng với khoa Nuôi trồng thủy sản trong các hoạt động quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao. (1.2.01 - *Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*)

Kết thúc mỗi năm học, khoa Nuôi trồng thủy sản đều có báo cáo tổng kết đánh giá các hoạt động đào tạo (1.2.02 – *Báo cáo tổng kết năm học của khoa Nuôi trồng thủy sản năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021*).

Hàng năm, thực hiện kế hoạch chung của Nhà trường về tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động vào cuối năm (1.2.03 – *Kế hoạch tổ chức Hội nghị công chức, viên chức của Nhà trường năm 2019, 2020, 2021*), khoa Nuôi trồng thủy sản đều tổ chức họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (1.2.04 - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*; 1.2.05 – *Báo cáo Hội nghị công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021*).

Tập thể cán bộ giáo viên khoa Nuôi trồng thủy sản luôn khắc phục khó khăn, trách nhiệm với nhiệm vụ của Nhà trường về giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động khác. Hàng năm đều được Hội đồng thi đua, khen thưởng của Nhà trường đánh giá và công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (1.2.06 - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng năm học 2018 – 2019; 2019- 2020, 2020 – 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trên cơ sở các nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo, giá thị trường của vật tư học tập và nhu cầu vật tư thực tế phục vụ cho hoạt động đào tạo (1.3.01 - *Quyết định số 413/QĐ-CDKTKTTS-ĐT ngày 05/10/2018 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kinh tế, kỹ thuật và Thủy sản, về việc thành lập Ban xây dựng giá dịch vụ đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản, trình độ cao đẳng*; 1.3.02 - *Quyết định số 468/QĐ-CDKTKTTS-ĐT ngày 19/11/2018 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản, về việc Ban hành giá dịch vụ đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản, trình độ cao đẳng*; 1.3.03 - *Kế hoạch bố trí sử dụng kinh phí đào tạo ngành Nuôi trồng Thủy sản năm 2019,2020,2021*; 1.3.04 - *Quyết toán kinh phí đào tạo ngành Nuôi trồng Thủy sản năm 2019,2020,2021*)

Nhà trường đã thực hiện văn bản của Nhà nước quy định về mức thu học phí, lệ phí. Tuy nhiên, nghề Nuôi trồng Thủy sản là nghề nặng nhọc vất vả, để thu hút người học

Nhà trường thống nhất miễn học phí cho học sinh, sinh viên (1.3.05 – Quyết định thu học phí học kỳ I, kỳ II các năm học 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021; 1.3.06 -Quyết định miễn giảm thu học phí học kỳ I, kỳ II các năm học 2018 - 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021; 1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2019, 2020, 2021; 1.3.08 - Đề án cho thuê tài sản năm 2019, 2020, 2021)

Nhà trường xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho từng nghề, định mức được xây dựng chi tiết cho từng ngành nghề, hệ đào tạo tính trên 1HSSV/năm (1.3.10 - Quyết định Số 61/QĐ-CDKTKTTS ngày 02/04/2018 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản,về việc Ban hành Quy chế mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị; 1.3.11 - Quyết định Số 364/QĐ-CDKTKTTS ngày 31/12/2018 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản,về việc Ban hành Quy định về cấp phát, quản lý, sử dụng công cụ, dụng cụ, vật tư trang thiết bị tại trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản ; 5.5.03 - Dự trù mẫu vật thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021; 5.5.02 - Dự trù mẫu vật thực hành theo môn học/ mô-đun năm 2019, 2020, 2021; 5.5.04 - Biên bản bàn giao mẫu vật thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản theo môn học năm 2019, 2020, 2021; 5.5.05 - Biên bản xử lý mẫu vật sau thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản theo môn học 2019, 2020, 2021).

Hàng năm nhà trường đều thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn kinh phí và điều chỉnh dự toán cho phù hợp với hoạt động của trường (1.3.12 - Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí mua sắm vật tư, máy móc thiết bị năm 2019, 2020, 2021; 1.3.13 - Báo cáo tình hình sử dụng nguồn kinh phí năm học năm 2019, 2020, 2021; 1.3.14 -. Các sổ chi tiết chi hoạt động năm 2019, 2020, 2021).

Tình hình quản lý và sử dụng các nguồn tài chính được lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị đánh giá và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong thời gian tới tại Hội đồng trường và Hội nghị Công chức, viên chức và người lao động (1.3.15 - Quyết nghị Hội đồng trường năm 2019, 2020, 2021; 1.3.16 – Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức năm 2019, 2020, 2021).

Để nâng cao chất lượng đào tạo, sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả nhà trường đã tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành gồm thanh tra nhân dân, phòng đào tạo, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra, dự giờ đột xuất về công tác thực hiện kế hoạch, sử dụng trang thiết bị, vật tư dạy học. Báo cáo công tác kiểm tra cho thấy hoạt động dạy học thực hiện đúng tiến độ, các môn học, mô đun có đầy

đủ thiết bị , vật tư thực hành thực tập. . Trên cơ sở kế hoạch thanh tra hàng tháng của các đơn vị, Ban Thanh tra tổng hợp kế hoạch thanh tra của toàn trường và thực hiện thanh tra, kiểm tra chéo giữa các đơn vị (1.3.17 - *Kế hoạch thanh tra, dự giờ hàng tháng của Ban thanh tra năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 1.3.18 - *Biên bản kiểm tra của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 1.3.19 - *Biên bản kiểm tra, dự giờ của Ban thanh tra năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*)

Hàng tháng, Ban Thanh tra đào tạo, khoa Nuôi trồng thủy sản, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đều có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát. Kết quả cho thấy trường có kế hoạch đào tạo và thực hiện tổ chức đào tạo theo đúng quy định, tất cả giáo viên được kiểm tra đều chấp hành đúng giờ giấc, có đầy đủ hồ sơ giảng dạy theo quy định, vật tư đầy đủ,... (1.3.20 - *Báo cáo hàng tháng của đơn vị năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 1.3.21 - *Báo cáo hàng tháng của phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 1.3.22 - *Báo cáo hàng tháng của Ban Thanh tra đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*; 1.3.23 - *Báo cáo Công tác thanh tra đào tạo năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*)

Như vậy hàng năm nhà trường đã thực hiện phân tích thị trường và các yếu tố xây dựng định mức kinh tế đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản và đã xây dựng được chi phí đào tạo cho 01sinh viên/năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo được xác định là hoạt động trung tâm của Nhà trường nói chung và của khoa Nuôi trồng thủy sản nói riêng. Quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới và đạt được mục tiêu đào tạo. Để làm được điều đó, Khoa đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu của người sử dụng lao động. Nhà trường và khoa Nuôi trồng thủy sản không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vươn tới đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Chất lượng đào tạo được Nhà trường và khoa Nuôi trồng thủy sản coi là sự sống còn trong việc thực hiện sứ mạng, khẳng định vị trí và thương hiệu của mình. Trong quá trình tổ chức dạy và học, kế hoạch đào tạo được xây dựng khoa học, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô-đun nghề Nuôi trồng thủy sản.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường áp dụng Thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt và thực hiện theo từng học kỳ, năm học, chi tiết đến từng môn học/mô-đun, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, trên 70% các môn học/ mô-đun nghề Nuôi trồng thủy sản thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình đã được phê duyệt; có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù ngành nghề đào tạo, môn học, phương thức, hình thức và mục tiêu đào tạo đảm bảo tính khoa học.

Định kỳ hàng năm tổ chức hội giảng cấp khoa, cấp trường và tham gia hội giảng các cấp đạt giải cao đã tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi - không ngừng, tự nâng cao năng lực chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy, đồng thời phổ biến kinh nghiệm giảng dạy trong toàn thể đội ngũ giáo viên nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền và tư vấn công tác tuyển sinh nói chung và bậc đào tạo liên thông nói riêng.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Nuôi trồng thủy sản là một trong các ngành nghề trọng điểm của nhà trường được Bộ Lao động - TB&XH cấp phép đào tạo ở 3 cấp trình độ cao đẳng,

trung cấp và sơ cấp (1.1.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 56/2019/GCNDKHD - TCGDNN ngày 28/06/2019; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 45/2020/GCNDKHD - TCGDNN ngày 03/04/2020*)

Hàng năm, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, căn cứ vào số lượng nhà giáo và cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ đào tạo, trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh chi tiết cho từng nghề và có văn bản đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với với Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. (2.1.01 - *Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của trường và Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ năm 2019, 2020, 2021*). Nhà trường áp dụng Thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07/3/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2017TT- BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng để ban hành Quy chế tuyển sinh học nghề (2.1.02 - *Các Quyết định ban hành kèm theo quy chế tuyển sinh học nghề năm 2019, 2020, 2021*).

Ngay từ đầu mỗi năm học, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh để giúp việc cho Hội đồng và Ban phúc tra tuyển sinh (2.1.03 - *Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh, Ban phúc tra tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*). Trên cơ sở hướng dẫn tuyển sinh học nghề, tình hình thực tế cũng như từng thời điểm cụ thể, Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch tuyển sinh theo từng giai đoạn (2.1.04 - *Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*). Nhà trường đã triển khai rộng rãi thông tin tuyển sinh đến các phòng ban, các đối tượng có nhu cầu học nghề với nhiều hình thức như băng-zôn khẩu hiệu, các tờ thông báo tuyển sinh (2.1.05 - *Các hình thức thông báo tuyển sinh của trường năm 2019, 2020, 2021*). Sau khi học sinh nộp hồ sơ đăng ký học tại trường (2.1.06 - *Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2019, 2020, 2021*), danh sách thí sinh dự tuyển được lập theo từng nghề và có đầy đủ các thông tin cần thiết thuận lợi cho việc

xét tuyển đúng quy chế hiện hành. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh duyệt danh sách trúng tuyển và niêm yết công khai tại bảng tin của trường (2.1.07 - *Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*; 2.1.08 - *Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021*). Trên cơ sở đó, nhà trường tổ chức nhập học và có quyết định phân lớp (2.1.09 - *Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, Trường có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh nhằm đánh giá kết quả thực hiện và phương hướng nhiệm vụ (2.1.10 - *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng thực hiện kiểm tra chuyên môn công tác tuyển sinh của trường theo kế hoạch (2.1.11 – *Kế hoạch và biên bản kiểm tra chuyên môn năm 2019, 2020, 2021*). Do các hoạt động trong công tác tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo và thực hiện đảm bảo công khai, nghiêm túc, công bằng và khách quan nên đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh của trường.

Kết quả tuyển sinh đối với nghề nuôi trồng thủy sản, trình độ Cao đẳng so với chỉ tiêu được xác định trong quy chế tuyển sinh hàng năm của trường đều đạt trên 80% trở lên so với chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký, cụ thể:

- Năm 2018: $17/20 = 85\%$
- Năm 2019: $58/60 = 96,7\%$
- Năm 2020: $11/13 = 84,6\%$
- Năm 2021: $37/45 = 82,2\%$

Trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh nhà trường huy động toàn bộ sự tham gia trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến của cán bộ, giáo viên, người lao động. Cuối kỳ tuyển sinh phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng bố trí công tác thanh kiểm tra toàn bộ hồ sơ giấy tờ đảm bảo theo đúng quy chế tuyển sinh (2.1.12 – *Báo cáo kết quả kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm tổ chức đào tạo theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, nhà trường đã ban hành Quyết định số 88/2019/QĐ-CĐKTKTTS ngày 22/02/2019 về việc tổ chức đào tạo của trường Cao đẳng Kinh tế, kỹ thuật và thủy sản (2.2.01 - *Quyết định số 88/2019/QĐ-CĐKTKTTS ngày 22/02/2019 về việc tổ chức đào tạo của trường Cao đẳng Kinh tế, kỹ thuật và Thủy sản*).

Căn cứ chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản đã được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019*) phòng Đào tạo dự thảo tiến độ đào tạo và kế hoạch giờ giảng theo từng học kỳ. Khoa Nuôi trồng thủy sản thực hiện phân công giáo viên giảng dạy và xây dựng lịch giảng dạy chi tiết đến từng môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo (2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.03 - *Kế hoạch giáo viên, lịch giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.04 – *Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*)

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu, giáo viên thực hiện giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã phê duyệt (2.2.05 - *Sổ lên lớp năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.06 - *Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.07 - *Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Công tác kiểm tra được nhà trường giao cho Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng với đơn vị thường trực là phòng Đào tạo để triển khai công tác thanh kiểm tra về công tác đào tạo.

Nhằm phát huy vai trò của đơn vị giảng dạy trong việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dạy và học, hàng năm khoa Nuôi trồng thủy sản đã xây dựng kế hoạch, thực hiện tự thanh tra đồng gửi về phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng và phòng Đào tạo để theo dõi giám sát (2.2.08 - *Kế hoạch kiểm tra, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn hàng năm của đơn vị năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Trường đã tổ chức đánh giá nội bộ theo yêu cầu của hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm kiểm tra đánh giá, chỉ ra những điểm còn tồn tại trong hoạt động của các đơn vị, xác định nguyên nhân gốc rễ để kịp thời điều chỉnh và khắc phục (2.2.09 – *Kế hoạch kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.2.10 – Báo cáo công tác kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3. Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo và kế hoạch giáo viên đã phê duyệt, các giáo viên được phân công thực hiện giảng dạy theo thời khóa biểu đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo (2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020; 2020-2021; 2.3.01 - Kế hoạch phân công giảng dạy giáo viên của khoa NTTS năm học 2018-2019, 2019-2020; 2020-2021; 2.2.4 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022; 2.2.05 - Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 -2021, 2021-2022*).

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản và toàn bộ các nội dung chuyên môn đều được xây dựng dưới dạng mô-đun, môn học bao gồm các kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành. Do vậy trong hoạt động dạy và học, các giáo viên khoa Nuôi trồng thủy sản luôn chú trọng sự phù hợp giữa phương pháp đào tạo với nội dung của chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của sinh viên. Sinh viên được giao nội dung tự nghiên cứu trước khi đến lớp, các bài tập lớn được giao nhiệm vụ để tích lũy kiến thức từ tài liệu, thực hành, thực tập (2.2.06 - *Giáo án của các giảng viên năm học 2018-2019, 2019-*

2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.08 - Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 -2021, 2021-2022).

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là điều tất yếu, mà giáo viên không thể đứng ngoài trong đại dịch Covid bùng nổ trong hai năm 2020, 2021. Số lượng giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản là 100% thông qua các bài giảng điện tử. (2.3.02 - Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021; 2.3.03 – Danh sách các môn học/mô-đun chuyên môn sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy và học). Ngoài ra giáo viên giới thiệu cho sinh viên các video hướng dẫn về kỹ thuật nuôi các đối tượng thủy hải sản trên kênh VTC16.

**Danh sách các môn học/ mô-đun chương trình đào tạo ban hành năm 2019
có sử dụng Powpoint/ video trong giảng dạy**

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô-đun	2019 - 2020	2020 -2021
I	Các môn học chung		
MH 01	Chính trị		X
MH 02	Pháp luật		X
MH 03	Giáo dục thể chất		X
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh		X
MH 05	Tin học	X	X
MH 06	Ngoại ngữ	X	X
II	Các môn học, mô-đun chuyên môn		
II.1	Môn học mô-đun, cơ sở		
MH07	Phân tích chất lượng nước		X
MĐ08	Thủy sinh vật		X
MĐ09	Phân loại động vật thủy sản		X
MH10	Ứng dụng vi sinh trong NTTS	X	X

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô-đun	2019 - 2020	2020 -2021
MH11	Sinh lý động vật thủy sản	X	X
MH12	An toàn và vệ sinh lao động trong NTTS	X	X
MH13	Tiếng Anh chuyên ngành	X	X
II.2	Môn học, mô-đun chuyên môn		
MĐ14	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	X	X
MĐ15	Sử dụng thức ăn trong nuôi trồng thủy sản	X	X
MĐ16	Sản xuất giống cá nước ngọt	X	X
MĐ17	Nuôi cá và đặc sản nước ngọt		
MĐ18	Sản xuất giống và nuôi giáp xác	X	X
MĐ19	Sản xuất giống và nuôi cá biển	X	X
MĐ20	Sản xuất giống & nuôi động vật thân mềm	X	X
MĐ21	Phòng và trị bệnh động vật thủy sản	X	X
MĐ22	Sản xuất giống và nuôi cá cảnh	X	X
MĐ23	Nuôi cá nước lạnh	X	X
MĐ24	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	X	X
Tỉ lệ % sử dụng		66,67%	100%

Trường hiện đang sử dụng phần mềm quản lý đào tạo được đầu tư từ năm 2019, khảo sát cho thấy phần mềm hoạt động trên hệ thống mạng nội bộ của trường với các máy tính được bố trí tại các phòng, khoa. Phần mềm có các chức năng về quản lý chương trình đào tạo, các thông tin về môn học, mô đun, toàn bộ điểm thi,

kiểm tra của từng HSSV với các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; điểm đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV. Giáo viên, HSSV có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra, ... (2.3.04 - *Phần mềm quản lý đào tạo và hướng dẫn sử dụng phần mềm*)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến HSSV và nhà giáo về chất lượng và phương pháp giảng dạy của giáo viên nghề Nuôi trồng thủy sản. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lập kế hoạch khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp hoặc đang học tại Trường, số lượng sinh viên được khảo sát tối thiểu đạt 30%, tùy thuộc vào từng lớp, từng khóa; sử dụng câu số 1, 2, 3 trong bộ phiếu khảo sát sinh viên, câu hỏi 1, 2, 3, 5, để lấy ý kiến về chương trình đào tạo và phương pháp tổ chức dạy, thực hành, thực tập của ngành NTTS. Kết quả khảo sát được xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm Excel, kết quả 100% phiếu đánh giá đạt mức độ đạt tốt trở lên, qua đó đã kịp thời điều chỉnh phương pháp tổ chức đào tạo (7.3.01 - *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 - *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 - *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4. Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản ký kết thỏa thuận hợp tác tổ chức thực hành thực tập với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lĩnh vực thủy sản (2.4.01 - *Thỏa thuận hợp tác*).

Để có thể phối hợp và quản lý chất lượng của sinh viên trong thời gian thực tập tại các doanh nghiệp, quá trình thực hiện tổ chức thực tập, Nhà trường đều có kế hoạch thực tập, (2.4.02 - *Kế hoạch thực tập của sinh viên các khóa*); Quyết định

phân công giáo viên và sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản đi thực tập (2.4.03 - *Quyết định phân công giáo viên hướng dẫn và sinh viên thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021*); Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tại doanh nghiệp (2.4.04 - *Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp các khóa*). Kết thúc quá trình thực tập tại cơ sở, giáo viên hướng dẫn và sinh viên thực tập đều có báo cáo kết quả (2.4.05 - *Báo cáo thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp của sinh viên các khóa*; 2.4.06 - *Báo cáo tổng kết thực tập nghề nghiệp, thực tập doanh nghiệp của giáo viên giảng dạy các khóa*; 2.4.07 - *Nhận xét của cơ sở thực tập về sinh viên thực tập*).

Thực tập doanh nghiệp là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đối với sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản (1.1.02 - *Quyết định ban hành chương kèm theo trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản năm 2019*). Do vậy, trước khi sinh viên tốt nghiệp, 100% sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản đều được thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.4.08 - *Phiếu báo điểm thực tập các khóa*; 2.4.09 – *Quyết định kèm danh sách sinh viên tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng các khóa*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện Tổ chức kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp.

Nhằm cụ thể hóa tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, nhà trường đã ban hành Quyết định số 88/2019/QĐ-CĐKTKTTS

ngày 22/02/2019 về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun/tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Giáo viên môn học tổ chức kiểm tra thường xuyên trên lớp cho sinh viên trên lớp thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian không quá 30'. Kiểm tra định kì bằng hình thức kiểm tra viết từ 45' đến 60'.

(2.2.01. Quyết định số 88/2019/QĐ-CDKTKTTS ngày 22/02/2019 về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun/tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; 2.5.01 - Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo hàng năm, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc môn học/mô-đun cho các lớp Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế. Kế hoạch thi được lập và thông báo cho sinh viên trước ngày thi 04 tuần. Đề thi được bốc thăm từ ngân hàng đề thi đã được ký duyệt. Sinh viên làm bài vào phiếu trả lời trắc nghiệm. Sau khi bàn giao về phòng Đào tạo bài thi được rọc phách, bài thi được giao cho giáo viên chấm thông qua Sở giao bài thi hệ Cao đẳng. Giáo viên chấm thi tại khoa NTTS, căn cứ vào đáp án đã được duyệt giáo viên chấm thi trên phiếu chấm thi, 2 giáo viên thống nhất điểm và cùng ký vào biên bản chấm thi học kỳ. Bài thi sau khi chấm được bàn giao về phòng Đào tạo ghép phách vào điểm và thông báo cho sinh viên trên phiếu báo điểm thi học kỳ. *(2.5.02 - Kế hoạch thi, biên bản bốc thăm đề thi, bài thi, biên bản chấm thi học kỳ năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021).*

Công tác đánh giá kết quả rèn luyện toàn khóa được phòng Công tác sinh viên tổng hợp từ giáo viên chủ nhiệm các lớp Nuôi trồng thủy sản trình độ cao

đảng. Giáo viên chủ nhiệm họp lớp để xem xét, đánh giá thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở kết quả rèn luyện thực tế và phải được quá ½ ý kiến đồng ý của tập thể lớp. (2.5.03 – Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.5.04. Biên bản xét kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.5.05 - Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021)

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và tiến độ đào tạo, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt. (2.5.06 - Kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021)

Thực hiện kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp Nhà trường có thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp các tiểu ban giúp việc cho Hội đồng nhằm triển khai các hoạt động về xét tốt nghiệp hàng năm. Căn cứ vào kết quả điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học, căn cứ vào bảng đánh giá kết quả rèn luyện toàn của học sinh sinh viên quyết định danh sách sinh viên tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng

(2.5.07 - Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp các năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.5.08 - Các biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.5. 09 - Quyết định tốt nghiệp kèm theo danh sách HSSV tốt nghiệp năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021)

Sau khi xét công nhận tốt nghiệp, nhà trường tổ chức Lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho người học. Việc cấp bằng tốt nghiệp được nhà trường thực hiện theo quy định. Học sinh sinh viên được cấp bản chính bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày kể từ ngày thi tốt nghiệp. Khi cấp bằng tốt nghiệp sẽ được bộ phận cấp bằng của Phòng Đào tạo và công tác học sinh sinh viên ghi chép vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp. Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp được ghi chép chính xác, đánh

số trang, đóng dấu giáp lai, không tẩy xóa và có chữ ký của người đến nhận bằng (2.5.10 - *Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp các năm từ 2019, 2020, 2021*).

Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng của trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng, chứng chỉ đảm bảo hoạt động này thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế (2.1.11 – *Kế hoạch và biên bản kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*).

Hồ sơ người học đúng và đủ theo quy định. Hồ sơ sinh viên xét tuyển gồm: học bạ THPT (Bản sao công chứng), giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp (bản sao công chứng), bản sao giấy khai sinh, bản phô tô công chứng hộ khẩu, đối với sinh viên nam có thêm giấy di chuyển nghĩa vụ quân sự (2.1.06 - *Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được Nhà trường quy định trong chức năng, nhiệm vụ chính của phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Trong đó, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng chủ động phối hợp với phòng Đào tạo, Khoa và Tổ chuyên môn xây dựng đề thi; chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra, giám sát các kì thi học kì, xét công nhận tốt nghiệp, thi tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; tổ chức chấm phúc khảo và giải quyết các đơn thi khiếu nại về kết quả dạy và học của giáo viên và học sinh, sinh viên; kiểm tra, thanh tra công tác cấp phát bằng, chứng chỉ, hồ sơ, sổ sách giảng dạy của giáo viên và hồ sơ tuyển sinh đầu vào các cấp đào tạo của Nhà trường theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và

Xã hội. (1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản - trang 18)

Nhằm phát huy vai trò của các đơn vị giảng dạy trong việc tự kiểm tra, giám sát chất lượng dạy và học, khoa Nuôi trồng thủy sản lập kế hoạch kiểm tra dự giờ chuyên môn các năm học. (2.2.08 - Kế hoạch kiểm tra, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn hàng năm của đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021). Sau đó, Khoa chuyên môn tổ chức dự giờ, tiến hành họp chỉ ra những mặt tích cực, những mặt tồn tại để rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo (2.6.01 - Biên bản kiểm tra, dự giờ năm 2019, 2020, 2021). Những hạn chế của giáo viên như cách trình bày bảng, tác phong đứng lớp, cách truyền đạt nội dung bài giảng hợp lý hơn... đã được góp ý kịp thời, thẳng thắn sau khi dự giờ, kiểm tra chuyên môn để từ đó giáo viên rút kinh nghiệm cho các giờ giảng, bài giảng tiếp theo.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo, đảm bảo tính khoa học, duy trì nề nếp dạy và học, thực hiện tốt các quy chế trong quá trình đào tạo, hàng năm, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổ chức kiểm tra hồ sơ chuyên môn. Sau khi kiểm tra xong, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng cùng đơn vị được kiểm tra tiến hành lập biên bản ghi lại những ưu điểm và hạn chế của những hồ sơ chuyên môn (2.1.11 - Kế hoạch và biên bản kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021). Sau đó, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng báo cáo Nhà trường (2.1.12 - Báo cáo kết quả kiểm tra chuyên môn năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021).

Việc kiểm tra chuyên môn đã giúp đơn vị thấy được những mặt tồn tại và hạn chế. Tuy nhiên những mặt tồn tại, hạn chế này không lớn và cũng được đơn vị nhanh chóng khắc phục, hoàn thiện ngay vì thế Nhà trường không cần phải tiến hành điều chỉnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về đào tạo liên thông căn cứ vào các văn bản: Thông tư 27 ngày 21/09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – thương binh và xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp.

Nhà trường đã ban hành quy định quy chế tổ chức đào tạo (2.2.01- *Quyết định số 88 /QĐ-CDKTKTTS-ĐT về việc Quy chế tổ chức đào tạo của Trường Cao đẳng, Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*).

Để thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nghề nuôi trồng thủy sản. Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng nghề nuôi trồng thủy sản (2.7.01- *Quyết định số 637 ngày 26/12/2017 về việc ban hành chương trình Đào tạo trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp nghề nuôi trồng thủy sản; kèm theo Chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng liên thông từ trung cấp nghề nuôi trồng thủy sản*).

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên thông đối với nghề Nuôi trồng thủy sản được cấp phép đào tạo và nằm trong chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & PTNT giao (1.1.01 – *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 46/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 05/5/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 56/2019/GCNĐKHĐ - TCGDNN ngày 28/06/2019; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 45/2020/GCNĐKHĐ - TCGDNN ngày 03/04/2020*)

Nhà trường đã thực hiện đúng quy trình tuyển sinh theo Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. (2.7.02- *Thông báo tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trung cấp nghề nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường đã thực báo hoạt động đào tạo liên thông hệ cao đẳng liên thông từ trung cấp nghề nuôi trồng thủy sản theo đúng Thông tư 27 ngày 21/09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong các năm 2019, 2020, 2021 Nhà trường có quyết định tổ chức đào tạo liên thông và tổ chức tuyển sinh đào tạo liên thông theo đúng quy định nhưng không có học sinh đăng ký học. (2.7.03- Báo cáo hoạt động đào tạo 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo của mình, Nhà trường xác định: xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của khoa; đáp ứng theo chuẩn quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; đã cử giáo viên cốt lõi của khoa Nuôi trồng thủy sản đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động; cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng, các lớp tập huấn ở trong và ngoài nước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý Nhà trường có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm cũng như Nhà trường.

**** Những điểm mạnh:***

Khoa Nuôi trồng thủy sản có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp; đạt chuẩn về trình độ

chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

100% giáo viên, cán bộ quản lý của Khoa có trình độ, năng lực tốt, luôn hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được Nhà trường và của Khoa giao. Giáo viên dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng, hội thi tay nghề các cấp...

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ Cao đẳng đều là giáo viên cơ hữu của Nhà trường. 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ Cao đẳng đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLDTBXH (3.1.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*; 3.1.02 - *Hồ sơ giáo viên giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định:

Tổng số nhà giáo dạy ngành Nuôi trồng thủy sản: 26 người.

1. Về năng lực chuyên môn

1.1. Nhà giáo dạy lý thuyết

- Tổng số nhà giáo dạy lý thuyết: 04 người

- 100 % giáo viên có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

1.2. Nhà giáo dạy thực hành

- Số nhà giáo dạy thực hành: 03 người

- 100 % giáo viên có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành trở lên.

1.3. Nhà giáo dạy tích hợp

- Số nhà giáo dạy tích hợp: 19 người

100% giáo viên có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành hoặc đại học sư phạm chuyên ngành trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. Có 25 giáo viên tham gia giảng dạy ngành nuôi có Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Bạc 3, trong đó: 13 giáo viên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản.

2. Về trình độ ngoại ngữ

Có 26 giáo viên (100%) tham gia giảng dạy ngành Nuôi trồng Thủy sản có trình độ ngoại ngữ Bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-

BGDDT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

3. Về trình độ tin học

Có 8 giáo viên (100%) giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và 18 giáo viên có bằng Cao đẳng và đại học Công nghệ thông tin.

4. Về năng lực sư phạm

Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên Đại học, Cao đẳng hoặc bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Cao đẳng hoặc tương đương.

Trong đó 100% giáo viên giảng dạy nghề nuôi trồng thủy sản có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên giảng dạy Đại học, Cao đẳng (26 người), 92,3% giáo viên chứng chỉ sư phạm nghề (24 giáo viên).

5. Về năng lực phát triển nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học

Giáo viên thường xuyên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy với đồng nghiệp; tham gia bồi dưỡng đồng nghiệp theo yêu cầu phát triển của phòng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn; tham gia hội giảng các cấp.

Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp.

Giáo viên được tham gia nghiên cứu khoa học, đăng ký đề tài cấp cơ sở, tham gia đấu thầu đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học các cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước. Thông qua nghiên cứu khoa học, chương trình nhập công nghệ và các mô hình khuyến ngư đã thu được kết quả: Trước hết đội ngũ giáo viên nhà trường nâng cao được

năng lực nghiên cứu và thực nghiệm khoa học; nâng cao được trình độ, kiến thức thực tiễn có điều kiện nâng cao thực tiễn và áp dụng công nghệ mới vào trong giảng dạy, sản xuất thực nghiệm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo, cán bộ hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH để xây dựng quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản (3.2.01 - *Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên và giáo viên giảng dạy trong trường CĐ. Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*).

Nhà trường triển khai đánh giá, xếp loại hàng năm đội ngũ viên chức, cán bộ quản lý và nhà giáo theo Luật Viên chức, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (3.2.02 - *Biên bản Hội nghị viên chức, Phiếu nhận xét, đánh giá viên chức, người lao động của Khoa NTTS năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 3.2.03 - *Quyết định và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức 2018, 2019, 2020, 2021*; 3.2.04- *Báo cáo tổng kết của Trường năm 2018, 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản được Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá và công nhận hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. (3.1.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*; 3.1.02 - *Hồ sơ giáo viên giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*; 1.2.06 - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 3.3. Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về nhà giáo căn cứ vào các văn bản: Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 5160/VBHN-BLĐTBXH ngày 02 tháng 12 năm 2019 của của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ chương trình đào tạo và danh sách lớp cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản (1.1.02- *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề NTTS và chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2019*).

Phòng Đào tạo và khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện công tác giảng dạy (2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022*). Phòng Đào tạo, khoa NTTS xây dựng kế hoạch giáo viên, bao gồm giờ giảng được phân công và các nhiệm vụ khác của giáo viên. (2.2.03 - *Kế hoạch giáo viên, lịch giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022*), thời khóa biểu từng môn học, mô-đun đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học theo lớp thuộc chương trình nghề NTTS trình độ cao đẳng có đủ nhà giáo (3.3.01-*Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy chương trình NTTS; 2.2.04- Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.05- Sổ lên lớp năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022; 3.3.02- Danh sách từng lớp học trình độ cao đẳng và trung cấp NTTS năm 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường đã ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (3.3.03- *Quyết định số 723/QĐ - CDKTKTTS ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định về chế độ làm việc của giảng viên và giáo viên giảng dạy trong trường CD Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*).

Hàng năm, Nhà trường luôn quan tâm đến việc phát triển đội ngũ giáo viên cả về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng các mục tiêu đào tạo. Chính vì vậy, Nhà trường luôn đảm bảo tỉ lệ học sinh/giáo viên đúng quy định đối với nghề NTTS theo Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN (3.3.04- *Bảng tính học sinh, sinh viên quy đổi nghề NTTS và Bảng tính giáo viên quy đổi nghề NTTS*), cụ thể:

- Năm 2019, số lượng HSSV quy đổi là 278,5; số lượng giáo viên quy đổi là: 26 đạt tỷ lệ 18,8 HSSV/01GV.

- Năm 2020, số lượng HSSV quy đổi là 181,5; số lượng giáo viên quy đổi là: 26 đạt tỷ lệ 18,8 HSSV/01GV.

- Năm 2021, số lượng HSSV quy đổi là 308,5; số lượng giáo viên quy đổi là: 26 đạt tỷ lệ 18,8 HSSV/01GV.

Toàn bộ đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề NTTS trình độ cao đẳng đều là giáo viên cơ hữu của nhà trường và đảm bảo đủ số giờ giảng theo quy định, không có giáo viên nào vượt quá số giờ so với quy định (3.3.05- *Bảng tổng hợp kế hoạch giáo viên năm học 2018-2019, 2019- 2020;2020-2021*; 3.3.06- *Bảng thanh toán vượt giờ năm học 2018-2019, 2019 - 2020;2020 -2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học nên đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động về khoa học công nghệ. Định kỳ vào quý IV hàng năm, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thông báo bằng văn bản về việc tuyển chọn các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp trường đến các đơn vị trong Nhà trường. (3.4.01 - Quy chế hoạt động Khoa học công nghệ). Cán bộ giáo viên trong Khoa đã đề xuất các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu các cấp, gửi hồ sơ tham gia đấu thầu thông qua phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế. Với sự năng động, vững chuyên môn, nên 100% giáo viên ngành Nuôi trồng thủy sản chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hoặc là thành viên tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ. Cụ thể: thầy Ngô Chí Phương chủ trì dự án “*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nuôi thương phẩm cá vược (Lates calcarifer) trong lồng tại hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái*” đã được nghiệm thu năm 2018; thầy Đỗ Đăng Khoa, Nguyễn Tuấn Duy thực hiện “*Ứng dụng công nghệ Biofloc của Israel trong nuôi siêu thâm canh cá rô phi, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao ở Vĩnh Phúc*” theo chương trình nông thôn miền núi của Bộ KH-CN; Cô Nguyễn Thị Quỳnh chủ nhiệm đề tài “*Nghiên cứu bệnh và dịch hại trên một số nhuyễn thể hai mảnh vỏ nuôi chủ yếu tại Quảng Ninh và đề xuất giải pháp phòng chống*”.

**Danh sách giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học
các năm 2019, 2020, 2021**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1.	PGS.TS Thái Thanh Bình	Phó hiệu trưởng- Kiêm giảng	x	x	x
2.	TS. Ngô Thị Mai Hương	Trưởng khoa NTTS	x	x	x
3.	TS. Trương Văn Thượng	Kiêm giảng	x	x	x
4.	Ths. Nguyễn Thanh Hoa	Phó Khoa NTTS	x	x	x

5.	Ths. Ngô Chí Phương	Phó Khoa NTTS	x	x	x
6.	Ths. Đỗ Đăng Khoa	Trưởng bộ môn SH TN	x	x	x
7.	Ths. Ninh Hoàng Oanh	Giáo viên	x	x	
8.	Ths. Nguyễn Tuấn Duy	Giáo viên	x	x	x
9.	Ths. Nguyễn Thị Quỳnh	Giáo viên	x	x	x
10.	Ths. Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên	x	x	x
11.	Ths. Đinh Xuân Sinh	Giáo viên	x	x	x
12.	Ths. Lê Đức Công	Giáo viên	x	x	
13.	Ths. Nguyễn Mạnh Hà	Kiểm giảng	x	x	x
14.	Ths. Đỗ Văn Sơn	Kiểm giảng			
15.	Ths. Nguyễn Văn Quyền	Kiểm giảng			
16.	Ths. Nguyễn Văn Sơn	Kiểm giảng	x	x	x
17.	NCS Nguyễn Văn Tuấn	Kiểm giảng	x	x	x
	Tổng cộng		15/17 (88,23 %)	15/17 (88,23 %)	14/17 (82,35 %)

Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thì năng lực chuyên môn về thực tiễn sản xuất, ứng dụng kiến thức của đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng một cách hiệu quả; đồng thời tác động tích cực đến hiệu quả về kinh tế - xã hội của đề tài nghiên cứu của Nhà trường đối với xã hội, các địa phương trong lĩnh vực thủy sản. (3.4.02 - *Danh sách giáo viên ngành Nuôi trồng thủy sản tham gia nghiên cứu khoa học năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, để nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời bồi dưỡng tạo nguồn giáo viên tham gia Hội giảng các cấp, khoa Nuôi trồng thủy sản xây dựng kế hoạch Hội giảng cấp khoa (3.4.03 - *Kế hoạch kèm danh sách giáo viên tham gia hội thi*

giáo viên dạy giỏi cấp trường và tên bài giảng hội giảng cấp khoa năm học 2017-2018, 2018-2019). Đội ngũ giáo viên trong khoa Nuôi trồng thủy sản đăng ký bài giảng tham gia Hội giảng cấp khoa, Hội đồng sư phạm của Khoa lựa chọn, bồi dưỡng giáo viên có bài giảng tốt tham gia Hội giảng cấp trường và các cấp Bộ chủ quản và tỉnh (3.4.04 - *Danh sách giáo viên ngành Nuôi trồng thủy sản tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019 - 2020*); Với nỗ lực của các giáo viên tham gia đều đạt kết quả cao trong các Hội giảng: Hội giảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2017, khoa NTTS có hai giáo viên tham gia đều đạt giải Nhì, đó là thầy Đỗ Đăng Khoa, thầy Lê Đức Công; Hội thi Giáo viên dạy giỏi của sở LĐ – TBXH tỉnh Bắc Ninh, thầy Lê Đức Công tham gia đạt giải Nhì; Năm 2020, thầy Ngô Chí Phương đã đạt giải Nhất trong Hội giảng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức, đạt giải Nhì trong Hội thi của Sở LĐ - TBXH tỉnh Bắc Ninh; Năm 2021 thầy Ngô Chí Phương đạt giải nhất Hội thi giáo viên dạy giỏi Toàn Quốc (3.4.05 - *Bằng khen, giấy khen giáo viên nghề Nuôi trồng thủy sản tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhà giáo, các phòng, khoa, tổ bộ môn tổng hợp nhu cầu của đơn vị mình gửi về phòng Tổ chức hành chính để tổng hợp, trình Hiệu trưởng phê duyệt (3.5.01 - *Danh sách nhà giáo được cử đi tập huấn, học tập năm 2019, 2020, 2021*) và lập kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo căn cứ vào điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Nhà trường (3.5.02 - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên năm 2019, 2020, 2021*).

Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức cho nhà giáo học tập phương pháp sư phạm tại Hội giảng Giáo viên dạy giỏi Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn được tổ chức tại trường từ ngày 30/9/2017 đến ngày 07/10/2017 (3.5.03 – *Kế hoạch số:*

203/KH – CDKTKTTS ngày 31/ 07/2017 tổ chức huấn luyện đội tuyển và cán bộ giáo viên tham gia học tập tại Hội giảng giáo viên giỏi cấp Bộ năm 2017; 3.5.04 – Quyết định cử cán bộ, giáo viên tham gia học tập và thi tại Hội giảng giáo viên giỏi cấp Bộ năm 2017).

Năm 2018, cử giảng viên có chuyên môn Nuôi trồng thủy sản tham gia học tập bồi dưỡng lớp chứng chỉ kỹ năng nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (3.5.05 - *Quyết định mở lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; 3.5.06 - Hợp đồng liên kết tổ chức lớp bồi dưỡng lớp kỹ năng nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt năm 2018).*

Giảng viên có chuyên môn Nuôi trồng thủy sản tham gia học tập lớp bồi dưỡng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về đào tạo tín chỉ, biên soạn giáo án và tổ chức dạy học tích hợp, tổ chức đánh giá theo năng lực thực hiện (3.5.05 – *Danh sách cử đi học*)

Nhà trường phối hợp với trường Đại học Giáo dục (Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức cho nhà giáo học tập bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III, được tổ chức tại trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản từ ngày 07/9/2018- 16/10/2018 (3.5.07 - *Quyết định số: 345/QĐ-CDKTKTTS-TCHC ngày 10/8/2018 cử đoàn cán bộ giáo viên tham gia học tập bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III*). Trong đó, giáo viên giảng dạy ngành Nuôi trồng thủy sản tham gia khóa học là 10 người (3.5.08 – *Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III*).

Năm 2019, một số giảng viên ngành Nuôi trồng thủy sản tham gia lớp bồi dưỡng Kỹ năng thực hành nghề NTTS nước ngọt trình độ Cao đẳng do Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp tổ chức (3.5.9. *Danh sách giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng, Chứng chỉ Kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng*) và cử 04 giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng tại Cộng hòa Liên Bang Đức, trong đó có 02 GV dạy nghề NTTS (3.5.10 - *QĐ 174/QĐ-CDKTKTTS – TCHC ngày 14/5/2019 v/v cử 04 GV đi đào tạo bồi dưỡng tại Cộng hòa Liên Bang Đức*).

Năm 2020, Nhà trường đã cử giáo viên tham gia các lớp học tập bồi dưỡng:

Quyết định số: 429 /QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 11/8/2020 cử cán bộ, viên chức tham gia học tập lớp Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng, trong đó có 01 GV dạy nghề NTTS; Quyết định số: 447/QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 21/8/2020 cử cán bộ, viên chức tham gia học tập lớp trung cấp Lý luận chính trị Hành chính, trong đó có 06 GV dạy nghề NTT (3.5.11- *Quyết định số: 429/QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 11/8/2020 cử cán bộ, viên chức tham gia học tập lớp Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng (trong đó có 01 GV dạy nghề NTTS); Quyết định số: 447/QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 21/8/2020 cử cán bộ, viên chức tham gia học tập lớp trung cấp Lý luận chính trị Hành chính, trong đó có 06 GV dạy nghề NTTS*).

Năm 2021, Trường có Quyết định số: 435/QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 04/10/2021 cử cán bộ, đối tượng 3 tham gia Bồi dưỡng Kiến thức Quốc phòng và An ninh, trong đó có 01 GV dạy nghề NTTS (3.5.12- *Quyết định số: 435/QĐ-CDKTKTTS - TCHC ngày 04/10/2021 cử cán bộ, đối tượng 3 tham gia Bồi dưỡng Kiến thức Quốc phòng và An ninh (trong đó có 01 GV dạy nghề NTTS)*).

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường cử cán bộ, giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp do Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp để giao lưu học hỏi kinh nghiệm. Một số cán bộ, giáo viên không trực tiếp thi nhưng cũng tham dự các giờ giảng của đồng nghiệp để học tập, bồi dưỡng, trau dồi kỹ năng và phương pháp giảng dạy. Sau khi tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều nộp Văn bằng, chứng chỉ về phòng Tổ chức: (3.5.13 *Chứng chỉ, Quyết định của các khóa học tập bồi dưỡng 2019, 2020, 2021*).

Cuối năm học, Nhà trường có báo cáo công tác học tập bồi dưỡng của nhà giáo (3.5.14 - *Báo cáo tổng kết của trường năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lập kế hoạch khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo trong Nhà trường về công tác bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên, trong đó có ngành NTTS (7.3.01 - *Kế hoạch khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Kết quả khảo sát được xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm Excel, kết quả đánh giá giáo viên ngành NTTS về công tác bồi dưỡng hàng năm đều đạt mức cao. (7.3.02- *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.3.03- *Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05- *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Điều 4, khoản 1, mục c của Thông tư 07/2017/ BLĐTBXH, ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường có quy định về việc nhà giáo đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động hoặc cơ quan chuyên môn (3.2.01 - *Quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên và giáo viên giảng dạy trong trường CD Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*; 3.3.03- *Quyết định số 723/QĐ – CDKTKTTS ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định về chế độ làm việc của giảng viên và giáo viên giảng dạy trong trường CD Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*). Khoa Nuôi trồng thủy sản luôn tạo điều kiện cho 100% giáo viên giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản được đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn, nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất (3.1.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản*). Để đảm bảo kế hoạch giảng dạy và các công việc khác của giáo viên nên thời gian thực tập doanh nghiệp của giáo viên linh động, trên nguyên tắc đảm bảo đủ thời gian theo quy định. (3.6.01 - *Kế hoạch và đề cương nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021*). Khi kết thúc đợt thực tập tại doanh nghiệp, tùy thuộc vào mỗi đợt thực tập, sẽ do cá nhân hoặc trưởng nhóm viết báo cáo kết quả thu hoạch báo cáo với Khoa chuyên môn (3.6.02 - *Báo cáo chuyên đề của nhà giáo sau khi đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021*)

Hàng năm, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lập kế hoạch khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo trong Nhà trường về công tác bồi dưỡng chuyên môn của giáo

viên ngành NTTS (7.3.01 - *Kế hoạch khảo sát cán bộ giáo viên năm 2019, 2020, 2021*); sử dụng mục 7 câu số 2, phần b trong bộ phiếu khảo sát để lấy ý kiến về công tác bồi dưỡng, thực tập của giáo viên. Kết quả khảo sát được xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm Excel, kết quả đánh giá 100% giáo viên ngành NTTS đều thực hiện tốt quy định về thực tập doanh nghiệp, giúp cho việc cập nhật công nghệ, củng cố tiến bộ khoa học công nghệ trong thực tiễn sản xuất. (7.3.02 - *Bộ phiếu khảo sát cán bộ giáo viên 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 - *Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2019;2020, 2021*; 7.3.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát cán bộ giáo viên năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường gồm 31 đồng chí: 03 đồng chí trong ban giám hiệu, 28 đồng chí là cán bộ quản lý của phòng, khoa và tổ bộ môn trực thuộc Ban giám hiệu; cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản (3.7.01 - *Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp phục vụ đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản*; 3.7.02 - *Hồ sơ cá nhân của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp phục vụ đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản*; 1.2.01 - *Quy chế tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường đều có tổng kết năm học và đánh giá, xếp loại thi đua cho đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn trường. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao, được Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá, xếp loại và bình xét hàng năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được trao tặng khen thưởng (3.7.01 - *Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp phục vụ đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản*; 3.2.02 - *Biên bản HNVCL, Phiếu nhận xét, đánh giá viên chức, người lao động của Khoa NTTS năm 2018, 2019, 2020, 2021*; 3.2.03 – *Quyết định và Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức 2019, 2020, 2021*; 3.2.04- *Báo cáo tổng kết của Trường năm 2018, 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản của Nhà trường đều có quyết định được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành, đảm bảo chương trình dạy nghề được xây dựng, điều chỉnh trên cơ sở quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Song song với việc xây dựng, điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đã triển khai kế hoạch biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, bài giảng các môn học, mô-đun, tổ chức thẩm định toàn bộ các giáo trình môn học, mô-đun do giáo viên Khoa biên soạn. Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Chương trình, giáo trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản, trình độ Cao đẳng được xây dựng, biên soạn thẩm định có sự tham gia của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Trường, các cán bộ từ các giáo viên, nghiên cứu viên có kinh nghiệm từ các

trường, cán bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước và được thực hiện theo đúng quy định

** Những điểm mạnh:*

Các bộ chương trình, giáo trình nghề Nuôi trồng thủy sản của nhà trường đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của trình độ đào tạo, được thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

Trường có kinh nghiệm trong việc biên soạn chương trình, giáo trình. Chương trình đào tạo có sự tham gia biên soạn, chỉnh sửa và đóng góp ý kiến của toàn thể các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khoa chuyên môn, các cán bộ, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo và chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, viện nghiên cứu.

Định kỳ hàng năm Nhà trường đều tổ chức khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình và chương trình đào tạo, qua đó để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong các giáo trình và tài liệu giảng dạy cần đạt được trong chương trình dạy nghề, nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đổi mới phương pháp dạy học.

** Những tồn tại*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát lấy ý kiến của cựu học sinh, sinh viên và người sử dụng lao động về chương trình, giáo trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản còn chưa nhiều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện chương trình, giáo trình nghề Nuôi trồng thủy sản.

Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của cựu HSSV và doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình, giáo trình.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề NTTS trình độ cao đẳng của nhà trường từ năm 2017 đến nay đều được rà soát, điều chỉnh và xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá cập nhật theo đúng quy định. Cụ thể:

Năm 2017, nhằm thực hiện chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cũ sang giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 1/3/2017, nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo, trong đó có chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản.

Năm 2019 chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng được nhà trường rà soát nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động. Trường ra kế hoạch số 59/ KH – CĐKTKTTS ngày 13/03/2019 về việc rà soát chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2019. *(1.1.07 - Kế hoạch rà soát chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp)*.

Trên cơ sở xây dựng kế hoạch rà soát chương trình đào tạo nhà trường đã ban hành Quyết số 224/QĐ - CĐKTKTTS ngày 20 tháng 3 năm 2019 thành lập các tổ rà soát, biên soạn lại chương trình chi tiết trình độ cao đẳng có danh sách kèm theo. *(1.1.08 - Bảng phân công giáo viên xây dựng chương trình nghề Nuôi trồng thủy sản). (1.1.09 - Quyết định thành lập các Tổ rà soát, biên soạn chương trình đào tạo năm 2019; 1.1.10 - Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019)*

Nhà trường đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình đào tạo để chuẩn bị cho thẩm định chương trình. *(1.1.11- Biên bản hội thảo xin ý kiến chuyên gia năm 2019)*

Sau khi tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo xong Trường cao đẳng kinh tế kỹ thuật và thủy sản đã xây dựng kế hoạch tổ chức thẩm định chương trình đào tạo: Kế hoạch thẩm định chương trình số 180/ KH –

CĐKTKTTS – ĐT ngày 6 tháng 6 năm 2019. (1.1.12 - *Kế hoạch tổ chức thẩm định chương trình đào tạo 2019.*) Dựa trên kế hoạch thẩm định chương trình đào tạo nhà trường đã ban hành quyết định số 260/ QĐ CĐKTKTTS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề nuôi trồng thủy sản kèm theo danh sách hội đồng thẩm định. (1.1.13 - *Quyết định thành Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*)

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng được thẩm định có sự tham gia của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của trường, các cán bộ từ các doanh nghiệp, cán bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước, xin ý kiến góp ý cho chương trình đào tạo. 1.1.14 - *Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định chương trình 2019*).

Ngày 9 tháng 7 năm 2019 Nhà trường đã tổ chức họp thẩm định chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản. (1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm.* 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*)

Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng đã được tiến hành thẩm định theo đúng quy định. Nhà trường đã ra Quyết định ban hành chương trình đào tạo số 496/ QĐ- CĐKTKTTS- ĐT ngày 18/9/2019. (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*).

Chương trình đào tạo sau khi được ban hành đã được cập nhật và đưa lên website của trường. (4.1.01- *Bản chụp màn hình chương trình đào tạo trên website của trường*)

Điểm tự đánh giá tiêu chí 4, tiêu chuẩn 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành NTTS, Nhà trường đã mời các cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp về Nuôi trồng thủy sản, các giáo viên có kinh nghiệm từ cơ sở đào tạo về nuôi trồng thủy sản tham gia vào quá trình xây dựng (1.1.09 - *Phân công giáo viên biên soạn chương trình đào tạo năm 2019*).

Chương trình đào tạo ngành NTTS trình độ Cao đẳng đã được tiến hành thẩm định theo đúng quy định. Sau khi chương trình đào tạo được Tổ biên soạn xây dựng, sẽ được Hội đồng thẩm định, đánh giá chương trình, góp ý để tổ biên soạn tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện chương trình, trình Hiệu trưởng ra Quyết định ban hành chương trình đào tạo. Các thành viên trong Hội đồng thẩm định là các chuyên gia có trình độ, có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo và sản xuất thủy sản (1.0.13 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo và các chương trình đào tạo ban hành kèm theo năm 2019*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cho đến thời điểm xây dựng chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng, Bộ Lao động và Thương binh Xã hội chưa ban hành chuẩn về khối lượng, kiến thức yêu cầu năng lực tối thiểu của nghề NTTS. Tuy nhiên, khi xây dựng chương trình đào tạo ngành NTTS được Nhà trường tiến hành xây dựng, rà soát hàng năm đã thể hiện được yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học nghề cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Việc xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng cho nghề Nuôi trồng thủy sản bám sát hướng dẫn của Thông tư 12/2017- BLĐTBXH Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng; Quyết định Số 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Chương trình

đào tạo được thể hiện thông qua mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định 3 mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức:

(1) Hiểu biết được chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước;

(2) Phân tích được vai trò, đặc điểm nhận dạng một số thủy sinh vật trong thủy vực nuôi thủy sản và đánh giá được ứng dụng của vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản;

(3) Trình bày được phương pháp xác định và quản lý một số chỉ tiêu môi trường; phân tích được nguyên nhân và đưa ra biện pháp quản lý biến động một số yếu tố môi trường trong nước nuôi thủy sản;

(4) Trình bày được phương pháp vận hành hệ thống quan trắc môi trường nuôi thủy sản tự động;

(5) Trình bày được đặc điểm sinh học, yêu cầu kỹ thuật của công trình nuôi thủy sản và phân tích được quy trình công nghệ sản xuất giống, nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế; phân tích, so sánh ưu, nhược điểm các kỹ thuật vận chuyển động vật thủy sản sống;

(6) Phân tích nguyên lý hoạt động của quy trình nuôi thủy sản công nghệ cao (Biofloc, nuôi thủy sản trong hệ thống tuần hoàn (RAS)); so sánh ưu, nhược điểm của quy trình nuôi thủy sản công nghệ cao với quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản truyền thống;

(7) Phân tích được biện pháp phòng bệnh tổng hợp, phương pháp chẩn đoán và trị một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản;

(8) Trình bày và phân tích được nguyên tắc chuẩn bị, sử dụng thức ăn; sử dụng các loại chế phẩm sinh học, hóa chất trong nuôi trồng thủy sản;

(9) Trình bày, phân tích được nguyên tắc chuẩn bị, sử dụng dụng cụ, thiết bị trong phòng thí nghiệm và các trang thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản;

(10) Trình bày được biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;

(11) Có kiến thức tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; có kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản;

(12) Có kiến thức tin học đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Về kỹ năng:

(1) Thực hiện đúng chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước;

(2) Phân loại chính xác một số loài động vật thủy sản nuôi, một số thủy sinh vật trong thủy vực nuôi thủy sản và ứng dụng vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản;

(3) Xác định nhanh, chính xác và quản lý được một số yếu tố môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

(4) Vận hành thành thạo hệ thống quan trắc môi trường nuôi thủy sản tự động;

(5) Thực hiện thành thạo quy trình công nghệ sản xuất giống, nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế và thực hiện công việc vận chuyển động vật thủy sản sống đảm bảo an toàn, hiệu quả;

(6) Vận dụng được quy trình nuôi thủy sản công nghệ cao (Biofloc, nuôi thủy sản trong hệ thống tuần hoàn (RAS)) vào thực tiễn sản xuất, tiết kiệm được tài nguyên, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;

(7) Áp dụng linh hoạt, hiệu quả biện pháp phòng bệnh tổng hợp; chẩn đoán chính xác và điều trị hiệu quả một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản nuôi;

(8) Chế biến và quản lý được thức ăn trong nuôi thủy sản;

(9) Chọn, sử dụng được một số loại chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn và hiệu quả;

(10) Chọn, sử dụng được một số loại dụng cụ, trang thiết bị dùng trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn và hiệu quả;

(11) Quản lý hiệu quả tình hình sản xuất kinh doanh ở các cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô vừa và nhỏ;

(12) Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;

(13) Có năng lực tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam tương đương chứng chỉ B1; đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản;

(14) Có kỹ năng tin học đạt trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Về năng lực tự chủ của người học:

(1) Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn thủy sản;

(2) Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

(4) Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;

(5) Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

(6) Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể;

(7) Có ý thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh;

(8) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các biện pháp bảo hộ, an toàn lao động và giữ vệ sinh chung nơi làm việc.

Các mục tiêu được thể hiện trong nội dung các phần trong chương trình đào tạo: khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, nội dung chương trình (1.1.02 - Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019).

Trong quá trình xây dựng chương trình và thẩm định chương trình đào tạo của ngành NTTS đều có sự tham gia đóng góp ý kiến phản hồi của cơ sở sử dụng lao động về thủy sản. Các ý kiến phản biện, nhận xét của các chuyên gia đều đánh

giá chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu về mục tiêu, thời gian, nội dung mang tính hiện đại, cập nhật, chuẩn xác. (1.1.10 - *Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019*; 1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*).

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của doanh nghiệp sử dụng lao động ngành thủy sản về kiến thức, kỹ năng thực hành, năng lực tự chủ của sinh viên tốt nghiệp đang làm việc (7.1.01 - *Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*), số lượng doanh nghiệp được khảo sát từ 10 doanh nghiệp trở lên (7.1.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*). Kết quả khảo sát được xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm Excel với trên 85% doanh nghiệp được khảo sát có phản hồi và hài lòng về sinh viên của ngành NTTS được đào tạo tại Nhà trường có năng lực tự chủ, kỹ năng làm việc tốt (7.1.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo ngành NTTS, trình độ Cao đẳng do Nhà trường xây dựng đều có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Việc xác định tỉ lệ phân bổ nội dung lý thuyết và thực hành thực hiện theo thông tư 03/2017 của BLĐ-TBXH (đối với trình độ Cao đẳng: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 70% - 50%). Chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản ban hành năm 2017 có tổng số giờ 2.415 giờ (90 tín chỉ), số giờ lý thuyết 574 giờ, số giờ thực hành, thực tập là 1.841 giờ. Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản ban hành năm 2019 có tổng thời gian đào tạo 2.145 giờ; trong đó: số giờ lý thuyết là 470 giờ, số giờ thực hành, thí nghiệm là 1.715 giờ, đạt tỉ lệ đạt 32% lý thuyết, 68% thực hành.

Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học đảm bảo tính trật tự, lô-gic, khoa học, gồm: 6 môn chung, các môn học/mô-đun cơ sở ngành, các mô-đun kỹ thuật chuyên ngành. Sau khi có kiến thức, kỹ năng được trang bị qua các môn học/mô-đun cơ sở ngành như: Thủy sinh vật, Ngư loại, Sinh lý động vật thủy sản, Vi sinh vật đại cương/ ứng dụng vi sinh vật trong NTTS; các mô-đun chuyên ngành: Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản, Thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, Sản xuất giống cá nước ngọt, Sản xuất giống và nuôi giáp xác, Bệnh động vật thủy sản, v.v.... Tiếp đó, Nhà trường tổ chức cho học sinh sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp. Đồng thời, chương trình đào tạo đã xác định số tín chỉ, tỉ lệ lý thuyết, thực hành cho từng môn học/mô-đun. Nội dung và thời lượng học tập các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*).

Cấu trúc, phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học chương trình đào tạo ngành NTTS trong quá trình xây dựng, thẩm định đã được sự góp ý, phản biện của các cán bộ quản lý, nhà giáo có kinh nghiệm và doanh nghiệp. Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học đảm bảo tính logic, khoa học: 6 môn học chung; các môn học, mô-đun cung cấp kiến thức cơ sở ngành, các mô-đun kỹ thuật chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp và thực tập doanh nghiệp. Tỉ lệ phân bổ thời gian cân đối giữa các mô-đun chuyên ngành có nhiều kỹ năng sâu, khó, quan trọng của ngành thì ưu tiên hơn về số giờ đào tạo. (1.1.10. - *Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019*; 1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*)

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát Doanh nghiệp sử dụng lao động, cán bộ quản lý về các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản cho thấy chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (7.1.01 - *Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.1.03 - *Danh sách doanh*

ngành tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.1.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 7.1.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.3.01 – Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021; 7.3.02 – Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021; 7.3.03 – Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.3.04 – Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.05 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021).

Kết quả cho thấy trên 80% các đối tượng được khảo sát nhất trí cao với chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Nhà trường đã đảm bảo được yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo ngành NTTS nhằm đảm bảo chất lượng. Trong chương trình chi tiết của mỗi mô-đun/môn học của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản, đã cụ thể hóa về yêu cầu cơ sở vật chất phòng học chuyên môn/trại thực nghiệm; trang thiết bị, máy móc, học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu tại mục “IV. Điều kiện thực hiện môn học”; yêu cầu về đội ngũ nhà giáo được cụ thể hóa trong nội dung mục “V. Nội dung và phương pháp, đánh giá” và mục “2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học”. (1.1.02 - Quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019).

Quá trình xây dựng chương trình và thẩm định chương trình đào tạo của ngành NTTS đã có sự tham gia đóng góp ý kiến phản hồi của các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản về điều kiện cơ sở vật chất các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, hai Trung tâm phục vụ thực tập hiện có của Nhà trường nhằm đáp ứng tốt, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành NTTS. Căn cứ vào trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên ngành NTTS, các ý kiến đều đánh giá

tính khả thi, thực tiễn đáp ứng tốt tổ chức đào tạo của chương trình được xây dựng (1.1.10 - *Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019*; 1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*)

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của giảng viên, HSSV về các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản cho thấy chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (7.3.01 – *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 – *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 – *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 – *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm, 2019, 2020, 2021*; 7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% nhất trí với nội dung khảo sát ở trên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Chương trình đào tạo ngành NTTS trình độ cao đẳng, do Nhà trường xây dựng thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định được mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Trong chương trình chi tiết của mô-đun, môn học của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản đều cụ thể hóa chi tiết tại mục “V. *Nội dung và phương pháp, đánh giá*”. Mỗi mô-đun, môn học trong mục V xác định các kiến

thức, kỹ năng trọng tâm cần đạt được của người học, đồng thời xác định các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá: kiểm tra lý thuyết bằng hình thức viết (tự luận, trắc nghiệm); kiểm tra thực hành bằng bài thực hành, quan sát đánh giá mức độ thành thạo thao tác. (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*).

Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo ngành NTTS đã có sự góp ý kiến của các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia/doanh nghiệp về phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào. Các kiến thức, kỹ năng được xác định ở mỗi mô-đun, môn học được xác định là phù hợp. Các phương pháp đánh giá đưa ra dự kiến có tính linh hoạt, có thể sử dụng kết hợp phương pháp kiểm tra kiến thức lý thuyết bằng bài kiểm tra tự luận hoặc bài kiểm tra trắc nghiệm. Đối với kỹ năng thực hành, cần thiết phải sử dụng bài kiểm tra thực hành, đánh giá mức độ thành thạo của các thao tác. Ý kiến của các phản biện, chuyên gia đều thống nhất chương trình đã thể hiện được phương pháp, hình thức kiểm tra lượng giá được năng lực của người học (1.1.10 - *Biên bản họp xây dựng, điều chỉnh chương trình của các tổ biên soạn năm 2019*; 1.1.15 - *Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019*; 1.1.16 - *Biên bản đánh giá, nghiệm thu chương trình đào tạo năm 2019*).

Hàng năm, Nhà trường giao cho phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng thực hiện lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh sinh viên về phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy phương pháp đánh giá kiểm tra của chương trình đào tạo đảm bảo yêu cầu, bám sát thực tiễn, kiến thức trọng tâm của chuyên ngành. (7.3.01 – *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 – *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 – *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 – *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019,*

2020, 2021; 7.4.03 - Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.4.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm, 2019, 2020, 2021; 7.4.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển NTTS đến năm 2020, đã xác định phát triển Nuôi trồng thủy sản; trong đó xác định tôm thẻ trắng, tôm sú, tôm càng xanh, cá tra, rô phi, nhuyên thể, nuôi cá biển, được coi là đối tượng chủ lực của ngành; Đồng thời việc ứng dụng hiệu quả công nghệ cao như quản lý quan trắc môi trường ao nuôi, kiểm soát dịch bệnh, giảm hệ số sử dụng thức ăn, tiết kiệm nguyên liệu nước, áp dụng quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) trong Nuôi trồng thủy sản, đặc biệt trong nuôi thâm canh các đối tượng chủ lực. Cán bộ, giáo viên trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản là đơn vị đi đầu trong việc chuyển giao công nghệ nuôi Biofloc của Isarel cho các doanh nghiệp theo chương trình Nông thôn miền núi của Bộ Khoa học và Công nghệ. Do vậy các công nghệ, kỹ thuật cao như nuôi tuần hoàn (RAS), nuôi theo công nghệ Biofloc đã được đưa vào chương trình đào tạo sau khi tiến hành rà soát, chỉnh sửa; hoặc có những công nghệ mới người học sẽ được tiếp thu kiến thức, kỹ năng trong đợt thực tập tại doanh nghiệp. Ví dụ: Công nghệ nuôi Biofloc được đưa vào trong nội dung giảng dạy tại mô-đun “*Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản*”; Công nghệ nuôi tuần hoàn (RAS) bổ sung vào nội dung mô-đun “*Sản xuất và nuôi cá cảnh*”. Trong chương trình đào tạo hai mô-đun “*Nuôi cá nước lạnh*” và mô-đun “*Sản xuất và nuôi cá cảnh*” là nội dung kiến thức, kỹ năng được bổ sung vào chương trình đáp ứng với xu thế phát triển của ngành, của xã hội những năm gần đây.

Nhà trường đã tổ chức tiến hành khảo sát đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ kỹ thuật, thực hiện được các yêu cầu công việc tại các doanh nghiệp về thủy

sản (7.1.01 - *Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*). Sử dụng các câu hỏi khảo sát để lấy ý kiến các doanh nghiệp, sinh viên sau khi đi tốt nghiệp về mức độ đáp ứng với công nghệ, dịch vụ ngành thủy sản (7.1.02 - *Bộ phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021*); Kết quả tổng hợp, xử lý số liệu khảo sát điều tra, cho thấy các sinh viên sau khi ra trường đều có thể vận dụng ngay kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo vào vị trí việc làm tại doanh nghiệp (7.1.03 - *Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Như vậy, chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản của Nhà trường phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành NTTS, Nhà trường thực hiện chủ trương, nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo từ trung cấp lên cao đẳng có tính kế thừa, tính hai giai đoạn. (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*). Vì thế, học sinh sau khi học xong trình độ Trung cấp có thể tham gia vào thị trường lao động ngay, hoặc nếu có nguyện vọng tiếp tục học liên thông lên trình độ Cao đẳng hoặc Đại học.

Do từ năm 2017 đến nay, số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp, đều tìm kiếm được việc làm có thu nhập cao. Do yêu cầu về thời gian làm việc của các doanh nghiệp tư nhân, công ty phân phối thức ăn thủy sản đa quốc gia, đánh giá năng lực thông qua hiệu quả công việc, vì vậy nhu cầu học lên đại học của các sinh viên sau tốt nghiệp Cao đẳng bị chững lại. Nên trong 3 năm gần đây, Nhà trường không tổ chức được lớp đào tạo liên thông đại học ngành Nuôi trồng Thủy sản với đại học Nha Trang như trước đây. Tuy nhiên trong khuôn khổ một trường cao

đẳng, việc kiểm soát liên thông lên đại học là vượt ngoài chức năng của Nhà trường.

Công tác đào tạo liên thông giữa trình độ trung cấp và cao đẳng hoặc liên thông ngang từ người học có bằng tốt nghiệp chuyên ngành khác trong những năm qua của Nhà trường đã tiến hành rất tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở chương trình đào tạo ngành NTTS đã được ban hành (1.1.02 - Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019), Nhà trường tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình ngành Nuôi trồng thủy sản; 100% các mô-đun, môn học được cung cấp giáo trình. Chương trình đào tạo 2017 có 27 môn học mô-đun bao gồm 6 môn chung, 02 mô-đun thực tập còn lại 19 môn đụn cơ sở và chuyên ngành đã có sự kế thừa các tài liệu đã biên soạn của các năm trước, nên đã đáp ứng được nhu cầu tra cứu, sử dụng tài liệu học tập cho sinh viên.

**Danh sách các môn học/ mô-đun có giáo trình theo
chương trình ban hành năm 2017**

STT	Tên môn học, mô-đun
1.	Chính trị
2.	Pháp luật
3.	Giáo dục thể chất
4.	Giáo dục quốc phòng và an ninh
5.	Tin học
6.	Ngoại ngữ
7.	Hóa sinh
8.	Thực vật ở nước
9.	Động vật không xương sống ở nước
10.	Ngư loại
11.	Vì sinh vật đại cương
12.	Sinh lý động vật thủy sản

STT	Tên môn học, mô-đun
13.	An toàn và vệ sinh lao động
14.	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
15.	Thức ăn trong nuôi trồng thủy sản
16.	Sản xuất giống cá nước ngọt
17.	Nuôi cá và đặc sản nước ngọt
18.	Sản xuất giống và nuôi giáp xác
19.	Sản xuất giống và nuôi cá biển
20.	Sản xuất giống & nuôi động vật thân mềm
21.	Bệnh động vật thủy sản
22.	Vận chuyển động vật thủy sản
23.	Kỹ thuật sản xuất giống và trồng rong biển
24.	Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản
25.	Bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch

Chương trình đào tạo ban hành năm 2019 tổng cộng có 26 môn học, mô-đun bao gồm 6 môn chung, 02 mô-đun thực tập còn lại 18 môn học cơ sở và chuyên ngành; Nhà trường đã tổ chức biên soạn 18 giáo trình chuyên môn cung cấp tài liệu cho sinh viên kịp thời (4.9.01 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề NTTS, Danh mục giáo trình các môn học, mô-đun ngành NTTS; 4.9.02. Giáo trình các môn học mô-đun nghề NTTS)

**Danh sách các môn học/ mô-đun có giáo trình theo
chương trình ban hành năm 2019**

STT	Tên môn học, mô-đun
1.	Chính trị
2.	Pháp luật
3.	Giáo dục thể chất
4.	Giáo dục quốc phòng và an ninh
5.	Tin học
6.	Ngoại ngữ
7.	Phân tích chất lượng nước
8.	Thủy sinh vật
9.	Phân loại động vật thủy sản

10.	Ứng dụng vi sinh trong NTTS
11.	Sinh lý động vật thủy sản
12.	An toàn và vệ sinh lao động trong NTTS
13.	Tiếng Anh chuyên ngành
14.	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản
15.	Sử dụng thức ăn trong nuôi trồng thủy sản
16.	Sản xuất giống cá nước ngọt
17.	Nuôi cá và đặc sản nước ngọt
18.	Sản xuất giống và nuôi giáp xác
19.	Sản xuất giống và nuôi cá biển
20.	Sản xuất giống & nuôi động vật thân mềm
21.	Phòng và trị bệnh động vật thủy sản
22.	Sản xuất giống và nuôi cá cảnh
23.	Nuôi cá nước lạnh
24.	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy trình biên soạn, lựa chọn, thẩm định đánh giá và ban hành giáo trình đào tạo của Nhà trường, đã được thực hiện bám sát quy định của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội,

Thực hiện chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cũ sang giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 1/3/2017. Sau đó, Nhà trường đã tổ chức lựa chọn, biên soạn giáo trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ Cao đẳng cho chương trình đào tạo ban hành năm 2017.

Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện và ban hành chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản năm 2019, Nhà trường tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình tài liệu học tập của các môn học, mô-đun (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*; 4.10.01 - *Kế hoạch tổ chức biên soạn, lựa chọn giáo trình năm 2020*). Khoa Nuôi trồng thủy sản đã phân công giáo viên biên soạn giáo trình các môn học, mô-đun chuyên môn thuộc chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản. Các thành viên tổ biên soạn là các cán bộ giáo viên có chuyên môn vững, có trình độ Đại học trở lên, có trên 5 năm kinh nghiệm trong giảng dạy (4.10.02 - *Phân công giáo viên rà soát, chỉnh sửa, biên soạn giáo trình đào tạo theo chương trình khung ban hành năm 2019*; 4.10.03 - *Danh sách trích ngang thành viên tham gia biên soạn giáo trình đào tạo năm 2020*). Trên cơ sở đó, khoa Nuôi trồng thủy sản xây dựng kế hoạch làm việc của tổ biên soạn giáo trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản (4.10.04 - *Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa giáo trình nghề NTTS trình độ cao đẳng*). Sau khi có dự thảo giáo trình đào tạo, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo. Thành viên Hội đồng thẩm định gồm các nhà quản lý, nhà giáo có trình độ chuyên môn, có thâm niên trong đào tạo, quản lý giảng dạy ngành Nuôi trồng thủy sản (4.10.05 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2020*, 4.1.06 - *Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định năm học 2020*). Các chuyên gia trong Hội đồng thẩm định đã có ý kiến nhận xét, góp ý đánh giá về mức độ cập nhật về giáo trình đào tạo cho tổ biên soạn (4.1.07 - *Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định giáo trình tài liệu đào tạo năm 2020*). Tổ biên soạn tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa theo biên bản thẩm định giáo trình đào tạo và ý kiến của các thành viên trong Hội đồng thẩm định, nhà trường có quyết định ban hành bộ giáo trình các môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản (4.10.08 - *Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề NTTS, danh sách giáo trình cho từng môn học và bản in các quyển giáo trình năm 2020*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình mô-đun, môn học đào tạo nghề NTTS được xây dựng hoặc lựa chọn theo đúng quy định, trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo để làm tài liệu giảng dạy chính thức (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*). Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã mô-đun, môn học; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình mô-đun, môn học. Nội dung của giáo trình mô-đun, môn học bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo

Nội dung các giáo trình của nghề NTTS bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm; bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, sơ đồ minh họa. Nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô-đun. Mỗi chương, bài của giáo trình đào tạo có câu hỏi, bài tập; từng giáo trình có danh mục tài liệu tham khảo; tài liệu tham khảo có độ tin cậy và nguồn gốc rõ ràng. Trình bày ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu; sử dụng thuật ngữ nghề nghiệp phổ biến, nhất quán; các hình vẽ, sơ đồ minh họa làm sáng tỏ các kiến thức, kỹ năng. Đảm bảo phù hợp với các trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học khác tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (4.11.01 - *Biên bản thẩm định giáo trình năm 2020*; 4.9.01 - *Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề NTTS, Danh mục giáo trình các môn học, mô-đun ngành NTTS*).

Giáo trình là văn bản làm căn cứ giúp giáo viên soạn giáo án, lựa chọn phương pháp cụ thể cho giờ giảng trên lớp. Ví dụ giáo trình mô-đun 17 “Nuôi cá và đặc sản nước ngọt”, được biên soạn gồm 5 bài theo hình thức nuôi riêng biệt (1)

Nuôi cá ao nước tĩnh (2) Nuôi cá nước chảy (3) Nuôi cá mặt nước lớn (4) Nuôi cá kết hợp (5) Nuôi đặc sản nước ngọt; Mỗi hình thức nuôi được thiết kế theo quy trình chuẩn, nội dung gồm kênh chữ ngắn gọn, dễ hiểu, kênh hình đảm bảo tính thực tế, giúp cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu phần kiến thức mang tính lý thuyết. Giáo án của giáo viên thể hiện sự kết hợp giữa phương pháp truyền thụ kiến thức truyền thống với phương pháp hiện đại, có sự hỗ trợ phương tiện trực quan, mô hình, phim quay thực tế (4.11.02 - *Giáo án của giáo viên giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng, mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy*)

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, sinh viên về nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết quả thu được là các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. (7.3.01 – *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 – *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 – *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 – *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm, 2019, 2020, 2021*; 7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019,2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã ban hành, các giáo trình các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo được Nhà trường thực hiện biên soạn trong những năm qua, đã đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt của chương trình. Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong lĩnh vực

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nghề Nuôi trồng thủy sản hiện nay. Các nội dung, kiến thức mới đã được cập nhật trong các giáo trình, mô-đun: Nuôi cá và đặc sản nước ngọt, Sản xuất giống và nuôi cá cảnh, Sản xuất nuôi cá nước lạnh, Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm,... Giáo trình được biên soạn theo hướng đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng nền tảng trọng tâm, bổ sung cập nhật các công nghệ, kỹ thuật mới tiết kiệm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm chi phí thức ăn, tăng năng suất (4.11.01 - *Biên bản thẩm định giáo trình năm 2020*; 4.10.08 - *Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề NTTS, danh sách giáo trình cho từng môn học và bản in các quyển giáo trình năm 2020*).

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV, doanh nghiệp về nội dung giáo trình phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Kết quả cho thấy có trên 85% ý kiến hài lòng với nội dung được khảo sát. (7.1.01 - *Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.1.03 - *Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; 7.1.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019,2020, 2021*; 7.3.01 – *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 – *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 – *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 – *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát học sinh sinh viên năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm, 2019, 2020, 2021*; 7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019,2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

**** Mở đầu***

Ngành Nuôi trồng thủy sản có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hai trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ; đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và HSSV.

Nhà trường luôn được Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm đầu tư trang thiết bị của nghề để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học đúng chủng loại, hiện đại, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật đáp ứng phù hợp với nghề đào tạo.

Ngành Nuôi trồng thủy sản được Nhà trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất. Với sự tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và nghiên cứu của giáo viên qua nhiều thế hệ, khoa NTTS đã xây dựng bộ mẫu vật thủy sinh vật không lồ được trưng bày đẹp mắt trong phòng Bảo tàng Thủy sinh vật. Phòng Bảo tàng giúp cho việc tổ chức thực tập, thực hành nhiều nội dung giảng dạy của nghề, có ý nghĩa giáo dục ý thức yêu nghề, yêu và bảo vệ thiên nhiên. Các phòng thực hành: Phân tích môi trường, Bệnh động vật thủy sản, phòng Sinh vật, hệ thống nuôi tại hai Trung tâm đã góp phần vào đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản. Nhà trường khẳng định đảm bảo về cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực tập nghề Nuôi trồng thủy sản cả về số lượng và chất lượng của ngành.

Thư viện Nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học, được trang bị phòng đọc Internet.

** Những điểm mạnh:*

Ngành Nuôi trồng thủy sản được Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hoá đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Tất cả các máy móc, thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành, phù hợp với các nghề trường đang đào tạo; đảm bảo đủ tỷ lệ thiết bị/người học, có nhân viên phụ trách quản lý thiết bị, vật tư, các thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, có các

quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, hàng năm có đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Thư viện của trường có diện tích rộng, nằm trong khuôn viên khu B tại cơ sở 1, gần ký túc xá của sinh viên, có các phòng đọc, được kết nối mạng Internet tốc độ cao, có hệ thống máy tính để tra cứu tài liệu, có đầy đủ chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo, sử dụng thuận lợi phục vụ nhu cầu tra cứu của bạn đọc, thường xuyên giới thiệu tài liệu và sách báo mới cho người đọc bằng nhiều hình thức, tổ chức và duy trì được mạng lưới cộng tác viên của thư viện đạt hiệu quả cao.

** Những tồn tại*

Một số thiết bị, dụng cụ đặc thù ngành, nghề Nuôi trồng thủy sản, luôn tiếp xúc môi trường nước, là các dụng cụ mau hỏng, nên có những dụng cụ cũ, gây khó khăn trong vận hành sử dụng, khi chưa có kinh phí mua sắm kịp thời thay thế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Tiếp tục phân loại, sắp xếp khoa học hệ thống đầu sách thật sự khoa học, thuận lợi tra cứu. Bảo dưỡng, bảo trì thiết bị máy móc, dụng cụ thường xuyên hơn để tăng tuổi thọ sử dụng.

- Đầu tư thư viện điện tử phục vụ học tập, giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2

Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để phục vụ cho đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản, Nhà trường cung cấp đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực nghiệm đạt tiêu chuẩn theo Thông tư 38/2018 của Bộ LĐ-TBXH. Các lớp cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản được bố trí học các môn học chung, phần lý thuyết các môn học/ mô-đun cơ sở ngành và chuyên ngành tại các phòng học 20, 21, 22. Các phòng học lý thuyết, phòng máy tính, thư viện, khu giáo dục thể chất của sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản được sử dụng chung cùng với các ngành học khác trong trường, được sắp xếp theo thời khóa biểu của mỗi học kỳ của phòng đào tạo. Diện tích mỗi phòng học đạt 50 m²/ phòng. Tỷ lệ diện tích/chỗ ngồi của phòng học lý thuyết, phòng thực hành Tin học, phòng đọc Thư viện, khu Giáo dục thể chất đối chiếu với Thông tư 38/2018 của Bộ LĐ-TBXH đều đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

Do tính chất đặc thù của ngành Nuôi trồng thủy sản, hai trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợi được đầu tư hệ thống nuôi, các thiết bị dụng cụ đảm bảo cho việc sản xuất, thực hành của sinh viên. Diện tích trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt nằm trong khuôn viên khu B, cơ sở 1 (tại phố Long Vũ, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) có diện tích 02 ha, có hệ thống sản xuất giống nước ngọt gồm: Hai bể chìm cho cá đường kính 4m và 2,5 m, 08 bể hình chữ nhật nổi thể tích 01m³ và 06 bể composit thể tích 5 m³; Hệ thống ao nuôi gồm 8 ao diện tích 700 m², 01 ao chứa diện tích 8000 m². Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước mặn, lợi Quảng Ninh có diện tích 50ha (tại xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Quảng Ninh) gồm 5 nhà sản xuất và ương nuôi các đối tượng cá biển, tôm, thân mềm; các ao nuôi thương phẩm đạt tiêu chuẩn. Nhà trường có cơ sở nuôi lồng trên biển Cẩm Phả diện tích sử dụng 10 ha mặt nước với hệ thống 58 ô lồng vuông diện tích 12 m², 02 lồng tròn HDPE đường kính 20 m. Như vậy, theo tính chất đặc thù

của ngành Nuôi trồng thủy sản, Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, hệ thống sản xuất giống và nuôi các đối tượng cá, giáp xác, nhuyễn thể cả môi trường nước ngọt truyền thống và nước mặn, lợ. (5.1.01 - Quyết định thành lập trung tâm Nghiên cứu Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt số 564/QĐ-CDKTKTTS-TCHC ngày 26/12/2017 và Quyết định thành lập trung tâm Nghiên cứu Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước mặn, lợ số 565/QĐ-CDKTKTTS-TCHC ngày 26/12/2017; 5.1.02 - Danh mục tài sản của hai Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ; 5.1.03 - Hình ảnh chụp cơ sở vật chất của hai Trung tâm).

Các phòng thí nghiệm đảm bảo yêu cầu cho giảng dạy thực hành đào tạo các kỹ năng môn học/ mô-đun cơ sở ngành, chuyên ngành gồm môn học: Thủy sinh vật, Phân loại động vật thủy sản, Ứng dụng vi sinh trong Nuôi trồng thủy sản, Quản lý chất lượng nước, Bệnh động vật thủy sản,... Nhà trường có quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình. Trong đó, phân công cụ thể cho Khoa chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý phòng thí nghiệm thông qua Sở quản lý tài sản của khoa NTTS. Cuối năm, Nhà trường có kiểm tra, đánh giá tình hình công tác quản lý cơ sở vật chất, sau đó có báo cáo kết quả và đề xuất các nội dung sửa chữa. (5.1.04 - Sổ quản lý tài sản của khoa NTTS năm 2019, 2020, 2021; 5.1.05 - Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm 2017, 2018, 2019)

Các phòng học, trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản thiết kế, xây dựng có hệ thống điện nước đáp ứng yêu cầu đảm bảo cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, cho sản xuất và an toàn lao động. (5.1.06. Sơ đồ hoàn công xây dựng phòng thí nghiệm, hai Trung tâm).

Nhà trường khẳng định điều kiện về phòng học, phòng thực hành, hai trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản đáp ứng quy chuẩn yêu cầu đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản có lịch sử phát triển gần 60 năm, ngành Nuôi trồng thủy sản là ngành truyền thống, khởi phát cùng Nhà trường. Vì vậy, Nhà trường có đủ chủng loại trang thiết bị đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản và luôn được đổi mới phù hợp với chương trình đào tạo của nghề. Các thiết bị đều có chất lượng cao và đa dạng, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của nghề. Nhà trường có các phòng thí nghiệm, thực hành được đầu tư các trang thiết bị máy móc hiện đại, phòng bảo tàng thủy sinh vật, hai trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ.

Cho đến nay, ngành Nuôi trồng thủy sản chưa có "Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu" do Bộ LĐ-TBXH ban hành. Tuy nhiên, đối chiếu vào nội dung của chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản bao gồm sản xuất và nuôi thương phẩm các đối tượng động vật thủy sản nước ngọt, nước mặn, lợ với danh mục thiết bị được đầu tư tại các phòng thực hành và hai Trung tâm, khẳng định chủng loại thiết bị phục vụ đào tạo thực hành, thực tập nghề Nuôi trồng thủy sản của Nhà trường đáp ứng được yêu cầu. Các nội dung giảng dạy thực hành của các môn học/ mô-đun cơ sở ngành và chuyên ngành được thực hiện trong phòng thí nghiệm thuộc khoa Nuôi trồng thủy sản quản lý, hoặc tại hai Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ (5.2.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo NTTS*; 5.1.02. *Danh mục tài sản của hai Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ*; 5.1.04 - *Sổ quản lý tài sản của khoa NTTS năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy nghề Nuôi trồng thủy sản về trang thiết bị đào tạo (7.3.01 - *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*). Sử dụng câu hỏi số 8 trong bộ câu hỏi khảo sát về mức độ đáp ứng về thiết bị, dụng cụ, cơ sở thực hành cho đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản. Sau khi tổng hợp, xử lý số liệu, kết quả phản hồi cho thấy cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thực hành, thực tập của Nhà trường đảm bảo chất lượng, số lượng (7.3.02 - *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 - *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm*

2019, 2020, 2021; 7.3.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021).

Đối chiếu Danh mục thiết bị của phòng thí nghiệm, hai Trung tâm với Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo cho ngành Nuôi trồng thủy sản; Kết quả khảo sát, kết luận Danh mục thiết bị đào tạo của Nhà trường đảm bảo về chủng loại đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Nuôi trồng thủy sản có nội dung đào tạo tổng hợp chuyên môn hai nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt và Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. Như đã phân tích và trình bày tại *Tiêu chuẩn 5.2*, Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Nuôi trồng thủy sản, Nhà trường đã xây dựng về chủng loại thiết bị, số lượng cần có (5.2.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo NTTS*; 5.1.02 - *Danh mục tài sản của hai Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ*; 5.1.04 - *Số quản lý tài sản của khoa NTTS năm 2019, 2020, 2021*). Tiến hành đối chiếu về số lượng thiết bị của hai Trung tâm, phòng thí nghiệm với Danh mục thiết bị đào tạo nghề NTTS để xác định mức độ đáp ứng về yêu cầu (5.3.01 - *Bảng đối chiếu danh mục thiết bị của khoa Nuôi trồng thủy sản*).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện kiểm kê tài sản và có báo cáo kiểm kê tài sản cố định (5.3.02 - *Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản của khoa NTTS năm 2018, 2019, 2020*).

Phòng Đào tạo kết hợp với Khoa chuyên môn thực hiện phân công giáo viên giảng dạy và xây dựng lịch giảng dạy chi tiết đến từng môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo, xây dựng thời khóa biểu cho học kỳ, năm học bố trí phòng học hợp lý, khoa học theo đúng chuyên môn của nghề đào tạo không có sự chồng

chéo. (2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022; 2.2.03 - Kế hoạch giáo viên, lịch giảng dạy năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022; 5.3.03 - Kế hoạch giảng dạy thực hành tại phòng thí nghiệm, Trung tâm).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy và sinh viên cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản về trang thiết bị đào tạo. Các phiếu khảo sát, sau khi tổng hợp xử lý số liệu, cho thấy phản hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành, thực tập của nghề Nuôi trồng thủy sản đáp ứng được về số lượng sinh viên, có thể thực hiện tổ chức nhóm 3 - 6 sinh viên/ nhóm thực hành thực tập (7.3.01 - Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.02 - Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021; 7.3.03 - Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.3.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.4.01 - Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.4.02 - Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021; 7.4.03 - Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.4.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.4.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Nuôi trồng thủy sản có trang thiết bị đào tạo hiện đại, tất cả thiết bị đào tạo được phân theo các phòng học chuyên môn của nghề, các thiết bị tại các phòng học được bố trí theo sơ đồ đảm bảo hợp lý về trình tự sử dụng: phòng thực hành mẫu vật tươi sống bố trí tầng 1, có đường thoát nước đảm bảo. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn, vì môi trường nuôi thủy sản luôn gắn liền với nước.

Sơ đồ sắp xếp các hệ thống nuôi thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân (5.1.04 - *Sổ quản lý tài sản khoa NTTS năm 2019, 2020, 2021*; 5.4.01 - *Sổ quản lý dụng cụ lâu bền khoa NTTS năm 2019, 2020, 2021*; 5.4.02 - *Ảnh chụp các phòng thí nghiệm, hai Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản nước ngọt và nước mặn, lợ*; 5.1.06 - *Sơ đồ hoàn công xây dựng phòng thí nghiệm, hai Trung tâm*; 5.4.03 - *Kết luận kiểm tra về an toàn phòng cháy chữa cháy*). Phòng thực hành đều có nội quy, có quy định thực hiện theo đúng quy định (5.4.04 - *Nội quy phòng thí nghiệm*)

Trang thiết bị tại các phòng học thực hành/ thí nghiệm được giao cho giáo viên phụ trách phòng học chuyên môn quản lý. Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, Khoa có xây dựng kế hoạch và thực hiện sử dụng phòng học chuyên môn theo đúng kế hoạch, tiến độ đào tạo. Hàng năm, các trang thiết bị máy móc, dụng cụ tại phòng thực hành, trung tâm được chính các cán bộ phụ trách bảo trì, bảo dưỡng, như lau dầu vệ sinh kính hiển vi, bổ sung hóa chất Foormon cho bình đựng mẫu, vá lưới, giai,... Trong trường hợp các máy móc lớn cần kỹ thuật chuyên sâu, Nhà trường sẽ mời kỹ thuật hiệu chỉnh, bảo dưỡng. (5.4.05 - *Quy định về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo nghề NTTS*; 5.4.06 - *Báo cáo kết quả bảo trì, bảo dưỡng máy móc phòng thí nghiệm*; 5.4.07 – *Báo cáo hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thí nghiệm/ thực hành*).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy, cán bộ quản lý nghề Nuôi trồng thủy sản về việc bố trí thiết bị, dụng cụ, mức độ duy trì bảo dưỡng trong công tác đào tạo của nghề Nuôi trồng thủy sản. Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống ao nuôi, thiết bị dụng cụ thực hành đảm bảo an toàn, thuận tiện cho đào tạo thực hành, thực tập của sinh viên. (7.3.01 - *Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.02 - *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021*; 7.3.03 - *Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.3.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng*

hợp phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.4.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021). **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Hiện nay, nghề Nuôi trồng thủy sản chưa có văn bản quy định của cơ quan Nhà nước về định mức kinh tế, kỹ thuật về đào tạo. Do vậy, Nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo đã ban hành để xây dựng định mức về vật tư, hóa chất cho đào tạo (1.1.02 - Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019). Theo chức năng, hai trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn và Dịch vụ thủy sản cung cấp các mẫu vật phục vụ thực hành. Các hóa chất phục vụ thực hành đều được sử dụng cấp phát từ kho hóa chất phòng thí nghiệm và các hóa chất này đã được đầu tư đồng bộ theo chương trình mục tiêu của Nhà trường (5.5.01 - Quy định về cấp phát, quản lý, sử dụng công cụ, dụng cụ, vật tư trang thiết bị ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-CDKTKTTS ngày 31 /12/2018 của Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật thủy sản, Quy trình quản lý cấp phát vật tư, mẫu vật thực hành, thực tập; 5.5.06 - Sổ quản lý hồ sơ cấp phát vật tư, hóa chất hàng năm của phòng thí nghiệm). Kho bảo quản hóa chất, dụng cụ thực hành, thí nghiệm do khoa chuyên môn quản lý được sắp xếp gọn gàng, khoa học, đảm bảo sự an toàn, phòng chống tránh cháy nổ.

Hàng năm, căn cứ vào số lượng sinh viên của từng khóa học, chương trình đào tạo, giáo viên phụ trách môn học/mô-đun đề xuất danh mục mẫu vật, hóa chất, dụng cụ cần thiết cho thực hành (5.5.02 - Dự trù mẫu vật thực hành môn học/mô-đun năm 2019, 2020, 2021). Trên cơ sở dự trù của từng môn học/mô-đun để thực hiện tổng hợp bản dự trù định mức sử dụng hóa chất, mẫu vật phục vụ giảng dạy thực hành cho cả khóa học (5.5.03 - Dự trù mẫu vật thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021; 5.5.04 - Biên bản bàn giao mẫu vật thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản theo môn học năm 2019, 2020, 2021; 5.5.05 - Biên bản xử lý mẫu vật sau thực hành nghề Nuôi trồng thủy sản theo môn học 2019, 2020, 2021).

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của từng khóa học, năm học, từng học kỳ, nhân viên phòng thí nghiệm sẽ chuẩn bị theo dự trù, định mức đã được xây dựng phê duyệt bàn giao cho giáo viên giảng dạy và sinh viên của lớp học môn học/mô-đun đó. Sau khi thực hành, thí nghiệm thì các mẫu vật, hóa chất sẽ được xử lý, hủy đảm bảo an toàn môi trường, tiết kiệm.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy, cán bộ quản lý nghề Nuôi trồng thủy sản về nội dung “Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo”. Kết quả khảo sát phản hồi về công tác cung cấp mẫu vật, hóa chất, quản lý, sắp xếp nguyên vật liệu, hóa chất đảm bảo theo yêu cầu của kế hoạch, tiến độ đào tạo của chương trình (7.3.01 - Kế hoạch khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.02 - Bộ phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý 2019, 2020, 2021; 7.3.03 - Danh sách nhà giáo và cán bộ quản lý tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.3.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.4.01 - Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.4.02 - Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021; 7.4.03 - Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021; 7.4.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.4.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

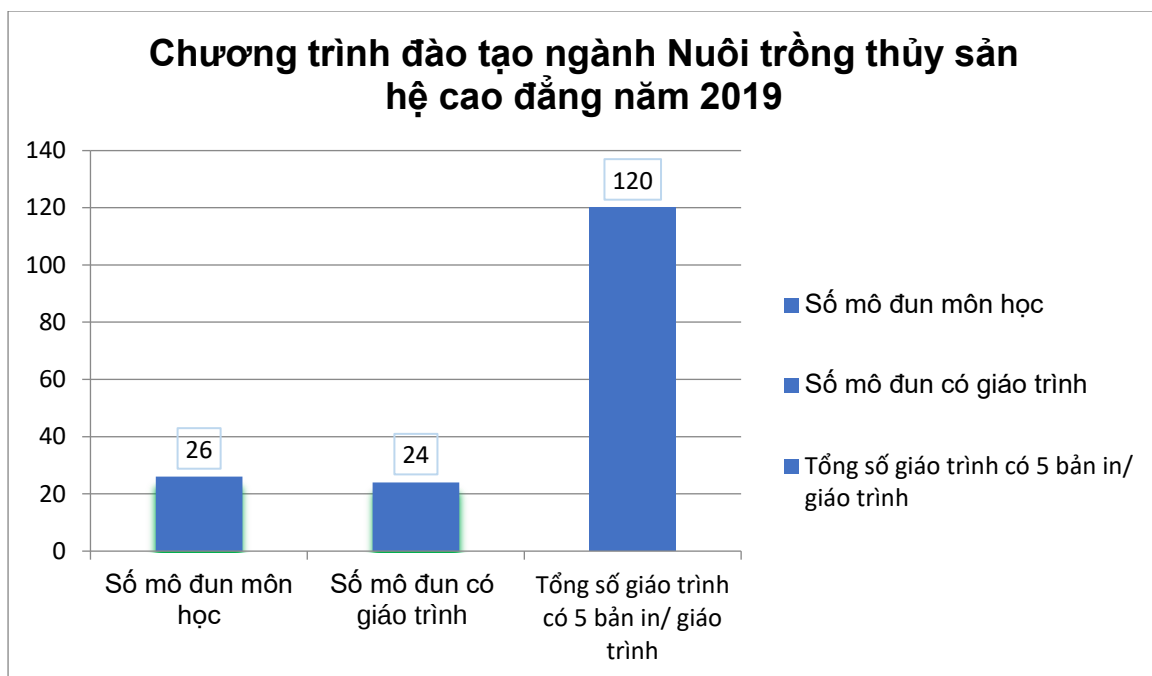
Nhà trường có thư viện với diện tích 245m², với phòng đọc, kho sách, máy tính, đáp ứng đủ nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và học sinh

sinh viên. Thư viện có đủ chương trình đào tạo các ngành nghề mà trường đào tạo trong đó có nghề nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng. (1.1.02 - *Quyết định ban hành kèm chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản năm 2019*; 4.9.01 - *Quyết định ban hành giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng nghề NTTS, Danh mục giáo trình các môn học, mô-đun ngành NTTS*; 4.9.02. *Giáo trình các môn học mô-đun nghề NTTS*)

Thư viện có 120 giáo trình giảng dạy của chương trình đào tạo của ngành nuôi trồng thủy sản hệ cao đẳng năm 2019. Chương trình đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản năm 2019 có 26 mô-đun/môn học, trong đó có 24 mô-đun môn học có giáo trình, có 2 mô-đun (Thực tập nghề nghiệp và thực tập doanh nghiệp không có giáo trình). Như vậy, số lượng giáo trình trên đảm bảo mỗi loại giáo trình có đủ 05 bản in, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và sinh viên ngành nuôi trồng thủy sản.

Chương trình đào tạo năm 2019	
<i>Số mô đun môn học</i>	26
<i>Số mô-đun có giáo trình</i>	24
<i>Số lượng giáo trình có 5 bản in/ giáo trình</i>	120

(Bảng 1.5.6)



Biểu đồ 1.

(5.6.01- Danh mục giáo trình nghề nuôi trồng thủy sản theo mô-đun môn học trong chương trình đào tạo năm 2019, kèm Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020; 5.6.02 - Bản in sách, giáo trình cho từng mô-đun, môn học chương trình đào tạo của nghề nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng)

Thư viện của trường hoạt động theo kiểu truyền thống, thời gian mở cửa: buổi sáng từ 7h30 đến 11h30, buổi chiều từ 1h30 đến 4h30, mở cửa thứ 2 đến thứ 6. Thư viện phục vụ bạn đọc theo hình thức kho mở, bạn đọc tự chọn tài liệu và đọc tại chỗ. Hằng năm thư viện cũng có những đánh giá kết quả về công tác thư viện. Thể hiện trong mục về công tác thư viện của Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của phòng Đào tạo. Thư viện quản lý và bảo quản tốt các tài liệu, phục vụ bạn đọc đúng theo quy định, nội quy của thư viện. Đảm bảo đủ số lượng sách giáo trình, sách tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh sinh viên. Sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, sạch sẽ. Số lượng bạn đọc có sự biến động theo năm. Năm học 2019 đến 1329 lượt và có 234 lượt mượn sách, 777 lượt sử dụng máy tính; 329 truy cập thư viện số; năm 2020 có 6453 lượt sử dụng thư viện: 222 lượt sử dụng máy tính, có 231 lượt mượn sách, 6000 lượt sử dụng thư viện số. Năm 2021 (5.6.03 - Ảnh nội quy thư

viện; 5.6.04 - *Sổ mượn trả tài liệu*; 5.6.05 - *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019, 2020, 2021, báo cáo công tác thư viện năm 2019, 2020 2021*). Thư viện có đánh giá kết quả phục vụ qua khảo sát nhu cầu bạn đọc hàng năm, mức độ sử dụng cơ sở vật chất, tài liệu thư viện thể hiện qua câu 2, câu 4, câu 7, câu 8 của Bộ phiếu khảo sát năm học 2019, và năm 2020 và câu 5 Bộ phiếu khảo sát năm học 2021 (5.6.06 - *Bộ phiếu khảo sát bạn đọc năm 2018-2019, 2019- 2020; 2020-2021*)

Tài liệu hiện có tại thư viện gồm có tài liệu truyền thống và tài nguyên số, được thống kê theo năm như sau:

	Tài liệu bản in		Tài liệu bản điện tử	
	Nhan đề	Số bản	Nhan đề	Số bản
Năm 2019	1849	16284	691	691
Năm 2020	1883	16439	2812	2812
Năm 2021	1890	16457	2624	2624

(Bảng 2.5.6)

(5.6.07 - *Danh mục sách tham khảo và Danh mục tài liệu điện tử năm 2019, 2020, 2021*). Theo thống kê của trường số lượng học sinh của ngành nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng theo năm học như sau:

Năm	Số sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản (quy đổi)	Số sinh viên Cao đẳng (quy đổi)
Năm 2019	278.5	55
Năm 2020	181.5	86
Năm 2021	308.5	78

(Bảng 3.5.6)

Số sinh viên cao đẳng ngành Nuôi trồng thủy sản quy đổi như sau: Năm 2019: có 55 sinh viên; năm 2020: 86 sinh viên; năm 2021: 78 sinh viên (5.6.08 *Quyết định Biên chế lớp năm 2019, 2020, 2021*). Với số sinh viên cao đẳng

ngành nuôi trồng thủy sản là 86 học sinh sinh viên, nên 1883/86 là 20 đầu sách trên 1 học sinh, sinh viên. Với số lượng sách hiện có, thư viện nhà trường có đủ sách, tài liệu tham khảo, đảm bảo tối thiểu 05 đầu sách/người học.

Thư viện trường đã tiến hành số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu, bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài nguyên số phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên, sinh viên. Cơ sở dữ liệu này thể hiện trên Website của trường trong mục Thư viện số, (5.6.09 - <http://thuvien.ftec.edu.vn/>). Hiện nay, Thư viện số có 6120 tệp tài liệu điện tử (Bảng 3.5.6), trong đó ngành nuôi trồng thủy sản có 80 bài giảng; giáo trình, tài liệu được số hóa. Với thư viện số người dùng cần đăng ký tài khoản sử dụng. Khi có tài khoản, bạn đọc có quyền tra cứu, tìm kiếm tài liệu theo nhu cầu, việc tìm kiếm, truy cập tài liệu có thể thực hiện rất nhanh chóng thuận tiện, dễ dàng. Bạn đọc tra cứu thư viện số qua mục lục trực tuyến trên website thư viện số (<http://thuvien.ftec.edu.vn/TraCuuTaiLieuSo2DonGian.aspx>). Bạn đọc có thể đọc trực tuyến nội dung của các bài giảng, giáo trình, tài liệu trong cơ sở dữ liệu thư viện số. Tài liệu thư viện số dễ dàng tìm kiếm, tham khảo mọi lúc mọi nơi, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, sinh viên của Trường.

Đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường có hệ thống máy tính với phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu và tra cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin. Hệ thống máy tính được trang bị phục vụ tin học hóa công tác quản lý thư viện, thể hiện trên sổ kiểm kê tài sản hàng năm do phòng Tài chính kế toán quản lý. Số máy tính tại thư viện như sau:

	Số máy tính (chiếc)
Năm 2020	4

Năm 2021	12
-----------------	-----------

(Bảng 1.5.7)

(5.7.01 - *Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020*). Hệ thống máy tính của thư viện hiện đã nối mạng với hệ thống Mạng LAN và công Internet của trường. Máy tính tại thư viện phục vụ bạn đọc từ thứ 2 đến thứ 6 . Giờ mở cửa: buổi sáng từ 7h30 đến 11h30, buổi chiều từ 1h30 đến 4h30. Hằng năm thư viện cũng có những đánh giá kết quả về công tác thư viện. Máy tính tại thư viện hoạt động tốt, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm tài liệu của học sinh, sinh viên, cán bộ giáo viên. (5.7.02 - *Hóa đơn thanh toán cước Internet năm 2019, 2020; 2021*; 5.7.03 - *Ảnh chụp màn hình Internet*).

Học sinh sinh viên, cán bộ, giáo viên được phép sử dụng máy tính và mạng Internet, hệ thống wifi của thư viện để học tập, tra cứu tìm kiếm thông tin. Thư viện hoạt động theo kiểu truyền thống do vậy việc thống kê số lượt bạn đọc sử dụng máy tính tại thư viện thể hiện qua sổ theo dõi bạn đọc vào máy tính. Theo thống kê, năm 2019 là 777 lượt; Năm 2020 là 222 lượt (5.7.04 - *Sổ theo dõi vào máy tính năm 2019, 2020, 2021*). Hằng năm thư viện cũng có tiến hành khảo sát ý kiến bạn đọc, qua phiếu khảo sát đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động của thư viện. Điều này thể hiện qua phiếu khảo sát bạn đọc năm học 2018-2019, năm học 2019- 2020 ở câu 10 nói về loại hình dịch vụ mà bạn đọc sử dụng tại thư viện, loại hình sử dụng mạng internet có sự biến động không nhiều, mức độ sử dụng được bạn đọc đánh giá 70% đáp ứng. Phiếu khảo sát năm học 2020-2021 ở câu 5 đánh giá sự hài lòng về cơ sở vật chất, dịch vụ, nguồn thông tin tại thư viện. Qua nhận phân tích phiếu khảo sát mức độ đánh giá là khá và tốt chiếm từ 60% đến 85% (5.6.06 - *Bộ phiếu khảo sát bạn đọc năm 2018-2019; 2019-2020; 2020- 2021*). Hệ thống máy tính và mạng internet tại thư viện đáp ứng được nhu cầu dạy và học tập của học sinh sinh viên, giáo viên.

Đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng học chuyên môn của khoa Nuôi trồng thủy sản đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy. Khoa Nuôi trồng thủy sản được nhà trường trang bị thiết bị, phần mềm mô phỏng, phần mềm ảo mô phỏng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Ví dụ, trong giảng dạy kỹ thuật chọn giống, kiểm tra môi trường nuôi, công nghệ nuôi tuần hoàn (RAS), công nghệ Biofloc, đều có các Video thực tế giúp cho sự tiếp thu của sinh viên được tốt hơn (5.8.01- *Danh sách các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy các năm*; 5.8.02 - *Hình ảnh phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học nghề NTTS*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

**** Mở đầu***

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản luôn xác định người học là nhân tố trung tâm và có tính quyết định trong công tác giáo dục của Nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm đến các dịch vụ cho HSSV nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học yên tâm và phát huy tốt nhất khả năng của mình trong thời gian học tập và rèn luyện tại Trường. Ngay khi vào học, người học được Nhà trường thông tin kịp thời và đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu về công tác kiểm tra, đánh giá. Cùng với đó, người học được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách xã hội và chăm sóc sức khỏe theo quy định về y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; được đảm bảo an toàn trong trường học; được giáo dục và rèn luyện về chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống. Đồng thời được tạo môi trường thuận lợi để tham gia các hoạt động NCKH; các hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác.

**** Những điểm mạnh***

Các văn bản liên quan đến mục tiêu đào tạo, quy chế, nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, kiểm tra, đánh giá môn học,... được phổ biến đầy đủ đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau như thông báo trên website của Trường,

bảng tin, gửi bảng điểm về lớp, thông tin đến giáo viên chủ nhiệm. Trên trang Web của Nhà trường có tập hợp tất cả các văn bản pháp pháp luật của Nhà nước và các văn bản của Nhà trường để học sinh, sinh viên dễ dàng truy cập tài liệu.

Ban hành đầy đủ các quy định về chế độ chính sách đối với người học

** Những mặt tồn tại*

Công tác tuyển sinh kéo dài dẫn đến việc phổ biến Nội quy, quy định của Nhà trường cho những HSSV nhập học muộn gặp khó khăn.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng phục vụ người học*

Tiếp tục hoàn thiện cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm;

Thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học. Nhà trường liên kết và phối hợp tốt hơn nữa với các doanh nghiệp để giới thiệu cho sinh viên thực hành, thực tập và việc làm sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 6</i>	<i>8</i>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản xem việc cung cấp thông tin ban đầu về mục tiêu đào tạo, CTĐT cũng như các yêu cầu, biện pháp kiểm tra đánh giá đối với người học trong toàn khóa học là nhiệm vụ trọng tâm. Điều này có vai trò đặc biệt quan trọng, giúp người học định hình được chương trình học tập và xây dựng cho mình một kế hoạch học tập hợp lý; xác định được hướng phấn đấu trong suốt quá trình học tập tại Nhà trường.

Trước khi dự thi hoặc xét tuyển vào Trường, các thí sinh còn được tư vấn, giới thiệu để tìm hiểu về các ngành nghề đào tạo của trường thông qua tài liệu tuyên truyền, phổ biến về công tác tuyển sinh (6.1.01- *Kế hoạch đón tiếp sinh viên năm 2019, 2020, 2021, Thông báo tuyển sinh*).

Để thực hiện các nhiệm vụ trên vào đầu khóa học căn cứ vào danh sách biên chế các lớp (5.6.08- *Quyết định biên chế lớp năm 2019, 2020, 2021*) phòng Công tác học sinh, sinh viên tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (6.1.02 - *Kế hoạch học tập Tuần sinh hoạt công dân của học sinh, sinh viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*) để giúp học sinh, sinh viên hiểu biết về các quy chế, quy định về đào tạo, về công tác học sinh, sinh viên của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ lao động Thương binh và xã hội và của Nhà trường phòng Đào tạo đã phổ biến đến từng HSSV những thông tin: chương trình, kế hoạch đào tạo, trong đó có ngành Nuôi trồng thủy sản (2.2.02 – *Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*), các quy định về thi và kiểm tra kết thúc học phần (6.1.03 - *Quy chế tổ chức đào tạo của Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản năm 2019*). Nhà trường đã phổ biến các em học sinh, sinh viên biết về quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, biết về các tổ chức, đoàn thể, đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Trường (1.2.01 - *Quy chế, tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*) cho các em biết về các quy chế và những văn bản của các Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ tài chính đến học sinh, sinh viên; Quyết định số: 4368/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản; Quyết định số

70/2008/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc học bổng khuyến khích học nghề; TT số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; TT số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Quyết định 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của thủ tướng chính phủ; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Quyết định số 53/2015/ ngày 20/10/2015 và thông tư liên tịch 12/2016 ngày 16/06/2016 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp;

Ngoài ra phòng Đào tạo phối hợp với Phòng công tác học sinh, sinh viên cũng phổ biến đầy đủ các quy định liên quan đến công tác học sinh, sinh viên; Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường (6.1.04 - *Quyết định ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên*), hướng dẫn học sinh, sinh viên làm các thủ tục hồ sơ ưu đãi các chế độ các giấy tờ quan đến học sinh, sinh viên (6.1.05- *Quyết định ban hành Quy định Trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên*), hướng dẫn học sinh, sinh viên thủ tục, hồ sơ về chế độ miễn giảm học phí (6.1.06 - *Quyết định ban hành Quy định miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên*), phổ biến cho học sinh, sinh viên về các đối tượng được xét cấp học bổng khuyến khích học tập tại trường (6.1.07 - *Quyết định ban hành Quy định cấp học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng đối với học sinh, sinh viên*), Phổ biến cho học sinh, sinh viên biết về hội đồng khen thưởng, kỷ luật học sinh, sinh viên của nhà trường (6.1.08 - *Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn năm 2019, 2020, 2021*)

Sau khi kết thúc tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhà trường có tổ chức cho học sinh, sinh viên làm bài thu hoạch và nộp về phòng Công tác học sinh, sinh viên (6.1.09 - *Bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân của học sinh, sinh viên đầu khóa năm 2019, 2020, 2021*), căn cứ vào bài thu hoạch của sinh viên Phòng công tác học sinh lập danh sách sinh viên đạt kết quả trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa báo cho sinh viên và lưu tại phòng (6.1.10 - *Kết quả bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khóa năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*)

Trường đã giao nhiệm vụ cho Đoàn thanh niên cộng sản Trường phối hợp với phòng Công tác học sinh sinh viên và các khoa chuyên môn để tổ chức phát động các phong trào lớn trong học sinh, sinh viên nhằm thực hiện tốt chủ trương của ngành giáo dục: cuộc vận động “Hai không”, cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thực hiện ký cam kết phòng chống tệ nạn xã hội, thực hiện nghiêm chỉnh luật giao thông.

Trong quá trình học tập tại trường, học sinh, sinh viên còn được tạo mọi điều kiện thuận lợi để tìm hiểu sâu hơn những vấn đề có liên quan đến học tập cũng như các chế độ chính sách thông qua các tài liệu, các bảng tin hay trên Website của trường.

Do được cung cấp đầy đủ những thông tin về đào tạo nên 100% HSSV chấp hành tốt quy chế học tập và sinh hoạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chế độ chính sách cho học sinh, sinh viên căn cứ các văn bản: Luật giáo dục nghề nghiệp 2014; Nghị định số 86/2015/NĐ – CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020

-2021; Công văn số 1754/LĐTBOXH-TCGDNN về việc hướng dẫn mức thu học phí trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp năm học 2021-2022, Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBOXH 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Thông tư liên tịch số 09/2016/ TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTBOXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú. Để thuận lợi cho học sinh, sinh viên được hưởng các chế độ chính sách theo quy định, Nhà trường đã xây dựng, hướng dẫn về thực hiện các chế độ chính sách trên cơ sở các quy định quy phạm pháp luật.

Từ các quy định trên vào đầu năm học Phòng Công tác học sinh, sinh viên ra thông báo và hồ sơ học sinh, sinh viên được hưởng các chế độ, chính sách và xét duyệt hồ sơ đủ tiêu chuẩn được hưởng các chế độ theo quy định công bố trên trang Website của Nhà trường cho toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên biết và các bộ phận liên quan thực hiện. Phòng Công tác học sinh sinh viên cũng trực tiếp điện thoại cho giáo viên chủ nhiệm các lớp, để giáo viên nhắc nhở và rà soát sinh viên được hưởng các chế độ chính sách và báo về phòng Công tác HSS.

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Công văn số 1754/LĐTBOXH-TCGDNN về việc hướng dẫn mức thu học phí trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp năm học 2021-2022. Căn cứ vào nghị định nhà trường ban hành quy định miễn, giảm (6.1.07 - *Quyết định ban hành Quy định miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên năm 2017*) và đầu năm ra thông báo miễn, giảm học phí cho toàn thể học sinh, sinh viên (6.2.01 -*Thông báo miễn, giảm học phí năm học 2019-2020, 2020-2021,2021-2022*) từ thông báo đó các em sẽ nộp hồ sơ về phòng Công tác học sinh, sinh viên để phòng lập danh sách và tổng hợp và trình Hiệu trưởng.

**MIỄN GIẢM HỌC PHÍ SINH VIÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
NĂM HỌC 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**

Năm học	Số quyết định	Lớp/ Khóa	Đối tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền
2018	93/13.04.2018	10NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	100%	2,950,000
	495/03.12.2018	10NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	100%	3,250,000
2019	109/20.03.2019	10NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	100%	3,250,000
Tổng					9,450,000

Từ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú. Căn cứ vào đó nhà trường ban hành ra các quyết định (6.1.05 - *Quyết định ban hành Quy định Trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên*) và ra thông báo trợ cấp xã hội và thông báo chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên (6.2.02- *Thông báo chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; 6.2.03 - *Hồ sơ HSSV được hưởng các chế độ, chính sách*). Từ đó phòng Công tác học sinh, sinh viên lập danh sách và tổng hợp sinh viên được hưởng chính sách nội trú và trợ cấp xã hội (6.2.04 - *Quyết định cấp tiền học bổng chính sách năm học 2018-2019, 2019- 2020, 2020-2021*)

**TRỢ CẤP XÃ HỘI SINH VIÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
NĂM HỌC 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**

Năm học	Số quyết định	Lớp/ Khóa	Đối tượng	Số tiền
2018	184/12.06.2018	10 NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	7,800,000
2019	504/10.12.2018	10 NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	8,340,000
	138/26.04.2019	10 NTTS	Dân tộc Thái - Hộ nghèo	8,340,000
Tổng				24,480,000

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác HSSV của trường (6.1.04 - *Quyết định ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên*). Hàng năm nhà trường thành lập hội đồng tư vấn (6.1.08 - *Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn năm học 2019, 2020, 2021*). Sau khi kết thúc một học kỳ Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV tổ chức họp Hội đồng đánh giá xét điểm rèn luyện cho HSSV (6.2.05 - *Biên bản họp Hội đồng xét điểm rèn luyện năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*). Căn cứ vào biên bản họp của Hội đồng đánh giá phòng Công tác học sinh, sinh viên ra quyết định và trình Hiệu trưởng (6.2.06 - *Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021*). Trong Quy chế có quy định khen thưởng cho tập thể và cá nhân HSSV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Nhà trường đã xây dựng Quy định về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV để công tác xét, cấp học bổng được rõ ràng, đúng đối tượng (6.1.06 - *Quyết định ban hành Quy định cấp học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng đối với học sinh, sinh viên*). Dựa trên kết quả học tập, kết quả rèn luyện của HSSV và Quy chế về cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên, phòng Công tác học sinh, sinh viên trình Hiệu trưởng Danh sách học sinh, sinh viên đạt để Hiệu trưởng ra quyết định cho HSSV được hưởng học bổng

theo quy định (6.2.07 - Quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021)

BẢNG TỔNG HỢP CẤP HỌC BỔNG CHO SINH VIÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM HỌC 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

Năm học	Số quyết định	Lớp/ Khóa	Học bổng			Số tiền
			Khá	Giỏi	Xuất sắc	
2018-2019	491/30.11.2018	10NTTS - CĐ Khóa 10		1		3,900,000
	226/17.06.2019	10NTTS - CĐ Khóa 10	4			13,000,000
		11NTTS - CĐ Khóa 11	1			3,250,000
		12NTTS - CĐ Khóa 12	1			3,250,000
2019-2020	612/26.12.2019	11NTTS - CĐ Khóa 11		3		12,780,000
		12NTTS - CĐ Khóa 12	1			3,550,000
	423/11.08.2020	11NTTS - CĐ Khóa 11	3			10,650,000
		12NTTS - CĐ Khóa 12	1			3,550,000
		1911002 - CĐ Khóa 13	2	1		11,360,000
2020-2021	601/30.11.2020	1711001-CĐ 11NTTS	3			11,700,000
		1811001-CĐ 12NTTS	1			3,900,000
		1911001-CĐ 13NTTS	2			7,800,000
	337/24.08.2021	1811001-CĐ 12NTTS	1			3,900,000
		1911001-CĐ 13NTTS	2			7,800,000
		2011001-CĐ 14NTTS	3			11,700,000
Tổng			25	5	0	112,090,000

Ngoài ra Nhà trường còn nhận học bổng tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, hiệp hội trao học bổng cho HSSV có thành tích học tập cao, HSSV có hoàn cảnh khó khăn (6.2.08 - Quyết định và danh sách HSSV được cấp học bổng từ các doanh nghiệp năm 2019, 2020) và học sinh, sinh viên có kết quả học tập năm học đạt từ giỏi trở lên, có điểm rèn luyện từ tốt trở lên sẽ được nhà trường khen thưởng

vào dịp khai giảng năm học mới. Và học sinh, sinh viên xếp hạng tốt nghiệp đạt từ giỏi trở lên, có điểm rèn luyện toàn khóa đạt từ tốt trở lên sẽ được nhà trường khen thưởng tốt nghiệp khóa học tổ chức khen thưởng vào dịp bế giảng khóa học (6.2.09 - *Quyết định khen thưởng cho học sinh, sinh viên có thành tích cao trong năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*)

**KHEN THƯỞNG SINH VIÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
NĂM HỌC 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021**

Năm học	Số quyết định	Lớp/ Khóa	Khá giỏi năm học	Khen thưởng DN	Khen thưởng Tốt nghiệp	Số tiền
2018	127/23.05.2018	09NTTS - CĐ Khóa 09			3	1,100,000
	456/02.11.2018	1611001-10LT-NTTS			8	2,400,000
2020	580/18.11.2020	1911002 - CĐ khóa 13		1		500,000
Tổng			0	1	11	4,000,000

Để người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường. Nhà trường đã giao cho các giáo viên thuộc các khoa chuyên môn làm giáo viên chủ nhiệm lớp (6.2.10- *Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm các lớp cao đẳng, trung cấp và khối văn hóa năm 2019, 2020, 2021*) Giáo viên chủ nhiệm là người gần gũi, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của học sinh, sinh viên để hỗ trợ người học kịp thời người học trong quá trình học tập tại trường, kết quả đó được báo cáo trong báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác học sinh, sinh viên (6.2.11 - *Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019; 2019-2020, 2020-2021 của phòng Công tác học sinh, sinh viên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nuôi trồng thủy sản là một trong những ngành có nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực có trình độ cao. Đây là ngành học tiềm năng, mang lại cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn cũng như cơ hội khởi nghiệp kinh doanh cho sinh viên

Nuôi trồng thủy sản bao gồm rất nhiều lĩnh vực trong thủy sản như: nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý hoạt động thủy hải sản, bệnh học thủy sản. Trong quá trình học tại trường, sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn về thiết kế, tổ chức, quản lý các hoạt động nuôi trồng thủy sản, tham gia nghiên cứu cải tiến công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm mới, tư vấn kỹ thuật về hoạch định phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững; cung cấp dịch vụ và chuyển giao công nghệ nuôi trồng thủy sản

Bên cạnh đó, sinh viên theo học ngành này được nhà trường trang bị kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn như: kỹ năng thực hiện các thao tác trong sản xuất giống, ương nuôi, quản lý môi trường và sức khỏe động vật thủy sản; vận dụng phương pháp và dữ liệu thích hợp để phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất thủy sản; tư vấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống, ương nuôi động vật thủy sản, kinh doanh và quản lý trong lĩnh vực thủy sản đạt hiệu quả cao.

Nhằm giúp học sinh, sinh viên có việc làm ổn định sau khi tốt nghiệp, ngay từ khâu tuyển sinh, Trường bắt đầu tổ chức tư vấn tuyển sinh bằng cách mô tả về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp (1.1.02- *Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề NTTS năm 2019*; 6.1.03- *Quy chế tổ chức đào tạo của Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản*). Phòng Công tác học sinh, sinh viên tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (6.1.02 - *Kế hoạch học tập Tuần sinh hoạt công dân của học sinh, sinh viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*) để cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; Lồng ghép vào giờ sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm cũng cung cấp thêm

cho học sinh, sinh viên các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm ngành Nuôi trồng thủy sản qua bài báo, báo cáo ngành nuôi trồng thủy sản (6.3.01 - *Biên bản sinh hoạt lớp năm 2019, 2020, 2021*; 6.3.02- *Bài báo, tin tức ngành, nghề nuôi trồng thủy sản năm 2019, 2020, 2021*). Để thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp Trường Cao đẳng kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản đã gắn kết chặt chẽ đào tạo giữa Nhà trường và doanh nghiệp. Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp là yêu cầu khách quan dựa trên những nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, giáo dục của nhà trường gắn liền với giáo dục của gia đình và xã hội”, “Nhà trường đào tạo cái xã hội cần chứ không phải đào tạo cái nhà trường có”. Trong những năm qua Nhà trường đã liên kết với nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo, cụ thể nhà trường đã liên kết với các doanh nghiệp sau:

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP

TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Năm	Doanh nghiệp	Ghi chú
2019	Công ty TNHH một thành viên Nông nghiệp Bạch Long	
2019	Công ty cổ phần Việt Tùng Anh	
2019	Công ty nuôi trồng và dịch vụ thủy sản Tuấn Nghĩa	
2019	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc	
2020	Công ty Cổ phần chăn nuôi PC Việt Nam	
2020	Công ty DE HEUS	
2020	Công ty cổ phần thực phẩm BIM	
2020	Công ty Minh Phú	
2020	Công ty TNHH MTV thủy sản Thiên Hà	
2020	Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai	
2020	Công ty cổ phần Thủy sản Trung Sơn	
2020	Tập đoàn rạn đông	
2021	Công ty Minh Phú	
2021	Công ty TNHH thương mại Thú y PARADISE	

2021	Công ty cổ phần đầu tư Tuấn Tú Hà Nội	
2021	Công ty TNHH sinh học Hoàn Cầu	
2021	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai	
2021	Công ty C.P Việt Nam	

Nhà trường liên kết với các doanh nghiệp để doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên của Trường đến thực hành, thực tập tại doanh nghiệp: Khi học sinh, sinh viên đến thực tập, thực tế tại doanh nghiệp, học sinh, sinh viên được thực hành trên những trang thiết bị hiện đại, sát với thực tế doanh nghiệp đang hoạt động. Vì vậy khi sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể tiếp cận với doanh nghiệp, không bị ngỡ, doanh nghiệp không phải đào tạo lại sinh viên, khi thực tập tại doanh nghiệp, doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn, ở cho học sinh, sinh viên (6.3.03 - *Thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp*). Hàng năm, Nhà trường tiếp nhận các thông báo tuyển dụng và tuyển dụng trực tiếp tại trường của các doanh nghiệp (6.3.04 - *Thông báo tuyển dụng lao động năm 2019, 2020, 2021*). Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản luôn quan tâm, theo dõi về việc làm của học sinh, sinh viên sau khi ra trường (6.3.05- *Danh sách và thông tin HSSV tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Hàng năm, phòng Công tác học sinh, sinh viên tiến hành điều tra lần vết để biết thông tin về việc làm của học sinh sinh viên (7.2.01 - *Kế hoạch lần vết HSSV ngành NTTS năm 2019, 2020, 2021*). Căn cứ vào tình hình sinh viên tốt nghiệp các khóa để điều tra lần vết (7.2.03 - *Danh sách HSSV tốt nghiệp kèm Quyết định tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*; 7.2.02 - *Bộ phiếu khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021*). Trên cơ sở số phiếu thu về Phòng công tác sinh viên tổng hợp phiếu khảo sát (7.2.04 - *Tổng hợp kết quả điều tra lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.2.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021*). Tổng số sinh viên được khảo năm 2019 đạt 83% có việc làm, năm 2020 đạt 100% HSSV có việc làm đúng ngành nghề. Đạt kết quả trên chính là nhờ sự quan tâm của các cấp, các ngành, nhất là sự nỗ lực của Nhà trường trong vai trò là cầu nối giữa học sinh, sinh viên và Doanh nghiệp..

Thời gian tới, trường tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phối hợp tốt các Doanh nghiệp đưa học sinh, sinh viên đi thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để giúp cho người học nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học, nhà trường đã cho xây dựng khu giáo dục thể chất bao gồm nhà giáo dục thể chất đa năng với hơn 700 chỗ ngồi, phục vụ cho việc thi đấu thể thao các môn như cầu lông, bóng đá futsal, kéo co của cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên; khu bể bơi tập luyện ngoài trời với 6 đường bơi, diện tích (16m x 50m) phục vụ cho học sinh sinh viên học bơi và rèn luyện thể chất; ngoài ra nhà trường còn có sân bóng đá ngoài trời, đường chạy; có Hội trường lớn với 300 chỗ ngồi, có sân khấu phục vụ các kỳ Hội diễn văn nghệ như chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày khai giảng năm học mới. (6.4.01 – *Hồ sơ hoàn công khu thể chất và hình ảnh khu giáo dục thể chất*).

Hàng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động tình nguyện tại chỗ như dọn vệ sinh giảng đường, lớp học, khu ký túc xá, khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm... với sự tham gia đông đảo và tích cực của học sinh, sinh viên nhà trường. Ngoài ra, Đoàn trường còn phối hợp với Thị đoàn Từ Sơn và Đoàn phường Đình Bảng tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, dọn dẹp nghĩa trang liệt sĩ, tham gia thấp nển tri ân các anh hùng liệt sĩ nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; tham gia ủng hộ nghĩa tình biên giới, hải đảo; ủng hộ chương trình tình nguyện mùa đông và Xuân yêu thương... (6.4.02 - *Kế hoạch tổ chức các hoạt động năm 2019, 2020, 2021*; 6.4.03 – *Các hình ảnh hoạt động thi đấu thể thao năm 2019, 2020, 2021*). Ban chấp hành đoàn trường đã phát động học sinh, sinh viên tham gia ngày hội hiến máu tình nguyện do Viện huyết học truyền máu Trung Ương và Thị đoàn tổ chức hàng năm, thu hút đông đảo học sinh, sinh viên trong trường đăng kí tham gia (6.4.04 – *Kế hoạch tham gia hiến máu tình nguyện năm 2019, 2020, 2021*; 6.4.05 – *Các hình ảnh hoạt động hiến máu tình nguyện năm 2019, 2020, 2021*).

Các hoạt động văn hóa văn nghệ như múa, hát, nhảy... cũng thường xuyên được Đoàn trường tổ chức nhân dịp các ngày lễ lớn như: Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày khai giảng năm học mới, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11... (6.4.06 - *Kế hoạch tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT năm 2019, 2020, 2021*; 6.4.07 - *Hình ảnh các hoạt động văn hóa văn nghệ của người học các năm 2019, 2020, 2021*). Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên cũng phát động và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao dành cho CBGV, HSSV của trường như kéo co, đá bóng, cầu lông, chạy ngắn... thu hút đông đảo CBGV và HSSV tham gia; ngoài ra Đoàn thanh niên cũng phát động đoàn viên tham gia các hoạt động thể dục thể thao do đoàn cấp trên tổ chức như giải bóng đá, chạy việt dã... (6.4.06 - *Kế hoạch tổ chức các hoạt động VHVN, TDTT năm 2019, 2020, 2021*; 6.4.08 - *Hình ảnh các hoạt động thể dục thể thao của người học các năm 2019, 2020, 2021*). Kết thúc năm học, Ban chấp hành Đoàn thanh niên trường có báo cáo tổng kết về các hoạt động phong trào trong năm học do đoàn trường tổ chức (6.4.09 - *Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của học sinh, sinh viên về việc tham gia các hoạt động của nhà trường (7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.02 - *Bộ phiếu khảo sát 2019, 2020, 2021*; 7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*).

Kết quả khảo sát cho thấy học sinh đánh giá cao hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm.

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

**** Mở đầu***

Mục tiêu của trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản là đào tạo, cung cấp cho xã hội một lực lượng lao động chất lượng cao. Để đáp ứng được mục tiêu này, Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm kết hợp đào tạo gắn liền với hoạt động thực tiễn sản xuất. Trên cơ sở đó, Nhà trường biết được nhu cầu cần đáp ứng của người học đối với doanh nghiệp là gì để từ đó xây dựng, điều

chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng người lao động tốt nghiệp từ Nhà trường về sự phù hợp của chương trình đào tạo; sau đó tổng hợp, phân tích, đánh giá để có biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp nói riêng và của xã hội nói chung.

Song song với việc lấy ý kiến đánh giá của doanh nghiệp, hàng năm, Nhà trường cũng tổ chức thu thập, lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Đối với người học, sau 06 tháng tính từ khi tốt nghiệp, Nhà trường cũng quan tâm, tìm hiểu học sinh sinh viên có việc làm phù hợp với ngành/ngành đào tạo hay không, bằng cách tổ chức thực hiện điều tra lần vết để lấy thông tin về việc làm nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và trợ giúp những HSSV chưa tìm được việc làm.

** Những điểm mạnh*

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp liên quan đến nhiều ngành/ngành, trong đó có lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Đây là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin, dự báo nhu cầu của thị trường lao động; từ đó, làm cơ sở cho việc đánh giá nhu cầu của người sử dụng lao động, phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm khi học sinh sinh viên tốt nghiệp.

Nhà trường đã xây dựng được quy trình tự đánh giá chất lượng đảm bảo đúng quy định và đang được vận hành tốt. Qua đó, hàng năm Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp, báo cáo và đánh giá sự phù hợp của các minh chứng. Vì vậy, công tác tự đánh giá của Nhà trường đã đi vào nề nếp. Chính việc phân tích thông tin minh chứng đã giúp cho Nhà trường kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tế.

** Những mặt tồn tại*

Đặc thù của ngành, nghề Nuôi trồng thủy sản là học sinh sinh viên có thể tìm việc làm ở rất nhiều địa phương, trong nhiều doanh nghiệp trên khắp cả nước. Đây là mặt thuận lợi đối với người học sau khi tốt nghiệp nhưng lại là một khó khăn trong việc thực hiện điều tra lần vết cho phía Nhà trường vì có rất nhiều học sinh sinh viên sau khi thay đổi nơi làm việc đã thay đổi địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng các mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Nhà trường với những doanh nghiệp trên cả nước; thường xuyên cập nhật nhu cầu của doanh nghiệp, thực hiện sự kết hợp giữa đào tạo và sản xuất phục vụ tốt hơn cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng lĩnh vực, giúp học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng với ngành, nghề được đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp, nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và học sinh sinh viên (cả đang học và đã tốt nghiệp) với nội dung, phương pháp khảo sát khoa học hơn nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Trên cơ sở kết quả của việc thực hiện khảo sát, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng và cải tiến cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<i>Tiêu chí 7</i>	<i>16</i>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với thị trường lao động, mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp, hàng năm Nhà trường giao cho phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng là đơn vị thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đến quá trình đào tạo của Trường, trong đó có tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của người đã tốt nghiệp đang làm việc tại những doanh nghiệp và sự phù hợp của Chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cụ thể, Trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến (7.1.01. - *Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*). Đồng thời, Trường cũng lập danh sách các doanh nghiệp đã và đang có SV đã tốt nghiệp của ngành NTTS của trường làm việc. Trong danh sách này: có tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của doanh nghiệp (7.1.03- *Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Để đạt hiệu quả trong công tác khảo sát lấy ý kiến, Nhà trường sử dụng phương pháp thu thập ý kiến bằng cách gửi phiếu khảo sát qua email, qua đường bưu điện để mời doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát. Trong phiếu khảo sát, Nhà trường có những câu hỏi, xin ý kiến doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp (trong câu khảo sát 6, 7, 8) và sự phù hợp của Chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (trong câu khảo sát 5, mục 8) khi gắn chương trình đào tạo với nhu cầu thị trường lao động (7.1.02 - *Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp 2019, 2020, 2021*).

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các doanh nghiệp hàng năm (7.1.06 – *Danh sách doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021*), phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổng hợp phiếu khảo sát (7.1.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp 2019, 2020, 2021*)

Kết quả như sau:

1. Về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang lao động tại doanh nghiệp

Về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang lao động tại doanh nghiệp, Nhà trường khảo sát ý kiến các doanh nghiệp về các nội dung: Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ (câu số 6, gồm 10 mục); Kỹ năng mềm (câu số 7, gồm 10 mục); Phẩm chất cá nhân (câu số 8, gồm 10 mục).

Tỉ lệ mức độ đánh giá từng năm được tính theo công thức:

$$Tỉ\ lệ\ (\%) \text{ mỗi mức độ} = \frac{\text{Số ý kiến đánh giá (ở mỗi mức độ)}}{(\text{Tổng số doanh nghiệp}) \times \text{Số mục khảo sát của nội dung liên quan}} \times 100\%$$

Kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2019

Năm 2019	Số doanh nghiệp		Mức độ đánh giá							
	Gửi phiếu khảo sát	Phản hồi	Không hài lòng		Ít hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
			Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ	13	11	0	0.0	0	0.0	60	54.5	50	45.5
Kỹ năng mềm	13	11	0	0.0	0	0.0	67	60.9	43	39.1
Phẩm chất cá nhân	13	11	0	0.0	0	0.0	49	44.5	61	55.5

- Năm 2020

Năm 2020	Số doanh nghiệp		Mức độ đánh giá							
	Gửi phiếu khảo sát	Phản hồi	Không hài lòng		Ít hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
			Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ	13	11	0	0.0	0	0.0	49	44.5	61	55.5
Kỹ năng mềm	13	11	0	0.0	0	0.0	55	50.0	55	50.0
Phẩm chất cá nhân	13	11	0	0.0	0	0.0	43	39.1	67	60.9

- Năm 2021

Năm 2021	Số doanh nghiệp	Mức độ đánh giá
----------	-----------------	-----------------

	ngành									
	Gửi phiếu khảo sát	Phản hồi	Không hài lòng		Ít hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
			Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ	13	11	0	0.0	1	0.9	53	48.2	56	50.9
Kỹ năng mềm	13	11	0	0.0	0	0.0	51	46.4	59	53.6
Phẩm chất cá nhân	13	11	0	0.0	0	0.0	39	35.5	71	64.5

Trong các năm được khảo sát, chỉ năm 2021 có một ý kiến đánh giá ít hài lòng, chiếm tỉ lệ 0.9%. Như vậy, các doanh nghiệp đánh giá rất cao về mức độ đáp ứng của HSSV ngành NTTS tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản. Trong đó, các doanh nghiệp đều đánh giá từ mức Hài lòng trở lên. Đặc biệt, trong các năm được khảo sát, mức độ Rất hài lòng càng ngày càng tăng lên; chứng tỏ theo từng năm, mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp ngày càng được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao hơn, thể hiện ở tỉ lệ đạt mức Rất hài lòng tăng dần, năm sau cao hơn năm trước. Điều này khẳng định khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp đã được Nhà trường quan tâm hơn.

2. Về mức độ phù hợp của Chương trình đào tạo đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Nội dung khảo sát này có trong mục 8 của câu hỏi 5 (liên quan đến CTĐT), trong đó Nhà trường lấy ý kiến CTĐT gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động trong đó có sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của ngành Thủy sản. Cụ thể như sau:

Năm (khảo sát)	Số doanh nghiệp	Đánh giá mức độ phù hợp của CTĐT đối với thực tiễn của thị trường lao động trong			
		Không hài lòng	Ít hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng

	Được gửi phiếu khảo sát	Phản hồi	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2019	13	11	0	0.0	0	0.0	6	54.5	5	45.5
2020	13	11	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
2021	13	11	0	0.0	0	0.0	6	54.5	5	45.5

Hàng năm, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Thủy sản đều có ý kiến phản hồi về mức độ phù hợp của Chương trình đào tạo đối với thị trường lao động trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ mức Hài lòng trở lên. Có thể thấy, CTĐT ngành NTTS đã được các doanh nghiệp trong lĩnh vực Thủy sản đánh giá phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Như vậy, qua kết quả khảo sát trên, doanh nghiệp đã đánh giá cao chất lượng học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp và Chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản của Nhà trường.

Sau khi tổng hợp phiếu khảo sát, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã báo cáo kết quả với Ban giám hiệu Nhà trường (7.1.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021*).

Căn cứ vào kết quả đánh giá từng năm, Nhà trường thấy chưa cần thiết phải điều chỉnh Chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy bởi vì các doanh nghiệp đã đánh giá là phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trước khi người học tốt nghiệp, Nhà trường giao cho phòng Công tác học sinh sinh viên thu thập thông tin như số điện thoại, địa chỉ liên hệ của người học từ đó làm cơ sở để thực hiện lần vết đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Phòng Công tác học sinh sinh viên lập kế hoạch điều tra lần vết (7.2.01 – Kế hoạch điều tra lần vết HSSV ngành NTTS năm 2019, 2020, 2021), xây dựng phiếu khảo sát (7.2.02 – Phiếu khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021), tiến hành khảo sát 100% sinh viên tốt nghiệp ngành NTTS (7.2.03 – Danh sách HSSV tốt nghiệp kèm Quyết định tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Phòng Công tác học sinh sinh viên đã lập danh sách, thông tin của học sinh sinh viên trước khi học sinh tốt nghiệp để làm cơ sở lần vết (6.3.05 – Danh sách và thông tin HSSV ngành NTTS tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020) nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về tình hình việc làm; điều này được khảo sát trong câu 2 (phần 2), đánh giá của HSSV tốt nghiệp về chất lượng đào tạo ở câu 7 (phần 2) và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm ở câu 11 (phần 2) của phiếu khảo sát điều tra lần vết về tình hình của sinh viên sau tốt nghiệp.

Nhà trường luôn đa dạng hóa các hình thức lần vết nhằm thu thập được nhiều nhất thông tin phản hồi của người học. Sau 6 tháng HSSV tốt nghiệp, Nhà trường gửi phiếu khảo sát qua đường bưu điện, qua email.

Kết quả khảo sát HSSV ngành NTTS các năm như sau:

HSSV tốt nghiệp đánh giá Chất lượng đào tạo

Năm (khảo sát)	Số HSSV		Số HSSV đã có việc làm		HSSV tốt nghiệp đánh giá Chất lượng đào tạo							
					Các mức độ đánh giá							
	Được khảo sát	Phản hồi	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Rất tốt		Tốt		Bình thường		Yếu, Kém	
					SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
2019	12	12	12	100	7	58	5	42	0	0.0	0	0.0
2020	06	06	06	100	5	83	1	7	0	0.0	0	0.0
2021	03	03	03	100	2	67	1	33	0	0.0	0	0.0

HSSV tốt nghiệp đánh giá Chương trình đào tạo

Năm (khảo sát)	Số HSSV	Số HSSV đã có việc làm	HSSV tốt nghiệp đánh giá Chương trình đào tạo
			Mức độ đánh giá

	Được khảo sát	Phản hồi	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Rất phù hợp		Phù hợp		Tương đối phù hợp		Không phù hợp	
					SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)
2019	12	12	12	100	06	50	05	42	1	8.0	0	0.0
2020	06	06	06	100	04	67	02	33	0	0.0	0	0.0
2021	03	03	03	100	02	67	01	33	0	0.0	0	0.0

Trên cơ sở kết quả thu được của người học đã tốt nghiệp, phòng Công tác học sinh sinh viên tổng hợp phiếu phân tích số liệu, có nhận xét chung và báo cáo Ban giám hiệu (7.2.04 - *Tổng hợp kết quả điều tra lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.2.05 – *Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021*).

Từ kết quả khảo sát trên, có thể nhận thấy: các HSSV sau khi tốt nghiệp đã có những phản hồi về thông tin việc làm và có đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo và CTĐT của Nhà trường. Cụ thể: sau khi tốt nghiệp, 100% HSSV đã có việc làm; về chất lượng đào tạo của Nhà trường, HSSV đều đánh giá từ mức Tốt trở lên; với CTĐT, năm 2019 chỉ có 01 HSSV cho rằng CTĐT tương đối phù hợp, còn các năm khác, mức đánh giá của HSSV sau khi tốt nghiệp đều đánh giá là từ mức phù hợp trở lên và không có HSSV nào đánh giá CTĐT là Không phù hợp. Như vậy, HSSV đã tốt nghiệp đều có việc làm và đánh giá cao chất lượng đào tạo và cho rằng CTĐT phù hợp với vị trí việc làm của HSSV.

Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào nhiều kênh khảo sát trong đó, qua kênh thông tin từ HSSV sau tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động. Với kết quả khảo sát học sinh sinh viên về mức độ phù hợp của Chương trình đào tạo ngành NTTS như trên thì Nhà trường vẫn thấy phù hợp và chưa cần phải điều chỉnh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản có 06 phòng ban, 07 khoa hoặc tổ bộ môn tương đương và 03 trung tâm. Đối với ngành nghề thủy sản, các phòng, khoa/bộ môn tương đương và các trung tâm này đều có liên quan. Nhằm đảm bảo quyền lợi của các nhà giáo và người lao động trong Trường được công bằng, khách quan thì hàng năm, Ban giám hiệu Nhà trường giao cho phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tiến hành thu thập ý kiến đánh giá của các nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến hoạt động của Nhà trường như: công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Để việc thu thập ý kiến đánh giá đạt hiệu quả, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã xây dựng kế hoạch khảo sát (7.3.01 – *Kế hoạch khảo sát ý kiến nhà giáo và cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*), thiết kế phiếu khảo sát (7.3.02 – *Bộ phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*). Trong phiếu khảo sát này, phòng Khảo thí và Kiểm định đã xây dựng 10 câu hỏi phục vụ cho việc thu thập thông tin liên quan nhằm nâng cao chất lượng dạy học và quản lý đào tạo trong Nhà trường, trong đó có các nội dung liên quan đến: Công tác dạy và học (câu hỏi số 7 của phiếu khảo sát); các nội dung liên quan đến Công tác tuyển dụng, Công tác bổ nhiệm, Công tác bồi dưỡng, Công tác phân loại và đánh giá nhà giáo và cán bộ quản lý (câu hỏi số 2, mục b).

Để có sự đánh giá toàn diện thì trong mỗi nội dung nêu trên, phiếu khảo sát lại lấy ý kiến đánh giá chi tiết, cụ thể bằng những câu hỏi nhỏ liên quan đến các nội dung đó với 04 mức đánh giá khác nhau như: Không phù hợp, Ít phù hợp, Phù hợp và Rất phù hợp. Sau khi xây dựng xong phiếu khảo sát, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã lập danh sách 100% nhà giáo tham gia giảng dạy ngành Nuôi trồng thủy sản, cán bộ quản lý của các phòng, khoa, trung tâm (7.3.03 – *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021*).

Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã gửi Phiếu khảo sát đến các phòng, khoa, trung tâm trong Nhà trường và đề nghị 100% các nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia đánh giá tất cả các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng - bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Sau khi lấy ý kiến khảo sát của nhà giáo giảng dạy ngành NTTS và cán bộ quản lý thì phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tiến hành xử lý phân tích số liệu, đánh giá kết quả.

Kết quả khảo sát như sau:

Về số người tham gia khảo sát

Năm	Số nhà giáo, cán bộ quản lý	Số nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát	Tỉ lệ
2019	46	46	100%
2020	47	47	100%
2021	48	48	100%

Như vậy, hàng năm có 100% nhà giáo giảng dạy ngành NTTS và cán bộ quản lý tham gia khảo sát ý kiến về những nội dung liên quan đến công tác dạy và học, công tác tuyển dụng, công tác bổ nhiệm, công tác bồi dưỡng, công tác phân loại và đánh giá.

a. Công tác dạy và học

Liên quan đến công tác dạy và học, trong câu hỏi số 7 của phiếu khảo sát, Nhà trường đã xin ý kiến đánh giá ở 06 nội dung khác nhau nhằm thu thập một cách đầy đủ và toàn diện nhất về hoạt động dạy và học ở các mức độ khác nhau. Sau khi lấy ý kiến khảo sát của nhà giáo giảng dạy ngành NTTS và cán bộ quản lý thì phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tiến hành xử lý phân tích số liệu, đánh giá kết quả. Vì liên quan đến công tác dạy và học, phiếu khảo sát có nhiều nội dung, trong mỗi nội dung lại lấy nhiều ý kiến khảo sát liên quan đến nội dung đó. Vì vậy, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lấy tổng số ý kiến đánh giá ở mỗi mức độ trong từng nội dung. Từ đó, tính tỉ lệ phần trăm ở mỗi mức đánh giá của nhà giáo và cán bộ quản lý trên cơ sở tổng số phiếu đó theo công thức:

$$Tỉ\ lệ\ (\%) \text{ mỗi mức độ} = \frac{\text{Số ý kiến đánh giá (ở mỗi mức độ)}}{(\text{Tổng số nhà giáo + cán bộ quản lý}) \times \text{Số câu khảo sát của nội dung liên quan}} \times 100\%$$

a. Kết quả khảo sát công tác dạy và học

Năm	Số GV, CBQL tham gia đánh giá		Mức độ đánh giá							
			Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
2019	46/46	100	0	0.0	0	0.0	237/276	85.9	39/276	14.1
2020	47/47	100	0	0.0	02/282	0.7	228/282	80.9	52/282	18.4
2021	48/48	100	0	0.0	0	0.0	241/288	83.7	47/288	16.3

Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy công tác dạy và học của Nhà trường được nhà giáo và cán bộ quản lý đánh giá cao, từ mức Phù hợp trở lên đạt trên 99%. Để có được kết quả đó, công tác dạy và học đã được Nhà trường rất quan tâm.

b. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm; công tác bồi dưỡng; công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý

Trong câu 2, phần b của phiếu khảo sát, các nội dung Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm (mục 1); công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng (mục 2) và công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý (mục 4)

Năm	Số GV, CBQL tham gia đánh giá		Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
				Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)		Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)
2019	46/46	100	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm	0	0.0	0	0.0	41	89.1	5	10.9
			Công tác bồi	0	0.0	0	0.0	38	82.6	8	17.4

			duỡng								
			Công tác phân loại, đánh giá	0	0.0	0	0.0	41	89.1	5	10.9
2020	47/47	100	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm	0	0.0	0	0.0	38	80.9	9	19.1
			Công tác bồi dưỡng	0	0.0	0	0.0	38	80.9	9	19.1
			Công tác phân loại, đánh giá	0	0.0	0	0.0	38	80.9	9	19.1
2021	48/48	100	Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm	0	0.0	0	0.0	39	81.3	9	18.8
			Công tác bồi dưỡng	0	0.0	0	0.0	41	85.4	7	14.6
			Công tác phân loại, đánh giá	0	0.0	1	2.1	43	89.6	4	8.3

Kết quả khảo sát trên cho thấy các nội dung liên quan đến công tác tuyển dụng bổ nhiệm, công tác bồi dưỡng nhà giáo và công tác phân loại đánh giá chất lượng nhà giáo, cán bộ quản lý của Nhà trường được đánh giá cao, từ mức Phù hợp trở lên; chỉ có năm 2021, có 1 ý kiến đánh giá công tác phân loại đánh giá chất lượng nhà giáo, cán bộ quản lý là Ít phù hợp. Tuy nhiên, công tác này vẫn đạt trên 97% từ mức độ Phù hợp trở lên.

Như vậy, Nhà trường đã làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng nhà giáo và phân loại, đánh giá chất lượng nhà giáo, cán bộ quản lý.

Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả với Ban giám hiệu (7.3.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021; 7.3.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ người học, Nhà trường đưa ra quan điểm “lấy người học làm trung tâm”, luôn quan tâm đến ý kiến phản hồi của người học. Nhà trường đã giao cho phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng là đơn vị đầu mối trong công tác khảo sát lấy ý kiến người học. Hàng năm, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng xây dựng kế hoạch khảo sát (7.4.01 - *Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*) và xây dựng phiếu khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học (7.4.02 - *Phiếu khảo sát HSSV năm 2019, 2020, 2021*). Cũng trong phiếu khảo sát đó, Nhà trường khảo sát, thăm dò ý kiến của Học sinh, sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tại Trường và cảm nhận của người học về giáo viên đứng lớp.

Để thu thập được nhiều ý kiến phản hồi của người học, Nhà trường đã phối hợp với phòng Đào tạo, tại buổi thi kết thúc môn học/mô-đun phân lý thuyết hoặc các giờ sinh hoạt lớp, học sinh - sinh viên được hướng dẫn trả lời phiếu khảo sát (7.4.03 - *Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Cụ thể như sau: năm 2019 khảo sát 65/65 sinh viên (tỉ lệ 100%); năm 2020 khảo sát 63/63 sinh viên (100%); năm 2021 khảo sát 59/59 sinh viên (đạt 100%)

Kết quả khảo sát các nội dung liên quan như sau:

a. Hiệu quả của hình thức, phương thức đào tạo

Năm khảo sát	Số HSSV được khảo sát		Hiệu quả của hình thức, phương thức đào tạo (Mục 6 của phiếu khảo sát)									
	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Xuất sắc		Tốt		Bình thường		Yếu		Kém	
			Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)

2019	65/65	100	07	10.8	45	69.2	13	20.0	0	0.0	0	0.0
2020	63/63	100	25	39.7	36	57.1	02	3.2	0	0.0	0	0.0
2021	59/59	100	23	39.0	34	57.6	02	3.4	0	0.0	0	0.0

Kết quả trên khẳng định: Hàng năm, HSSV ngành NTTS đánh giá cao hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo. Mức đánh giá Xuất sắc và Tốt chiếm tỉ lệ cao, không có Yếu, Kém. Đặc biệt, năm 2020 tỉ lệ Xuất sắc của hình thức và phương thức đào tạo ở mức xấp xỉ 40%, điều đó cho thấy Nhà trường đã không ngừng nâng cao hiệu quả của hình thức và phương thức đào tạo.

b. Về chất lượng giảng dạy

Năm khảo sát	Số HSSV được khảo sát		Chất lượng giảng dạy (Mục 17 của phiếu khảo sát)									
	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Xuất sắc		Tốt		Bình thường		Yếu		Kém	
			Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
2019	65/65	100	05	7.7	49	75.4	11	16.9	0	0.0	0	0.0
2020	63/63	100	19	30.2	43	68.3	01	1.6	0	0.0	0	0.0
2021	59/59	100	18	30.5	40	67.8	01	1.7	0	0.0	0	0.0

Từ kết quả trên, có thể thấy: học sinh sinh viên ngành NTTS đánh giá cao chất lượng giảng dạy của giáo viên trong Nhà trường. Mức độ Xuất sắc và Tốt hàng năm đều trên 80%; đặc biệt, năm 2020, chất lượng giảng dạy của giáo viên được học sinh ngành NTTS đánh giá 98,5% ở mức Xuất sắc và Tốt.

c. Về dịch vụ đối với người học

Năm khảo sát	Số HSSV được khảo sát		Dịch vụ đối với người học (Mục 30 của phiếu khảo sát)									
	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Xuất sắc		Tốt		Bình thường		Yếu		Kém	
			Số	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ

			phiếu	(%)	phiếu	(%)	phiếu	(%)	phiếu	(%)	phiếu	(%)
2019	65/65	100	09	13.8	47	72.3	09	13.8	0	0.0	0	0.0
2020	63/63	100	21	33.3	40	63.5	02	3.2	0	0.0	0	0.0
2021	59/59	100	19	32.2	38	64.4	02	3.4	0	0.0	0	0.0

Dịch vụ đối với người học được lấy khảo sát ở mục 30 của phiếu khảo sát dành cho HSSV ngành NTTS đang học tại Trường. Kết quả khảo sát cho thấy: HSSV đánh giá ở dịch vụ đối với người học ở mức Tốt trở lên trong các năm đều đạt trên 86%. Đặc biệt, từ năm 2020 trở đi, đã giảm tỉ lệ mức Bình thường và tăng tỉ lệ Xuất sắc lên làm cho mức đánh giá Tốt trở lên của dịch vụ đối với người học đạt trên 96%. Như vậy, qua khảo sát ý kiến HSSV về nội dung liên quan, có thể thấy HSSV đánh giá rất cao chất lượng dịch vụ đối với người học của Nhà trường.

d. Về thực hiện chế độ chính sách

Năm khảo sát	Số HSSV được khảo sát		Thực hiện chế độ chính sách (Mục 29 của phiếu khảo sát)									
	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	<i>Xuất sắc</i>		<i>Tốt</i>		<i>Bình thường</i>		<i>Yếu</i>		<i>Kém</i>	
			Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
2019	65/65	100	07	10.8	48	73.8	10	15.4	0	0.0	0	0.0
2020	63/63	100	16	25.4	45	71.4	02	3.2	0	0.0	0	0.0
2021	59/59	100	15	25.4	42	71.2	02	3.4	0	0.0	0	0.0

Từ kết quả trên, có thể thấy: HSSV đánh giá cao việc thực hiện chính sách liên quan đến người học và đánh giá mức Tốt trở lên trong các năm đều đạt trên 80%. Mặc dù trong năm 2019 tỉ lệ Bình thường vẫn là mức 15,4% tuy nhiên, từ năm 2020 trở đi với sự quyết tâm của Nhà trường, việc thực hiện chính sách đối với người học, được người học đánh giá thì tỉ lệ Bình thường đã giảm xuống còn 3,4% làm tăng tỉ lệ Xuất sắc và Tốt lên mức 96,6%.

Hàng năm, sau khi thu thập ý kiến phản hồi của HSSV ngành Nuôi trồng thủy sản, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng phân tích, đánh giá, tổng hợp sự hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (7.4.04 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng báo cáo Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan, qua đó kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tế (7.4.05 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Hàng năm, Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo.

Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đối với ngành NTTS; gồm 17 thành viên, trong đó chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường. Ban thư ký gồm 11 thành viên, trưởng ban là trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng. (7.5.01 - *Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021*) và xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành NTTS theo đúng quy định (7.5.02 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021*). Trong kế hoạch này, Nhà trường đã xác định mục tiêu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, những văn bản làm căn cứ đánh giá, quy trình tự đánh giá và giao nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân kèm với đó là tiến độ, thời gian hoàn thành công việc.

Nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy của từng chương trình đào tạo, tiến tới nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo, hàng năm, khoa Nuôi trồng thủy sản tổng hợp viết báo cáo tự đánh giá cho chương trình đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt (7.5.03 – *Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành NTTS năm 2019, 2020, 2021*)

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghiên cứu, họp đánh giá và thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng cho chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản. (7.5.04 – *trích Biên bản họp Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021*). Sau đó, Nhà trường công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản đến các đơn vị trong Trường, công khai trên website (7.5.05. *Ảnh chụp giao diện website có đăng Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản các năm 2019, 2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết quả tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản hàng năm đã chỉ ra những mặt mạnh, những điểm tồn tại để từ đó các đơn vị trong Trường có kế hoạch duy trì, phát huy những mặt mạnh và khắc phục những điểm tồn tại. Việc này được thực hiện thông qua các hội nghị triển khai nhiệm vụ hàng năm với Quyết nghị của Hội đồng trường và trong hội nghị công chức, viên chức hàng năm, có báo cáo kèm theo.

Cụ thể như sau:

Năm 2019, Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản, trình độ cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản đã chỉ ra điểm mạnh của Nhà trường. Đó là: Nhà trường đã đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển khoa NTTS thực sự vững mạnh và Chương trình đào tạo nghề NTTS thực sự trở thành chương trình chất lượng cao; đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp giúp HSSV ra trường có việc

làm theo đúng ngành nghề được đào tạo. Tuy nhiên, Báo cáo cũng chỉ ra: trên cơ sở của kết quả công tác lần vết, Nhà trường nên tiếp tục cải tiến, điều chỉnh chương trình, giáo trình nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. (7.5.03 – Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản). Vì vậy, Báo cáo Hội nghị công chức, viên chức năm 2019, (số 20B/BC-CĐKTKTTS ngày 10/01/2020) trong phần *VIII. Phương hướng, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2020*, Nhà trường đã đưa ra kế hoạch và chỉ đạo chung: các đơn vị triển khai tốt các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, tăng cường kiểm tra đổi mới phương pháp dạy học; xây dựng Chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động, tiếp tục đa dạng hoá các ngành nghề, loại hình đào tạo; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên. Nhờ sự quyết tâm của Nhà trường mà trong năm 2020, các ngành/ngành đào tạo trong Nhà trường nói chung và nghề Nuôi trồng thủy sản nói riêng đã có kết quả tốt hơn. Báo cáo Hội nghị công chức, viên chức năm 2020 (số 562/BC-CĐKTKTTS, ngày 28/12/2020), mục 1.2. Công tác đào tạo của phần III. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (2020) đã chỉ ra kết quả đạt được: Các đơn vị đã tăng cường phối hợp với các khoa chuyên môn, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học trong bối cảnh chuyển đổi sang Luật giáo dục nghề nghiệp và các ngành nghề trọng điểm (trong đó có ngành/ngành NTTS) đã được Bộ LĐ-TB&XH phê duyệt; đã tích cực đổi mới phương pháp dạy học, gắn kết giữa lý thuyết và thực tế, gắn đào tạo với doanh nghiệp.

Năm 2020, Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản, trình độ cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản đã chỉ ra điểm mạnh của Nhà trường là: đã tích cực thu thập ý kiến khảo sát từ doanh nghiệp, cán bộ quản lý, nhà giáo, người học và những HSSV tốt nghiệp, tiếp thu các ý kiến đánh giá về CTĐT ngành/ngành NTTS; duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhà trường với các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực thủy sản. Mặt khác, Báo cáo cũng chỉ ra điểm tồn tại là: cần thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung để hoàn thiện chương trình, giáo trình ngành NTTS. Trong Báo cáo Hội nghị công chức viên chức năm 2020, phần III. Phương hướng, kế hoạch thực hiện trong năm 2021, mục 2. Công tác tuyển sinh, đào tạo, Nhà trường đã yêu cầu các đơn vị tổ chức rà soát chuẩn đầu ra, rà soát chương trình, bài giảng, tích cực điều chỉnh giáo trình theo hướng tăng kiến thức thực hành, kiến thức thực tế, cấu trúc bài giảng dễ hiểu, tập trung rèn tay nghề cho HSSV; đồng thời, tổ chức tốt công tác thực hành, thực tập cho HSSV, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Và, trong Quyết nghị Hội đồng trường số 15/QN-HĐT, ngày 05 tháng 1 năm 2021, mục 2.1. Công tác

đào tạo, Hội đồng trường đưa ra định hướng, kế hoạch cho năm 2021 như sau: chỉnh sửa và hoàn thiện các chương trình đào tạo (trong đó có Nuôi trồng thủy sản).

Với kế hoạch rõ ràng và sự chỉ đạo quyết liệt của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nói chung và của nghề Nuôi trồng thủy sản nói riêng nên trong Báo cáo Hội nghị công chức, viên chức năm 2021 (số 562/BC-CĐKTKTTS, ngày 21/12/2021) mục 2.2. *Tổ chức đào tạo của phần II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm 2021*, Nhà trường đã nêu lên kết quả đạt được như sau: Nhà trường đã xây dựng được quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng cho nghề NTTS; đồng thời, Nhà trường luôn đổi mới hình thức đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn thực tế cho HSSV nghề NTTS, bằng cách kết hợp với một số doanh nghiệp để học tập và rèn tay nghề cho HSSV.... Đây là hình thức đào tạo phù hợp với nhu cầu người học, gắn kết giữa lý thuyết với thực tế, gắn đào tạo với doanh nghiệp và đảm bảo có nguồn thu nhập cho cá nhân và tập thể. (7.6.01 - Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2019; phương hướng nhiệm vụ năm 2020; 7.6.02 – Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020, 2021; 1.3.15 – Quyết nghị Hội đồng Trường năm 2019, 2020, 2021)

Như vậy, có thể khẳng định: hàng năm, Nhà trường đều thực hiện việc tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản. Dựa vào kết quả tự đánh giá này, Nhà trường đã có kế hoạch cụ thể và đã thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Sau khi thực hiện, Nhà trường cũng có tổng kết, đánh giá và kết quả đạt được hàng năm đều tốt. Điều đó cho thấy chất lượng đào tạo của Nhà trường nói chung và của nghề Nuôi trồng thủy sản nói riêng ngày càng được nâng lên. Quan tâm và làm tốt công tác tổng kết, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh để phát huy, chỉ ra những mặt tồn tại để khắc phục đã góp phần nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường giao cho phòng Công tác học sinh sinh viên thực hiện công tác điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp.

Hàng năm, căn cứ vào Quyết định công nhận tốt nghiệp, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp ra trường của năm trước (7.2.03 – *Danh sách HSSV tốt nghiệp kèm Quyết định tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; 6.3.05 – *Danh sách và thông tin HSSV ngành NTTS tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*), trong vòng 06 tháng, phòng Công tác học sinh sinh viên thực hiện lập kế hoạch điều tra lần vết (7.2.01 - *Kế hoạch điều tra lần vết học sinh sinh viên ngành NTTS năm 2019, 2020, 2021*), xây dựng phiếu khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp (7.2.02 - *Phiếu khảo sát tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp 2019, 2020, 2021*) để tiến hành điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp nghề Nuôi trồng thủy sản bằng nhiều hình thức khác nhau như: gửi phiếu hỏi qua đường bưu điện, qua email. Nội dung khảo sát là thông tin ở mục 8 (phần 2) của phiếu khảo sát.

Trên cơ sở phiếu khảo sát thu được của người học đã tốt nghiệp, phòng Công tác học sinh sinh viên đã phân tích số liệu, tổng hợp báo cáo, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (7.2.04 – *Tổng hợp kết quả điều tra lần vết HSSV năm 2019, 2020, 2021*; 7.2.05 - *Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm 2019, 2020, 2021*).

Bảng kết quả khảo sát học sinh sinh viên hàng năm về tình hình tìm việc làm phù hợp với chuyên ngành, nghề được đào tạo trong vòng 06 tháng. Cụ thể như sau:

Năm (khảo sát)	Số HSSV			HSSV có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo trong vòng 06 tháng phản hồi	
	Được khảo sát	phản hồi		Số HSSV	Tỉ lệ (%)
		Số phiếu	Tỉ lệ (%)		
2019	12	12/12	100	12	100
2020	06	06/06	100	05	83
2021	03	03/03	100	03	100

Nhận xét: Hàng năm, Nhà trường đã gửi phiếu khảo sát đến 100% HSSV để thu thập thông tin trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, HSSV có việc làm có phù hợp với chuyên ngành, nghề đào tạo hay không? Qua khảo sát, số HSSV có

việc làm phù hợp với chuyên ngành, nghề đào tạo năm 2019 đạt 100%, năm 2020 đạt 83%, năm 2021 đạt 100%.

Kết luận: Như vậy, qua số liệu các năm được khảo sát, số học sinh sinh viên có công việc phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp đều đạt trên 80%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lập kế hoạch (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021), xây dựng phiếu khảo sát (7.1.02 - Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp 2019, 2020, 2021), lập danh sách các doanh nghiệp (7.1.03 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2019, 2020, 2021), lấy ý kiến doanh nghiệp đánh giá về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp nghề Nuôi trồng thủy sản. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lấy ý kiến bằng cách: gửi phiếu qua đường bưu điện, email. Sau đó, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng lập danh sách những doanh nghiệp có ý kiến phản hồi (7.1.06 – Danh sách doanh nghiệp trả lời phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021)

Trên cơ sở phiếu khảo sát thu được của doanh nghiệp, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổng hợp phiếu khảo sát (7.1.04 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021).

Trong phiếu khảo sát này, ở câu khảo sát số 6: kiến thức (mục 1. Kiến thức chuyên môn), kỹ năng (mục 3. Kỹ năng nghiệp vụ), năng lực tự chủ (mục 4. Năng lực biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào tổ chức, điều hành công việc) và trách nhiệm với nghề được khảo sát ở câu hỏi số 8 (mục 6)

Kết quả khảo sát hàng năm như sau:

	Số doanh nghiệp		Nội dung đánh giá	Mức độ đánh giá							
				Không hài lòng		Ít hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Được khảo sát	Phản hồi (Tỉ lệ %)		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2019	13	11 (84.6)	Kiến thức	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
			Kỹ năng	0	0.0	0	0.0	6	54.5	5	45.5
			Năng lực tự chủ	0	0.0	0	0.0	9	81.8	2	18.2
			Trách nhiệm với nghề	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
2020	13	11 (84.6)	Kiến thức	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
			Kỹ năng	0	0.0	0	0.0	4	36.4	7	63.6
			Năng lực tự chủ	0	0.0	0	0.0	6	54.5	5	45.5
			Trách nhiệm với nghề	0	0.0	0	0.0	6	54.5	5	45.5
2021	13	11 (84.6)	Kiến thức	0	0.0	0	0.0	4	36.4	7	63.6
			Kỹ năng	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
			Năng lực tự chủ	0	0.0	0	0.0	5	45.5	6	54.5
			Trách nhiệm với nghề	0	0.0	0	0.0	4	36.4	7	63.6

Nhận xét:

Qua số liệu khảo sát hàng năm, Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của học sinh sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản sau khi tốt nghiệp; số doanh nghiệp phản hồi ý kiến trên tổng số doanh nghiệp được khảo sát đều đạt tỉ lệ trên 84%; trong đó, doanh nghiệp phản hồi đã đánh giá từ mức Hài lòng trở lên với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản.

Kết luận: 100% số đơn vị sử dụng lao động được điều tra đều hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Sau khi tổng hợp, phân tích số liệu, phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đã báo cáo Ban giám hiệu kết quả khảo sát. (7.1.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021). Trên cơ sở đó, Nhà trường có thêm

thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hàng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực thủy sản, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản công nghệ cao;

Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển khoa Nuôi trồng thủy sản thực sự vững mạnh và chương trình đào tạo nghề Nuôi trồng thủy sản thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế;

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại;

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của cựu HSSV và doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình, giáo trình;

Tiếp tục đầu tư xây dựng phần mềm ảo mô phỏng cho các mô-đun, môn học của nghề Nuôi trồng thủy sản;

Tiếp tục cải tiến các kênh thông tin cung cấp các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo, các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách các chế độ ưu đãi, khuyến khích cho người học. Thường xuyên cập nhật và thực hiện chế độ, chính sách đối với người học. Tăng cường hơn nữa các hoạt động ngoại khóa cho học sinh, sinh viên trong Nhà trường.

Quan tâm hơn nữa đến việc liên kết đào tạo giữa Nhà trường với các trường đại học để sinh viên cao đẳng nghề Nuôi trồng thủy sản của Trường có thể học liên thông lên trình độ cao hơn.

Trong giai đoạn 2022 - 2025, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động công tác tuyển sinh, giới thiệu việc làm, tăng cường nhân sự có năng lực, mở rộng các mối

quan hệ tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc;

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cập nhật thường xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo.

Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người học, người học đã tốt nghiệp. Thường xuyên thay đổi nội dung, phương pháp khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng dạy nghề.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nơi nhận:

- Vụ Tổ chức cán bộ (để B/c)
- Sở LĐ-TB và XH (để B/c)
- TC GDNN (để B/c)
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, KT&KDCL

(Đã ký)

TS. Bùi Thị Hạnh